

UBND HUYỆN HƯƠNG SƠN
TRUNG TÂM Y TẾ
-----ΩΩΩ-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA “TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN
(CƠ SỞ 1)”**

Địa điểm: Tại thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

HÀ TĨNH, NĂM 2025

UBND HUYỆN HƯƠNG SƠN
TRUNG TÂM Y TẾ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
CỦA “TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN
(CƠ SỞ 1)”

CHỦ CƠ SỞ
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN
GIÁM ĐỐC



Lê Nhật Thành

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TN&MT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Kiên

HÀ TĨNH, NĂM 2025

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	7
---------------------	----------

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ	8
1.2. TÊN CƠ SỞ	8
1.2.1. Tên cơ sở: “Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (cơ sở 1)”	8
1.2.2. Địa điểm cơ sở:	8
1.2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án	9
1.2.4. Quy mô của cơ sở theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công	9
1.2.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường	9
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA CƠ SỞ	10
1.3.1. Công suất hoạt động của TTYT	10
1.3.2. Phương thức hoạt động, chức năng nhiệm vụ của TTYT	12
1.3.3. Sản phẩm/dịch vụ của TTYT	14
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ.	15
1.4.1. Nhu cầu về điện, nước	15
1.4.2. Nhu cầu về nguyên vật liệu phục vụ hoạt động chuyên môn:	17
1.4.3. Nhu cầu sử dụng hóa chất tẩy rửa và xử lý nước thải:	18
1.4.4. Danh mục máy móc, thiết bị của TTYT	20
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ	21

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	23
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	24

Chương II

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	26
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	26
3.1.2. Công trình thu gom, thoát nước thải:	27
3.1.3. Công trình xử lý nước thải	29
3.2. Công trình, biện pháp BVMT đối với bụi, khí thải	33
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BVMT ĐỐI VỚI CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG	34
3.3.1. Khối lượng, chủng loại phát sinh	34

3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	35
3.3.3 Biện pháp BVMT đối với chất thải rắn sinh hoạt	36
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CHẤT THẢI NGUY HẠI	36
3.4.1. Khối lượng, chủng loại phát sinh	36
3.4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	39
3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	44
3.6. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	45
3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải	45
3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quản lý chất thải rắn y tế.....	46
3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố bức xạ.....	47
3.6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ	48
3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.....	49

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	51
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:	51
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép:	51
4.1.3. Dòng nước thải:	51
4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:	51
4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:.....	52
4.2. 1.Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	52
4.2.1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:	52
4.2.2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:	53
4.2.2.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:	53

Chương V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	54
5.1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện. ..	54
5.1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi đến cơ quan có thẩm quyền	55
5.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	55
5.2.1. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải năm 2023 của cơ sở	55
5.2.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải năm 2024 của cơ sở	56
5.3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI....	57
5.4. TÌNH HÌNH PHÁT SINH, XỬ LÝ CHẤT THẢI.....	57

5.4.2. Tình hình phát sinh xử lý chất thải năm 2024	59
5.5. KẾT QUẢ THANH TRA KIỂM TRA VỀ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	61

Chương VI

**KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI	62
6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.....	63

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Sơ đồ vị trí Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (cơ sở 1)	8
Hình 1. 2. Sơ đồ mặt bằng TTYT theo quy hoạch	12
Hình 1.3. Sơ đồ quy trình khám và điều trị ngoại trú bệnh nhân không có BHYT (a) và có BHYT (b).....	13
Hình 2.1. Sơ đồ hướng thoát nước thải của cơ sở ra nguồn tiếp nhận	25
Hình 3.1. Hệ thống thu gom nước mưa của TTYT huyện Hương Sơn.....	26
Hình 3.2. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước mưa	26
Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của TTYT huyện Hương Sơn	27
Hình 3.4. Hệ thống thu gom nước thải của TTYT huyện Hương Sơn (cơ sở 1) hiện trạng.....	28
Hình 3.5. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của TTYT huyện Hương Sơn (cơ sở 1). sau khi các công trình hoàn thành đầu nổi	28
Hình 3.6. Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt.....	29
Hình 3.7. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải Trung tâm Y tế	31
Hình 3.8. Hệ thống xử lý nước thải của TTYT huyện Hương Sơn.....	31
Hình 3.9. Nhà điều hành.....	32
Hình 3.10. Bể chứa chất thải sắc nhọn tại TTYT huyện Hương Sơn	40
Hình 3.11. Khu vực lưu chứa chất thải y tế của TTYT huyện Hương Sơn	42
Hình 3.12. Hình ảnh tổng thể hệ thống khử khuẩn kết hợp nghiền cắt.....	42
Hình 3.13. Một số hình ảnh hệ thống khử khuẩn kết hợp nghiền cắt.	43
Hình 3.14. Quy trình xử lý bằng hơi nóng kết hợp nghiền cắt.	43

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Tình hình khám bệnh 3 năm gần nhất của TTYT (cơ sở 1).....	10
Bảng 1. 2. Các hạng mục công trình chính của TTYT.....	11
Bảng 1.3. Thống kê nhu cầu sử dụng điện	15
Bảng 1.4. Thống kê khối lượng nước sử dụng theo hóa đơn nước giai đoạn từ năm 2024 đến nay (m3/tháng).....	15
Bảng 1.5. Tổng nhu cầu sử dụng nước của TTYT	17
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng hóa chất của TTYT	18
Bảng 1.7. Danh mục máy móc, thiết bị khám chữa bệnh chính của TTYT	20
Bảng 2.1. Dữ liệu quan trắc mạng lưới chất lượng nước sông Ngàn Phố.....	25
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của Hệ thống xử lý nước thải tập trung	33
Bảng 3. 2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại TTYT	34
Bảng 3.3. Khối lượng phát sinh chất thải y tế nguy hại	37
Bảng 3.4. Thống kê khối lượng một số loại chất thải nguy hại khác	38
Bảng 3.5. Màu sắc của bao bì, dụng cụ lưu chứa chất thải y tế nguy hại	39
Bảng 3.6. Nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM	50
Bảng 4.1. Nồng độ các chất ô nhiễm trong dòng nước thải và giá trị giới hạn.....	51
Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn.....	53
Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn đối với độ rung	Error! Bookmark not defined.
Bảng 5.1: Kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2023	56
Bảng 5.3: Bảng tổng hợp chất thải rắn thông thường năm 2023.....	57
Bảng 5.4: Bảng tổng hợp chất thải rắn nguy hại năm 2023	58
Bảng 5.5: Bảng tổng hợp chất thải rắn thông thường năm 2024.....	59
Bảng 5.6: Bảng tổng hợp chất thải rắn nguy hại năm 2024	60
Bảng 6.1 Kế hoạch quan trắc chất thải giai đoạn vận hành thử nghiệm	62

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BVMT:	Bảo vệ môi trường
CBCN:	Cán bộ công nhân
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CTNH:	Chất thải nguy hại
CTR:	Chất thải rắn
CTRTT:	Chất thải rắn thông thường
ĐTM:	Đánh giá tác động môi trường
GPMB:	Giải phóng mặt bằng
GPMT:	Giấy phép môi trường
KH&KT:	Khoa học và kỹ thuật
KTMT:	Kỹ thuật môi trường
KT-XH:	Kinh tế - xã hội
NXB:	Nhà xuất bản
PCCC:	Phóng cháy chữa cháy
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
XLNT:	Xử lý nước thải
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TN&MT:	Tài nguyên và Môi trường
UBND:	Ủy ban nhân dân
VLXD:	Vật liệu xây dựng
WB:	Ngân hàng Thế giới
WHO:	Tổ chức Y tế Thế giới

MỞ ĐẦU

1. Giới thiệu về cơ sở “Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn”

Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn là cơ sở y tế hạng II trực thuộc UBND huyện Hương Sơn được UBND tỉnh Hà Tĩnh thành lập theo Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 và tổ chức lại theo Quyết định 631/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 trên cơ sở sát nhập Bệnh viện Đa khoa khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo vào Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn. Theo đó, Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn có 02 cơ sở, cơ sở 1 tại thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn có quy mô 130 giường bệnh kế hoạch (hiện nay đã được điều chỉnh quy mô lên 200 giường bệnh), cơ sở 2 tại thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn có quy mô 70 giường bệnh.

Quá trình thực hiện dự án, Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (cơ sở 1) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Tĩnh) phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Sơn; cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 272/GP-STNMT ngày 05/10/2015. Được UBND tỉnh Hà Tĩnh việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện tại thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh” tại Quyết định số 3836/QĐ-UBND ngày 27/12/2016; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh tại Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 28/12/2022; cấp Giấy phép môi trường số 3437/GPMT ngày 25/12/2023 về Dự án “Khu nhà điều trị 03 tầng và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn” tại tổ dân phố 2, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn với lưu lượng xả lớn nhất 150m³/ngày; thời hạn 10 năm.

2. Phạm vi đề nghị cấp giấy phép môi trường

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 (tại các khoản 2 Điều 39, khoản 3 Điều 42) quy định **“Dự án có nhiều giai đoạn, nhiều công trình, hạng mục công trình thì giấy phép môi trường có thể cấp cho từng giai đoạn, công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải”**. Do đó, Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (Chủ cơ sở) đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường (Đơn vị tư vấn) tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép Môi trường cho cơ sở **“Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (cơ sở 1)”** tại thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn để trình UBND tỉnh thẩm định, cấp giấy phép môi trường. Đối với cơ sở 2 tại thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn chưa đề xuất cấp phép tại Báo cáo này.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được lập theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục số X kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động)).

Giấy phép môi trường được cấp sẽ được lấy làm căn cứ trong việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường của cơ sở cũng như làm căn cứ cho việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở trong quá trình hoạt động.

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ

Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn

- Địa chỉ:

+ Cơ sở 1: thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn trước khi tổ chức lại);

+ Cơ sở 2: thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (Bệnh viện Đa khoa khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo trước khi tổ chức lại).

- Người đại diện theo pháp luật - phụ trách chuyên môn:

Ông Lê Nhật Thành; Chức vụ: Giám đốc Bệnh viện.

- Điện thoại: 02393.875446

- Giấy phép hoạt động khám chữa bệnh số 179/HT-GPHĐ do Sở Y tế tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 04/8/2020.

1.2. TÊN CƠ SỞ

1.2.1. Tên cơ sở: “Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (cơ sở 1)”

1.2.2. Địa điểm cơ sở:

Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (cơ sở 1) được thực hiện trên diện tích 16.793,9m² tại địa chỉ tổ dân phố 2, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Vị trí tiếp giáp cụ thể:

- Phía Tây Bắc: Giáp đường Nguyễn Tuấn Thiện (quy hoạch rộng 22m);

- Phía Đông Bắc: Giáp đường giao thông (quy hoạch rộng 15m);

- Phía Đông Nam: Giáp đường giao thông (quy hoạch rộng 4m, hiện trạng chưa xây dựng) và khu dân cư hiện trạng;

- Phía Tây Nam: Giáp đường giao thông (quy hoạch rộng 12m).



Hình 1. 1. Sơ đồ vị trí Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (cơ sở 1)

1.2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án

- *Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng:* Sở Xây dựng.
- *Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM:*
 - + Quyết định số 57/QĐ-TNMT ngày 22/4/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Tĩnh) về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Sơn.
 - + Quyết định số 3836/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện tại thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh”.
 - + Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh”.
- *Các loại Giấy phép có liên quan đến môi trường:*
 - + Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 272/GP-STNMT ngày 05/10/2015 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (thời hạn 5 năm, lưu lượng xả thải tối đa 88 m³/ngày).
 - + Giấy phép môi trường số 3437/GPMT ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Dự án “Khu nhà điều trị 03 tầng và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn” tại tổ dân phố 2, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn với lưu lượng xả lớn nhất 150m³/ngày; thời hạn 10 năm (do UBND huyện Hương Sơn làm chủ đầu tư, sau khi hoàn thành dự án sẽ bàn giao cho Trung tâm y tế Hương Sơn tiếp nhận, thực hiện đầy đủ các nội dung của giấy phép môi trường).
- *Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của cơ sở:* UBND tỉnh Hà Tĩnh.

1.2.4. Quy mô của cơ sở theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công

Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn là dự án đầu tư công thuộc lĩnh vực y tế, có tổng mức đầu tư khoảng 417 tỷ đồng (theo tổng giá trị tài sản của Trung tâm).

Theo tiêu chí phân loại tại *khoản 4 Điều 10* của Luật Đầu tư công 2024 và hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục I Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ thì các dự án thuộc lĩnh vực y tế có tổng mức đầu tư từ 90 tỷ đồng đến dưới 1.600 tỷ được phân loại vào dự án nhóm B.

Như vậy, cơ sở Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn có quy mô nhóm B theo tiêu chí Luật Đầu tư công.

1.2.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường

Cơ sở có xả nước thải ra nguồn nước có chức năng cấp nước sinh hoạt (sông Ngàn Phố) theo quy định tại khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA CƠ SỞ

1.3.1. Công suất hoạt động của TTYT

1.3.1.1. Công suất của TTYT

Căn cứ Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt chỉ tiêu giường bệnh một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh thì quy mô giường bệnh của Trung tâm Y tế Hương Sơn (cơ sở 1) được điều chỉnh từ 130 giường bệnh lên là 200 giường bệnh (*quy mô ban đầu của TTYT là 130 giường bệnh theo Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh*).

Tình hình khám bệnh 3 năm gần nhất được thể hiện chi tiết ở bảng sau:

Bảng 1. 1. Tình hình khám bệnh 3 năm gần nhất của TTYT (cơ sở 1)

Năm	Giường bệnh kế hoạch	Giường thực kê	Số lượt khám chữa bệnh	Số lượt điều trị nội trú	Tổng ngày điều trị	Công suất sử dụng giường bệnh kế hoạch (%)	Công suất sử dụng giường bệnh trung bình 3 năm
2022	130	362	94.537	16.122	89.477	188,42	201%
2023	130	362	101.272	17.553	100.052	210,67	
2024	130	283	103.400	17.735	95.769	202,54	

(Nguồn: Trung tâm Y tế Hương Sơn)

Như vậy, công suất sử dụng giường bệnh tại Trung tâm Y tế trong 03 năm gần nhất trung bình 201%. Hiện tại, Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn đang xây dựng Đề án Khám, chữa bệnh theo yêu cầu, phát triển nhiều kỹ thuật mới ngày càng nhiều. Do đó lượng bệnh nhân đến khám, điều trị tại TTYT dự báo sẽ còn tăng. Vì vậy, để đáp ứng tình hình thực tiễn, TTYT đã lập đề án Nâng quy mô giường bệnh kế hoạch tại cơ sở 1 từ 130 giường lên 200 giường và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu giường bệnh tại Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 13/5/2025. Khi tăng quy mô giường bệnh, TTYT sử dụng các công trình trong khuôn viên đã có mà không xây dựng thêm hạng mục nào (*công trình Nhà hành chính quản trị và khám chữa bệnh 5 tầng được xây dựng từ quý IV/2023 đến nay đã gần hoàn thiện, chuẩn bị bàn giao đi vào hoạt động; nhà điều trị nội trú 3 tầng đã xây dựng từ quý I/2024 đến nay đã hoàn thành đi vào hoạt động*).

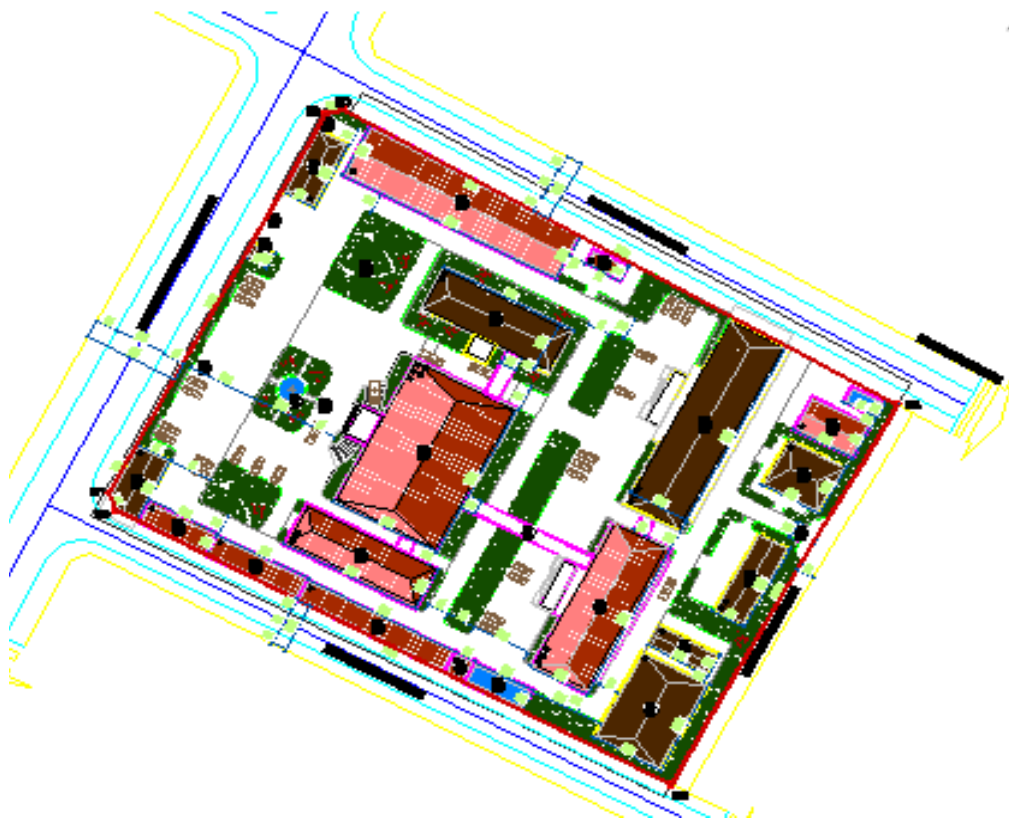
1.3.1.2. Quy mô xây dựng

Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn - cơ sở 1 (TTYT) được xây dựng trên khu đất có diện tích 16.793,9 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 856504 ngày 12/7/2013 do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp) với thời hạn sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích cơ sở y tế. Theo Bản đồ quy hoạch mặt bằng tổng thể của TTYT, tỷ lệ 1/500 do UBND huyện Hương Sơn phê duyệt năm 2022, diện tích quy hoạch của TTYT là 15.430,5 m² giảm so với diện tích đã được cấp do theo quy hoạch thì các tuyến đường 2 bên của TTYT được mở rộng ra (đường 5,5m mở rộng thành 15m, đường 6m mở rộng thành 12m), bao gồm các hạng mục chính như sau:

Bảng 1. 2. Các hạng mục công trình chính của TTYT

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Số tầng	Ghi chú
1	Nhà khám theo yêu cầu	141,7	1	Hiện hữu, tiếp tục sử dụng
2	Khoa nhi	444,9	2	
3	Khoa sản - ngoại - đông y	825,4	3	
4	Khoa chống nhiễm khuẩn	401,3	1	
5	Nhà hành chính quản trị và khám chữa bệnh	1.089	5	Đã xây dựng mới theo quy hoạch, hiện nay chưa đi vào vận hành
6	Khoa dinh dưỡng	166,8	1	Hiện hữu, tiếp tục sử dụng
7	Nhà bếp	110	1	
8	Nhà chụp Xquang và phòng mổ	271,3	2	
9	Nhà điều trị nội trú	640	3	Đã được xây mới, hoàn thành vào quý IV/2024
10	Khoa nhiệt đới	173,4	2	Hiện hữu, tiếp tục sử dụng
11	Nhà đại thể	188,1	1	
12	Cổng vào chính	-	-	
13	Cổng số 2	-	-	Các công trình hiện hữu tiếp tục sử dụng. Dự kiến sẽ xây dựng mới theo quy hoạch
14	Cổng số 3 (lối vào gửi xe dành cho bệnh nhân)	-	-	
15	Nhà trực, bảo vệ	24,2	1	
16	Nhà bếp	110	1	
17	Gara xe ô tô cán bộ CNV	149,2	1	
18	Gara xe 2 bánh cán bộ CNV	239,3	1	
19	Gara xe 2 bánh dành cho bệnh nhân	119,5	-	
20	Trạm biến áp	33,8	1	
21	Trạm bơm	24,5	-	
22	Bể nước sạch	91		
23	Bãi đỗ xe	-	-	
24	Bồn hoa tiểu cảnh, đài phun nước	-	-	
25	Vườn hoa cây cảnh	-	-	
26	Cột cờ	-	-	
27	Hệ thống hành lang cầu	-	-	
28	Khu xử lý nước thải và rác thải	135	-	Hiện hữu, tiếp tục sử dụng
29	Khu xử lý chất thải	89,7	1	
30	Thảm cỏ - cây xanh	3.860,6		
31	Sân đường, bãi đỗ xe	5.438,5		
	TỔNG	15.430,5		

(Nguồn: Bản vẽ tổng mặt bằng của TTYT huyện Hương Sơn (cơ sở 1))



Hình 1. 2. Sơ đồ mặt bằng TTYT theo quy hoạch

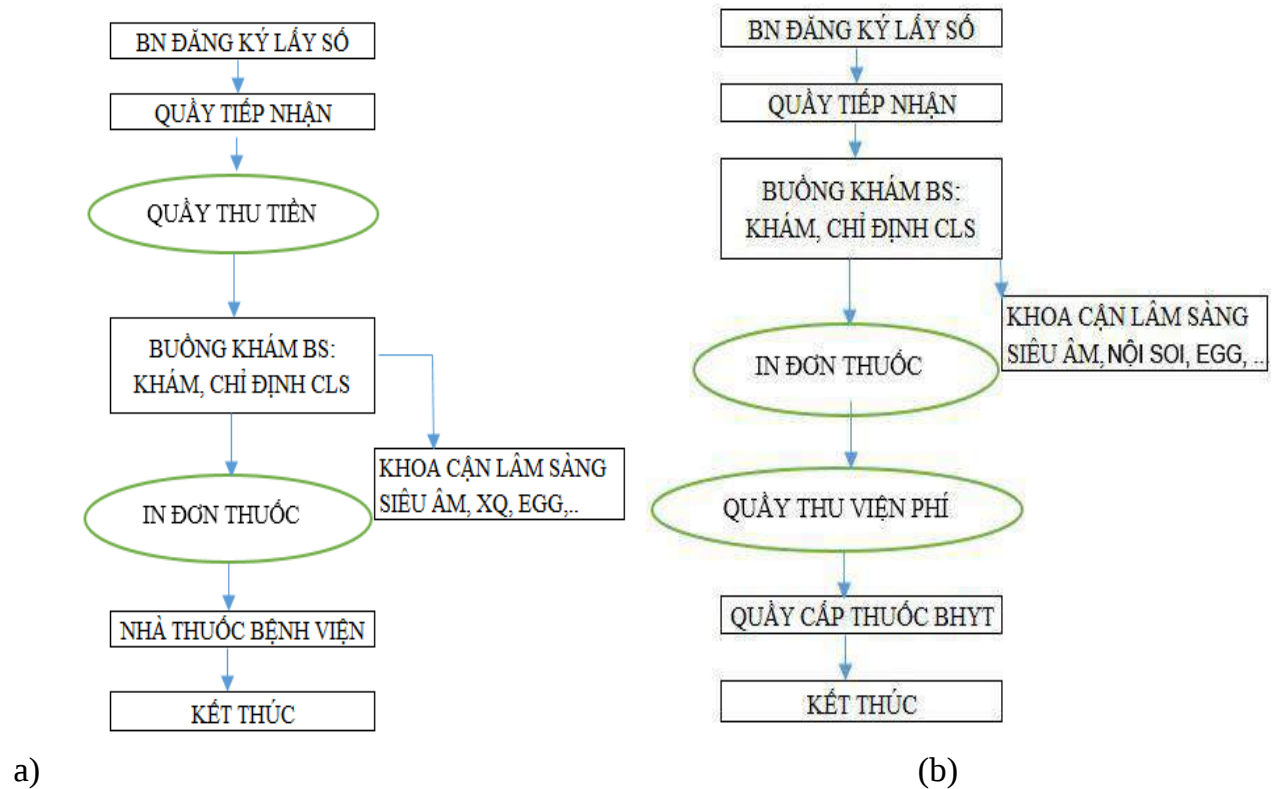
1.3.2. Phương thức hoạt động, chức năng nhiệm vụ của TTYT

**** Chức năng của TTYT:***

Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn là cơ sở y tế công lập hạng II trực thuộc UBND huyện Hương Sơn, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của UBND huyện Hương Sơn; đồng thời chịu sự chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Y tế, của các đơn vị y tế tuyến tỉnh, trung ương theo quy định pháp luật.

Chức năng của TTYT là cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, an toàn thực phẩm, dân số và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

**** Quy trình khám chữa bệnh tại TTYT***



Hình 1.3. Sơ đồ quy trình khám và điều trị ngoại trú bệnh nhân không có BHYT (a) và có BHYT (b)

*** Thuyết minh quy trình thăm khám:**

Bước 1.

Người bệnh lấy số đăng ký khám tại quầy rút số thứ tự, xếp hàng chờ và nghe loa gọi theo số đến cửa tiếp đón.

Tại cửa tiếp đón, người bệnh khai báo các thủ tục hành chính, trình thẻ BHYT, các giấy tờ có liên quan, lấy phiếu số thứ tự khám bệnh.

Nhân viên tiếp đón quản lý thẻ BHYT của người bệnh (nếu có).

Bước 2.

Người bệnh ngồi chờ tới lượt trước cửa phòng khám, số thứ tự của phiếu khám sẽ được hiện trên bảng điện tử và chuông gọi khi đến lượt.

Bước 3.

Vào phòng khám và được bác sĩ khám bệnh, chỉ định cận lâm sàng...

Đối tượng viện phí: Nộp tiền cận lâm sàng và phí khám tại quầy thu ngân mang hóa đơn và phiếu chỉ định đến khu cận lâm sàng.

Đối tượng bảo hiểm: Mang phiếu chỉ định đến khu cận lâm sàng.

Làm xét nghiệm máu, nước tiểu... tại buồng lấy bệnh phẩm xét nghiệm.

Làm siêu âm, X quang... tại khoa chẩn đoán hình ảnh.

Khoa cận lâm sàng chuyển kết quả cận lâm sàng về các phòng khám ban đầu.

Sau khi làm xong cận lâm sàng người bệnh trở về phòng khám ban đầu chờ kết quả chẩn đoán xác định của bác sĩ điều trị.

Bước 4.

Trường hợp người bệnh có chỉ định điều trị ngoại trú, bác sĩ sẽ kê đơn thuốc.

Đối tượng viện phí: Tự túc thuốc theo đơn của bác sĩ.

Đối tượng có thẻ BHYT: Qua cửa lấy thẻ và qua quầy thuốc của trung tâm lấy thuốc (nếu có).

Trường hợp người bệnh có chỉ định điều trị nội trú:

Đối tượng viện phí: qua quầy thu ngân nộp tạm ứng, đến khu đồ vải mượn đồ tư trang.

Đối tượng có thẻ BHYT: Qua cửa bảo hiểm lấy lại thẻ BHYT, nộp tạm ứng, mượn tư trang.

Nhân viên đón tiếp hướng dẫn người bệnh vào khoa điều trị hoặc trong các trường hợp đặc biệt: trẻ sơ sinh, bệnh nặng, thai sản... sẽ được nhân viên y tế dẫn vào khoa.

Các thủ tục hành chính để nhập khoa sẽ được nhân viên y tế hướng dẫn trực tiếp.

1.3.3. Sản phẩm/dịch vụ của TTYT

Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn triển khai thực hiện khám bệnh, chữa bệnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được UBND huyện Hương Sơn phê duyệt tại Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 10/4/2024, bao gồm:

- Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, an toàn thực phẩm, dân số;

- Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động dịch vụ y tế trong phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa và đáp ứng tình trạng khẩn cấp về y tế.

- Tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động tư vấn, giáo dục, truyền thông, vận động nhân dân tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, công tác dân số và phát triển trên địa bàn.

- Quản lý, hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;

- Thực hiện việc tiếp nhận, cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc;

- Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế, dân số theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương;

- Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế huyện và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện theo quy định của pháp luật;

- Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; ứng dụng phát triển khoa học kỹ thuật trong hoạt động chuyên môn.

- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo; xây dựng, tổng hợp, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về y tế, dân số theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện quản lý nhân lực, tài chính, tài sản theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

- Hợp tác quốc tế về các lĩnh vực y tế theo quy định của Nhà nước.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do UBND huyện giao.

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ.

1.4.1. Nhu cầu về điện, nước

1.4.1.1. Nhu cầu sử dụng điện

** Nguồn cung cấp điện:*

Nguồn điện sử dụng do Công ty Điện lực Hà Tĩnh cung cấp. TTYT có 01 máy phát điện dự phòng khi mất điện lưới.

** Nhu cầu sử dụng điện:*

Nhu cầu cấp điện của TTYT được tính toán dựa trên QCXDVN 01: 2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng. Theo đó, chỉ tiêu cấp điện cho quy mô công trình y tế tương đương TTYT là 1,5 kW/giường bệnh. Như vậy, công suất tiêu thụ điện của toàn TTYT khoảng 300kW/ngày.

Theo thống kê hóa đơn sử dụng điện của TTYT trong vòng 4 tháng gần đây được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 1.3. Thống kê nhu cầu sử dụng điện

TT	Tháng sử dụng	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Tháng 1	kWh	4.461
2	Tháng 2	kWh	4.404
3	Tháng 3	kWh	5.014
4	Tháng 4	kWh	6.357

(Nguồn: Hóa đơn tiền điện - Công ty Điện lực Hà Tĩnh)

1.4.1.2. Nhu cầu sử dụng nước

** Các hoạt động sử dụng nước:*

Các hoạt động sử dụng nước của TTYT bao gồm: Nước phục vụ hoạt động khám chữa bệnh, nước dùng cho sinh hoạt; nước tưới cây, tưới sân đường; nước phòng cháy chữa cháy.

** Nguồn cung cấp nước:*

- Tất cả các hoạt động sử dụng nước của TTYT đều lấy từ nguồn nước sạch do Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Hương Sơn - Trạm cấp nước Phố Châu cung cấp. Nguồn cấp nước của công trình lấy từ bể chứa nước ngầm của khu vực.

** Lượng nước sử dụng:*

- Nhu cầu sử dụng theo tình hình thực tế:

Lượng nước sử dụng qua thống kê hóa đơn sử dụng nước của Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh tại Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (cơ sở 1) từ năm 2024 đến nay được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 1.4. Thống kê khối lượng nước sử dụng theo hóa đơn nước giai đoạn từ năm 2024 đến nay (m³/tháng)

Năm	2024	2025
Tháng		
1	1.957	1.611
2	1.864	1.476

Năm Tháng	2024	2025
3	1.559	1.530
4	2.160	1.557
5	1.775	1.732
6	1.786	-
7	1.691	-
8	1.540	-
9	1.395	-
10	1.589	-
11	1.780	-
12	1.642	-
Lưu lượng sử dụng lớn nhất trong các tháng	2.160 m ³ /tháng (tương đương 72 m ³ /ngày)	
Lưu lượng sử dụng trung bình 9 tháng	1.685 m ³ /tháng (tương đương 56,16 m ³ /ngày)	

(Nguồn: Hóa đơn tiền nước - Công ty CP Cấp nước Hà Tĩnh)

Theo số liệu thống kê thực tế thì lượng nước sử dụng của TTYT trong vòng 7 năm qua tương đối ổn định, nhu cầu sử dụng trong một ngày là:

$$Q_{\text{cấp TB}} = 58,2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm.}$$

$$Q_{\text{cấp max}} = 86,16 \text{ m}^3/\text{ngày đêm.}$$

- So sánh lượng nước sử dụng thực tế với định mức, tiêu chuẩn cấp nước:

* *Tiêu chuẩn cấp nước:*

+ *Nước cấp cho bệnh nhân - Q₁ (bao gồm nước sinh hoạt của bệnh nhân và khám chữa bệnh):*

Theo TCVN 4513:1988 - Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế, thì tiêu chuẩn dùng nước trong ngày dùng nhiều nhất đối với bệnh viện là từ 250 đến 300 (lít/giường) đã tính đến lượng nước dùng trong nhà ăn, nhà giặt.

+ *Nước cấp cho cán bộ nhân viên – Q₂:*

Theo TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế, thì tiêu chuẩn cấp nước cấp sinh hoạt là 120 (lít/người/ngày).

+ *Lượng nước cấp cho người nhà bệnh nhân, khách khám bệnh (vãng lai, không nội trú) - Q₄ :* Dựa vào đặc điểm nhu cầu sử dụng nước của hoạt động khám bệnh vãng lai, áp dụng tiêu chuẩn tương đương đối với phòng khám đa khoa tại theo Theo TCVN 4513:1988 - Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế là 15 lít/bệnh nhân. Số lượt khám chữa bệnh của TTYT trong một ngày cao điểm khoảng 300 bệnh nhân, số người nhà bệnh nhân ước tính khoảng 300 người theo số giường bệnh.

+ *Lượng nước phục vụ tưới cây, rửa đường - Q₅.*

Áp dụng TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế, ước tính:

Lượng nước tưới cây: 3 lít/m²/ng.đ

Lượng nước rửa sân đường: 0,5 lít/m²/ng.đ

+ Nước dự phòng, rò rỉ: 10% tổng lượng nước (QCXDVN 01: 2021/BXD - Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch xây dựng).

Như vậy, tính toán theo định mức tiêu chuẩn thì nhu cầu sử dụng nước của TTYT trong 1 ngày với quy mô 200 giường bệnh được tính toán như sau:

Bảng 1.5. Tổng nhu cầu sử dụng nước của TTYT

TT	Nhu cầu sử dụng nước	Quy mô		Tiêu chuẩn		Lưu lượng (m ³ /ng.đ)
		Đơn vị	S.lượng	Đơn vị	S.lượng	
I	Lưu lượng cấp nước sinh hoạt					95,52
1	Cán bộ viên chức	người	221	l/ng/ng.đ	120	26,52
2	Giường bệnh	giường	200	l/giường/ng.đ	300	60
3	Bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị ngoại trú	người	300	l/ng/ng.đ	15	4,5
4	Người nhà bệnh nhân	người	300	l/ng/ng.đ	15	4,5
II	Lưu lượng nước phục vụ công cộng					14,14
1	Nước tưới cây	m ²	3.806,6	l/m ² /ng.đ	3	11,42
2	Nước rửa đường	m ²	5.438,5	l/m ² /ng.đ	0,5	2,72
III	Lưu lượng nước dự phòng, rò rỉ					10,96
Tổng Q = Q_I+Q_{II}+Q_{III}				m ³ /ng.đ		120,62

Như vậy, tính toán theo định mức tiêu chuẩn thì nhu cầu sử dụng nước của TTYT trong 1 ngày với quy mô 200 giường bệnh là **120,62 m³/ngày ≈ 121 m³/ngày**.

* *Nước phục vụ cho PCCC:*

Theo tiêu chuẩn về phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình (TCVN 2622-1995) cần phải đảm bảo một lượng nước chữa cháy cho khu vực liên tục trong 03 giờ.

+ Lưu lượng nước chữa cháy tính cho 1 đám cháy xảy ra, thời gian chữa cháy 3 giờ, lưu lượng nước chữa cháy ngoài nhà 10,0 l/s. Như vậy, lượng nước tạm tính cho 01 đám cháy là:

$$Q_{\text{PCCC}} = 1 \text{ đám cháy} \times 03 \text{ giờ} \times 10 \text{ l/s} / 1.000 = 108 \text{ m}^3.$$

- Nguồn nước cấp phục vụ chữa cháy được lấy từ bể chứa nước trong TTYT. Bể chứa nước hiện có dung tích $V = 440\text{m}^3$ đã đảm bảo cấp nước chữa cháy cho TTYT.

1.4.2. Nhu cầu về nguyên vật liệu phục vụ hoạt động chuyên môn:

Hàng năm nhu cầu hóa chất, vật tư tiêu hao phục vụ cho quá trình khám chữa bệnh là tương đối lớn với nhiều chủng loại mặt hàng khác nhau. Trong đó vật liệu, hóa chất tiêu hao chủ yếu được chia làm các nhóm cơ bản như sau:

- Băng, bông, gạc y tế.
- Bơm tiêm và bơm hút các loại.
- Huyết áp kế, ống nghe.
- Chỉ khâu, vật liệu cầm máu.
- Dây chuyên dịch, dây dẫn lu, các loại sond, các loại dây nối.
- Găng tay phẫu thuật, xét nghiệm đã tiệt trùng, chưa tiệt trùng.
- Các vật tư y tế khác.
- Thuốc, dược phẩm các loại.

Nguồn cung cấp: Nguồn vật tư, hóa chất tiêu hao kể trên được mua từ các nhà sản xuất và cung ứng trong và ngoài tỉnh.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng hóa chất tẩy rửa và xử lý nước thải:

- *Hóa chất làm sạch, khử khuẩn TTYT:*

+ Hóa chất làm sạch gốc axit (Như: Nước rửa bồn cầu khoảng 15 lít/ngày, nước lau sàn nhu cầu khoảng 30 lít/ngày, nước lau kính nhu cầu khoảng 10 lít/ngày). Các loại hóa chất này khi được sử dụng sẽ lựa chọn thương hiệu uy tín như Vim, Gift, Duck,...

- Hóa chất khử khuẩn dụng cụ khám chữa bệnh: Sử dụng chủ yếu là bột Chloramin B 0,5% để pha khử khuẩn ở mức độ trung bình, nhu cầu khoảng 2kg/ngày. Ngoài ra, còn sử dụng một số loại chất tẩy rửa y tế khác với nhu cầu khoảng 0,2kg/ngày.

- *Hóa chất khử trùng nước thải*

TTYT sử dụng bột Chlorin khử trùng nước thải ước tính khoảng 0,3kg/ngày ($2 \div 3 \text{mg/m}^3$ nước thải).

Hóa chất khử trùng được chứa tại khu vực điều hành hệ thống xử lý nước thải.

- *Hóa chất sử dụng cho hoạt động khám, chữa bệnh:*

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng hóa chất của TTYT

STT	Tên hóa chất	ĐVT	Khối lượng	STT	Tên hóa chất	ĐVT	Khối lượng
1	a-Amylase (3x60ml)	hộp	1	49	CREATININ	hộp	4
2	Acce Total bhCG	hộp	3	50	Creatinin Jaffe kin.fuid (5+1(3x84ml)	hộp	1
3	ACCESS AFP (hộp 2x50test)	hộp	1	51	Creatinine (4x38ml+4x25ml)	hộp	6
4	Access BR Monitor Calibrators(6x1.5ml)	hộp	1	52	Cretinin Jaffekin.fluid	hộp	5
5	Access BR MOnitor(2x50Tesst)	hộp	1	53	CRP Latex Calibrator (5x1x1ml)	hộp	1
6	ACCESS FREE T4	hộp	8	54	CRP Latex (4x9ml+4x9ml)	hộp	1
7	Access GIM Monitor Calibrators(6x2.5ml)	hộp	1	55	CUVETTE STRIP	hộp	1
8	Access GIM Monitor Calibrtrionrs(2x50Test)	hộp	1	56	Dây bơm máy huyết học	Chiếc	1
9	Access Hybritech PSA	hộp	1	57	Dip-Card Multi-Drug Test Kit	Test	550
10	Access Hybritech PSA (2x50 test)	hộp	1	58	Direct Bilirubin (4x52.5ml+4x52.5ml)	hộp	1

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (cơ sở 1)

11	Access Immunoassay System Reaction Vessels	hộp	1	59	Dung dịch KOH 1%	Chai 70ml	
12	Access Substrate (4x130mL)	hộp	6	60	Eluent A	Túi	1
13	ACCESS TOTAL T3.	hộp	8	61	Eluent B	Túi	1
14	Access TSH (2x100Test)	hộp	7	62	Ethanol (2x20ml+2x7ml)	hộp	2
15	AccessImmunoassay System Reaction Vessels (16x98 cái)	hộp	5	63	FIB Liquid Kit (5x5ml+ Bufer: 3x3ml)	hộp	4
16	alpha-AMYLASE-DIỄCT	hộp	1	64	Gel bôi trơn Kly	Tuýp	20
17	ALT(4x50ml+4x12.5ml)	hộp	2	65	Gel siêu âm APM Sonic	Can	26
18	Ammonia Ethanol CO2 calibrator (2x5ml)	hộp	2	66	Glucose (4x454ml+ 4x15ml)	hộp	7
19	Ammonia Ethanol CO2 cotrol1 (3x5ml)	hộp	1	67	Glucose HK fluid 5+1 3x84ml	hộp	8
20	AMMONIA/ETHANOL/CO2 CONTROL II(3X5ml)	hộp	1	68	GLUCOSE (10X60ML	hộp	1
21	Anti D IgG/IgM Blend (10ml)	Lọ	1	69	Glucose (4x45ml+4x15ml)	hộp	1
22	Anti-HCV Rapid Test Kit	Test	150	70	Glucose (6x66ml)	hộp	2
23	APTT Liquid Kit	hộp	8	71	GOT (ASAT) IFCC fluid (5+1)(3x84ml)	hộp	4
24	AST (4x50ml+4x12.5ml)	hộp	1	72	GOT (AST) R1: 6x66ml,R2:6x16ml	hộp	6
25	AST (4x50ml+4x12.5ml)	hộp	2	73	GOT(ASAT) IFCCfluid (5+1)3x84ml	hộp	7
26	BIOCHEMISTRY CALIBRATOR (HUMAN)	hộp	1	74	GPT (ALAT) IFCC fluid (5+1) 3x84ml	hộp	9
27	BIOCHEMISTRY CONTROL SERUM (Human) I (5X5ML)	hộp	2	75	GPT (ALAT) IFCC fluid (5+1)3x84ml	hộp	2
28	BIOCHEMISTRY CONTROL SERUM II (5x5ml)	hộp	2	76	GPT (ALT) R1: 6x66ml, R2: 6x16ml	hộp	5
29	Bioline HIV 1/2 3.0	Test	600	77	Halogen lamp 12V/20W	Chiếc	
30	Bộ kit tầm soát ung thư cổ tử cung và dịch cơ thể	Lọ	80	78	HBsAg Rapid Test Kit	Test	2.775
31	Calcium Arsenazo III Fluid Mõn (5x67ml)	hộp	1	79	HDL Cholestetrol (4x27ml+4x9ml)	hộp	2
32	Calcium(4x30ml)	hộp	2	80	HDLCholestrol (R1:3x50ml. R2: 2x25ml)	hộp	4
33	CELLPACK (PK-30L)	hộp	15	81	Helicobacter Pylori Test Kit (Urease)	Test	620
34	CELLPACK (PK-30L) (20Lx1)	hộp	26	82	HEMOLYNAC 3N (500ML)	Can	35
35	Centro Cal 10	Lọ	1	83	Hemolysis (2300ml)	Can	1
36	Centro Norm 10 x5ml/ hộp	Lọ	2	84	Immunology Control 1(1x3ml)	hộp	1
37	Centro Path 10	Lọ	2	85	Immunology Control 2(1x3ml)	hộp	1
38	Cholesterol CHOD/PAP Monoreagent 5x67ml	hộp	4	86	ISE Fluid pack (Na, K, Cl, Ca, pH)	hộp	15
39	Cholestrool (4 x22,5ml)	hộp	2	87	ISOTONAC	Can	34
40	CK-MB (2x24ml+2x6ml)	hộp	1	88	Isotonac 3/MEK-640(18L/can)	Can	28
41	CK-MB Calibrator (3x1ml)	hộp	1	89	LabonaCheck A1c HbA1c Test Kit	Test	2.267
42	CK-MB Control (2x3x2ml)	hộp	1	90	Lamen	hộp	2

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (cơ sở 1)

43	CLEANAC 3 (5L/Can)	Can	1	91	LDL Cholesterol (4x27ml+4x9ml)	hộp	2
44	Cleanac /MEK-520 (5l/Can)	Can	6	92	LDL Cholestrol (R1:3x50ml. R2:2x25ml)	hộp	4
45	Cleanac 3/MEK-620 (5l/Can)	Can	4	93	MEK-3DN (2ML/LỌ)	Lọ	3
46	CLEANAC (5L/Can)	Can	2	94	Micron centrifuge tube	Túi	4
47	Cleaning solution	Can	4	95	Monoclonal Anit B(10ml)	hộp	32
48	Cleaning solution (500ml)	hộp	1	96	Monoclonal Anti A (10ml)	Lọ	18

(Nguồn: Báo cáo nhập xuất tồn năm 2024-Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn)

1.4.4. Danh mục máy móc, thiết bị của TTYT

Bảng 1.7. Danh mục máy móc, thiết bị khám chữa bệnh chính của TTYT

TT	Tên gọi	TT	Tên gọi	TT	Tên gọi
1	Máy đo mao mạch cảm ứng	33	Máy thở xâm nhập	65	Đèn đặt nội khí quản
2	Máy đo thị lực	34	Máy đo giác mạc	66	Đèn mổ di động (Đức)
3	Máy điện tim 3 cần	35	Máy điều trị sóng xung kích	67	Đèn mổ cơ động
4	Máy gây mê kèm thở	36	Máy hút dịch áp lực thấp	68	Giường đa chức năng
5	Máy hote vô trùng (Hemotoric)	37	Máy hút dịch trong phòng mổ	69	Giường cấp cứu
6	Máy hút dịch thấp	38	Máy xét nghiệm nước tiểu	70	Giường đa chức năng
7	Máy hút dịch thấp	39	Monitor sản khoa	71	Hệ thống chụp XQ tổng thể
8	Máy huyết học ADVIA60USA	40	Máy siêu âm	72	Hệ thống kéo nắn cột sống thắt lưng
9	Máy điều trị lazer	41	Nồi hấp tiệt trùng	73	Hệ thống nội soi dạ dày
10	Máy đo lưu huyết não	42	Máy soi cổ tử cung	74	Hệ thống sắc thuốc đông y
11	Máy Lưu huyết não	43	Máy X.Quang cận chóp	75	Kính hiển vi hai mắt
12	Máy nha khoa tổng hợp + nén khí	44	Giường hồi sức cấp cứu	76	Lồng ấp trẻ sơ sinh MORIMOT
13	Máy nội soi cổ tử cung	45	Hệ thống chuông gọi y tá	77	Máy xét nghiệm đông cầm máu
14	Máy Nội soi dạ dày	46	Thùng gỗ xông hơi	78	Máy điện tim 3 cần Model ECG 1150 Trung Quốc
15	Máy nội soi tai mũi họng	47	Ghế tập phục hồi chức năng	79	Máy điện tim nhật 1 cần
16	Monito theo dõi bệnh nhân	48	Khung tập đi có bánh xe	80	Máy điện xung ,điện phân
17	Monitor theo dõi bệnh nhân 7 thông số Nova 3D	49	Kìm sinh thiết dạ dày	81	Máy xét nghiệm HBA1C
18	Monitor	50	Máy Lưu huyết não	82	Máy hút dịch
19	MONITOR Theo dõi bệnh nhân kèm phụ kiện	51	Máy Doctor-Model DH16	83	Máy Khoan xương dùng pin
20	Máy siêu âm màu 4D	52	Máy Doctor-Model DH14	84	Máy ly tâm máu
21	Máy siêu âm điều trị đa	53	Máy Laser điều trị 2 bước	85	Máy gây mê (Mỹ Ý)

TT	Tên gọi	TT	Tên gọi	TT	Tên gọi
	tần		sóng Doctor-Model DH18		
22	Máy sinh hoá tự động không có điện giải	54	Máy kéo dẫn cột sống Doctor-Model THN6-15	86	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động
23	Máy sinh hiển vi phẫu thuật	55	Máy Oxy dòng cao BKMV-HF1	87	Máy nội soi cổ tử cung kỹ thuật số hãng SONY
24	Máy sắc chiết xuất thuốc tự động	56	Máy laser CO2 JZ3-30LCD	88	Máy soi đáy mắt
25	Máy sốc tim	57	Máy thở Savina 300	89	Máy phân tích huyết học tự động hãng NIHONKH DEN (Nhật)
26	Máy sắc chiết xuất thuốc tự động	58	Thiết bị hút khói khử mùi Hk-2004	90	Máy phân tích sinh hóa nước tiểu 10ts
27	Máy sắc thuốc Tự Động	59	Máy tạo Oxy iMedicare	91	Máy rửa phim tự động CP100AG
28	Máy tách tạo Oxy	60	Máy thở Vinfast	92	Máy rửa phim tự động 2010
29	Máy truyền dịch (Nhật)	61	Bơm tiêm điện	93	Máy Oxy dòng cao HFNC
30	Mays XQ kỹ thuật số Cổ phần	62	Máy tạo Oxy Household Oxygen	94	Máy bơm CO2
31	Ống nội soi Khoang mũi nhi khoa 0 độ	63	Máy điện tim 5 cần	95	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập người lớn và trẻ em
32	Pin ,bộ xạc pin,mũi khoan	64	Sinh hiển vi khám mắt L-0185	96	Máy đo loãng xương DEXXUM T QUANTUM

(Nguồn: Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn)

1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

* Tình hình hoạt động chuyên môn của TTYT

- Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn là cơ sở y tế hạng II trực thuộc UBND huyện Hương Sơn được UBND tỉnh Hà Tĩnh thành lập theo Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 và tổ chức lại theo Quyết định 631/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 trên cơ sở sát nhập Bệnh viện Đa khoa khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo vào Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn.

TTYT hiện có 05 phòng chức năng (phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ, phòng Tài chính - Kế toán, phòng điều dưỡng và phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe) và 19 khoa (Cơ sở 1: 14 khoa chuyên môn: khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS; khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm; khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản; khoa Khám bệnh; Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc; Khoa Nội; khoa Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức; Khoa Nhi; Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng; Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng; Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh; Khoa Truyền nhiễm; Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn; Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế. Cơ sở 2: 05 Khoa chuyên môn (khoa Khám bệnh - Cấp cứu; khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm; khoa Ngoại - Phụ

Sản; khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng; khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Dược). Các Trạm Y tế xã, thị trấn trực thuộc là 25 Trạm.

Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng: 221 người gồm 52 bác sỹ; 112 điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; 13 dược sỹ; 44 người làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, hỗ trợ phục vụ.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (cơ sở 1) được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt quy hoạch xây dựng từ năm 1989, đảm bảo phù hợp với quy hoạch tỉnh cũng như phù hợp với tổ chức không gian kiến trúc, quy hoạch phát triển của huyện Hương Sơn thời điểm hiện tại cũng như trong tương lai.

- Quy hoạch BVMT Quốc gia và Chiến lược BVMT Quốc gia:

Theo Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024, thì TTYT có các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với các nhóm nhiệm vụ của chiến lược, bao gồm: nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường; nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; nhóm giải pháp tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh:

Theo Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 thì vị trí của TTYT không thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt. TTYT có các biện pháp phù hợp với phương án phát triển khu xử lý chất thải y tế đã đề ra trong Quy hoạch, cụ thể: “Tiếp tục xử lý chất thải y tế nguy hại bằng hệ thống xử lý tại chỗ của các đơn vị, xử lý theo cụm hoặc thuê đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại để xử lý theo quy định...”

- Quy hoạch chung thành phố Hà Tĩnh và vùng phụ cận:

Tại Quyết định 3926/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hà Tĩnh và vùng phụ cận giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050, tỷ lệ 1/10.000 có nêu định hướng phát triển các khu chức năng, trong đó có định hướng phát triển “hình thành mạng lưới khám chữa bệnh có tính chất đa khoa và chuyên khoa”.

- Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh:

Theo Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 25/3/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống Y tế tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đưa ra quan điểm đầu tiên là “Phát triển hệ thống y tế Hà Tĩnh theo hướng hiện đại và bền vững trong đó gắn y tế chuyên khoa, chuyên sâu với y tế phổ cập... với mục tiêu trọng tâm là bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng; Phát triển hệ thống y tế Hà Tĩnh từng bước nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế nhằm đáp ứng các nhu cầu cơ bản về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong toàn tỉnh; phấn đấu trở thành tỉnh có các chỉ số dịch vụ y tế đạt ở mức trên trung bình trong vùng Bắc Trung Bộ.”

- Về quy hoạch chung thị trấn Phố Châu:

Dự án phù hợp với quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn phê duyệt được UBND tỉnh Hà Tĩnh tại Quyết định số 2627/QĐ-UBND ngày 23/12/2022. Diện tích xây dựng TTYT thuộc quy hoạch đất trung tâm Y tế (bệnh viện đa khoa) có diện tích 1,54ha.

- Về quy hoạch sử dụng đất:

Dự án được thực hiện trong khuôn viên Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn với diện tích 16.793,9 m² đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 856504 ngày 12/7/2013 với thời hạn sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích cơ sở y tế.

Như vậy, Trung tâm Y tế Hương Sơn có vị trí, chức năng, nhiệm vụ hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch phát triển tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Hiện nay, nguồn tiếp nhận nước thải của TTYT không có sự thay đổi so với Giấy phép môi trường số 3437/GPMT ngày 25/12/2023 do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp, cụ thể là: sông Ngàn Phố, đoạn chảy qua tổ dân phố 2, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn. Nguồn nước của đoạn sông này có chức năng cấp nước sinh hoạt, tiêu thoát nước và giao thông thủy.

Khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận (sông Ngàn Phố) đối với nước thải của TTYT đã được đánh giá chi tiết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án “Khu nhà điều trị 03 tầng và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn” (đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy phép số môi trường số 3437/GPMT ngày 25/12/2023, với lưu lượng 150 m³/ngày đêm). Theo đó, sông Ngàn Phố vẫn còn đủ khả năng chịu tải đối với các thông số ô nhiễm trong nước thải của TTYT.

Hiện nay, đối với các nội dung về vị trí xả thải, nguồn tiếp nhận nước, phương thức xả thải của nhà máy không thay đổi với Giấy phép môi trường số 3437/GPMT ngày 25/12/2023. Cụ thể:

- Vị trí xả nước thải:

+ Tại ống dẫn thải ra mương thoát nước của khu vực.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2048008; Y(m) = 0492176 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰)

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Ngàn Phố, đoạn chảy qua tổ dân phố 2, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn (cách dự án khoảng 800m về phía Đông Bắc).

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn được xả vào mương thoát nước giáp bên ngoài hàng rào phía Đông Bắc của Trung tâm Y tế, sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Ngàn Phố theo phương thức tự chảy.



Hình 2.1. Sơ đồ hướng thoát nước thải của cơ sở ra nguồn tiếp nhận

Đối với chất lượng hiện trạng môi trường tiếp nhận nước thải của dự án (sông Ngàn Phố) theo dữ liệu từ kết quả quan trắc môi trường tỉnh Hà Tĩnh trong năm 2025 được thông kê tại Bảng 3.1.

Bảng 2.1. Dữ liệu quan trắc mạng lưới chất lượng nước sông Ngàn Phố

Thông số phân tích		pH	TSS	BOD ₅	COD	Nitrat	Amoni	Sắt	Tổng dầu mỡ	Coliform	Clorua
Đơn vị		-	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	mg/l
Quy chuẩn 08:2023/BTNMT, mức A		6,5-8,5	≤ 25	≤ 4	≤ 10	-	0,3	0,5	5,0	≤ 1.000	250
2025	Đợt 1	7,2	<5,0	1,01	<3,0	0,2	0,23	0,017	<0,30	840	<3,0
	Đợt 2	7,6	<5,0	<1,0	3	<0,15	0,06	0,28	<0,30	430	4,96

(Nguồn: Chương trình quan trắc mạng lưới tỉnh Hà Tĩnh năm 2025)

Ghi chú:

- Giá trị giới hạn: Mức A, QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Vị trí lấy mẫu:

Sông Ngàn Phố đoạn cấp nước cho thị trấn Phố Châu, cách vị trí tiếp nhận nước thải của dự án khoảng 1,2km về phía thượng lưu.

Nhận xét:

Qua số liệu từ kết quả quan trắc mạng lưới đợt 1, đợt 2 năm 2025 cho thấy Tại thời điểm lấy mẫu, các thông số phân tích đang nằm trong giới hạn cho phép theo Mức A, QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP

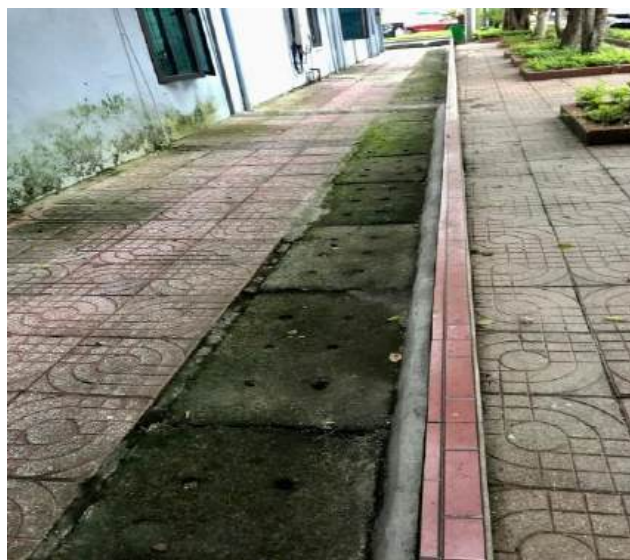
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hiện trạng, nước mưa của TTYT được thu gom Hệ thống mương thu gom và thoát nước mưa được xây dựng độc lập với hệ thống cống thu gom, thoát nước thải.

Nước mưa trên mái được thu gom bằng hệ thống ống nhựa PVC có kích thước từ D110-140 cùng với nước mưa bề mặt sân bãi chảy xuống hệ thống cống hộp bằng bê tông có nắp đan đáy kín, kích thước B300 - B400 chạy xung quanh các khu nhà và trục đường chính, sau đó thoát ra mương thoát nước phía Đông Bắc của TTYT. Dọc theo hệ thống mương thoát BTCT, cứ khoảng 50m bố trí hố ga lắng cặn, kích thước từ 500x500.

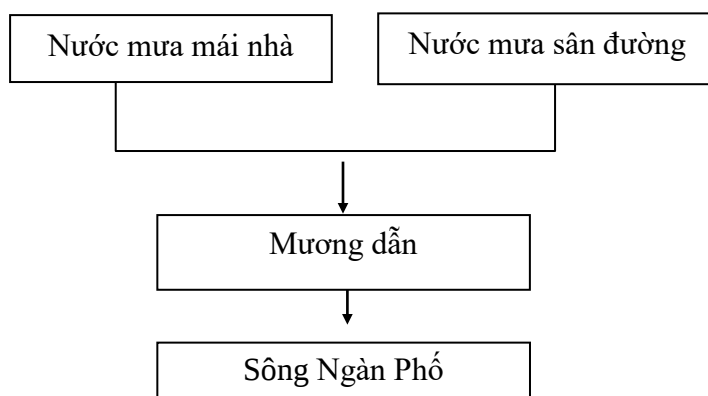


Hình 3.1. Hệ thống thu gom nước mưa của TTYT huyện Hương Sơn

** Các biện pháp khác giảm thiểu tác động từ nước mưa chảy tràn:*

- Khu vực sân bãi được vệ sinh sạch sẽ, thực hiện tốt công tác vệ sinh công cộng để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.
- Định kỳ kiểm tra và nạo vét các hố ga và rãnh thu thoát nước, đặc biệt là trước và trong mùa mưa để đảm bảo hiệu quả của hệ thống thoát nước; định kỳ kiểm tra phát hiện hỏng hóc để khắc phục kịp thời.

Sơ đồ mạng lưới thoát nước mưa của TTYT như sau:



Hình 3.2. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước mưa

3.1.2. Công trình thu gom, thoát nước thải:

a) Khối lượng nước thải phải xử lý:

Lưu lượng nước thải lớn nhất của TTYT được xem xét trên cơ sở nhu cầu sử dụng nước theo định mức tiêu chuẩn cấp nước của TTYT được thống kê tại Bảng 1.9 Mục 1.4.1.2. Chương 1.

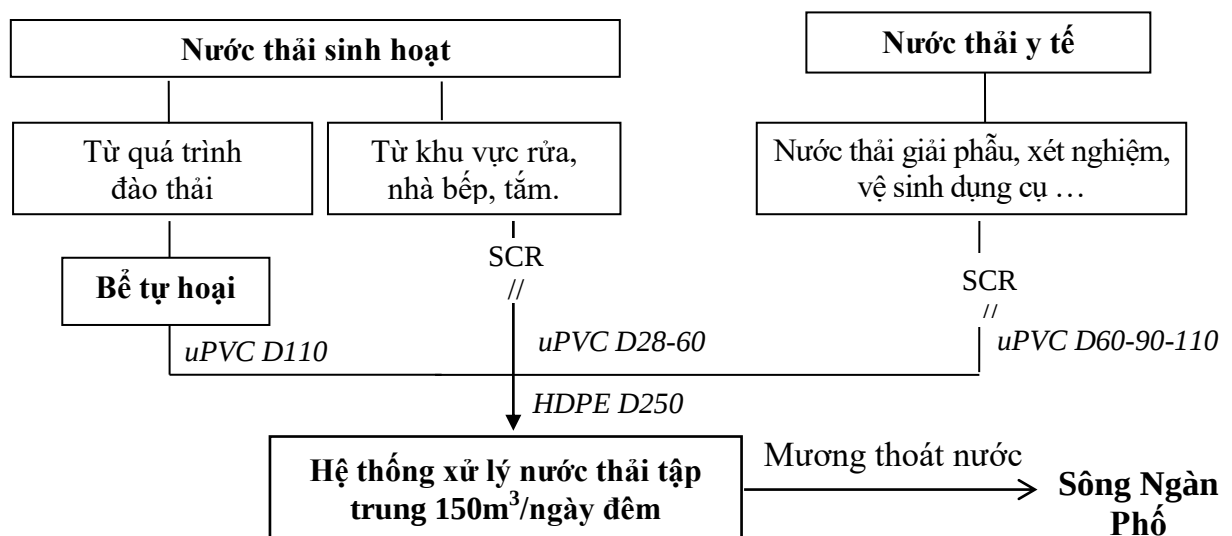
Theo đó, lựa chọn giá trị $95,52 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ là nhu cầu cấp nước tối đa để tính toán nhu cầu xả nước thải (nước tưới cây và rửa đường sẽ ngấm trong môi trường, không xả thải).

Căn cứ khoản 2.11.1 Quy chuẩn số 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng thì khối lượng nước thải TTYT được ước tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ. Như vậy, với lượng nước tiêu thụ lớn nhất là $95,52 \text{ m}^3/\text{ngày}$ thì lưu lượng nước thải ngày lớn nhất của TTYT là $95,52 \times 100\% = 95,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

b) Hệ thống thu gom, thoát nước thải:

TTYT hiện trạng đã có hệ thống thu gom và thoát nước thải được đầu tư từ giai đoạn trước. Nước thải từ các khu nhà được thu gom bằng hệ thống ống nhựa uPVC Ø28, Ø60, Ø110mm và đường ống HDPE D250 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải từ khu nhà mới xây được thu gom và thoát bằng hệ thống đường ống HDPE Ø69, Ø90, Ø110mm và đường ống HDPE D250, sau đó dẫn về trạm xử lý tập trung của TTYT hiện hữu.

Tổng quát hệ thống thu gom nước thải của TTYT như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của TTYT huyện Hương Sơn



Hình 3.4. Hệ thống thu gom nước thải của TTYT huyện Hương Sơn (cơ sở 1) hiện trạng



Hình 3.5. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của TTYT huyện Hương Sơn (cơ sở 1) sau khi các công trình hoàn thành đầu nối

- *Dòng nước thải sinh hoạt:*

+ Nước thải từ quá trình đào thải của con người được thu gom vào các bể tự hoại đặt ngầm dưới các khu nhà để xử lý, sau đó thoát theo ống PVC D110 rồi chảy vào đường ống HDPE D250.

+ Nước thải từ nhà bếp, tắm rửa... chảy qua song chắn rác tại vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn, sau đó thoát theo đường ống uPVC kích thước từ D34 - D90 rồi chảy vào đường ống HDPE D250.

- Dòng nước thải y tế: Phát sinh từ hoạt động chuyên môn của TTYT chảy qua song chắn rác tại vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn, sau đó thoát theo đường ống uPVC kích thước từ D28 - D90 rồi chảy vào đường ống HDPE D250 về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

* *Công trình thoát nước thải:*

Sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn (sau bể khử trùng) được dẫn thải bằng đường ống uPVC D110 thoát ra mương thoát nước chung phía Đông Bắc của TTYT, sau đó chảy ra sông Ngàn Phố (Tổng chiều dài thoát nước từ vị trí điểm xả thải đến điểm tiếp nhận trên sông Ngàn Phố là khoảng 800m).

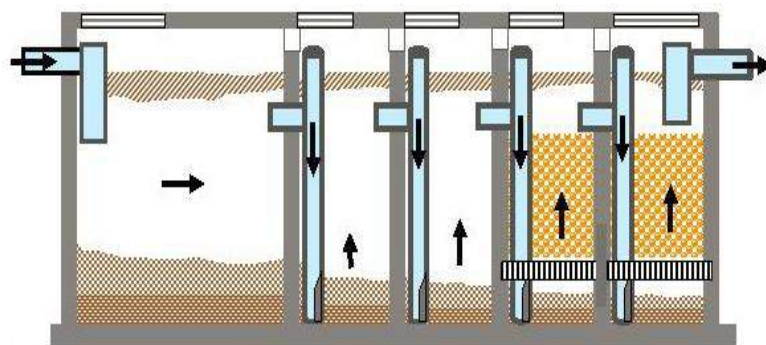
* *Điểm xả nước thải sau xử lý:*

Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột A, K= 1,2) được thoát ra mương thoát nước của khu vực phía Đông Bắc của TTYT. Điểm xả nước thải có tọa độ $X(m) = 2048008$; $Y(m) = 0492176$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi giờ 3⁰)

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Ngàn Phố đoạn chảy qua tổ dân phố 2, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn.

3.1.3. Công trình xử lý nước thải

3.1.3.1. Bể tự hoại



Hình 3.6. Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt

Nguyên tắc làm việc của bể tự hoại là lắng và phân hủy cặn lắng trong điều kiện kỵ khí. Nước tiểu và phân được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong

điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, làm nguồn dinh dưỡng cho sự phát triển của chúng. Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc (cát, sỏi), và ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo nước. Bên trên lớp vật liệu có đặt máng nước tràn để thoát nước thải đã xử lý ra ngoài. Thời gian lưu nước tại bể tự hoại khoảng 1,5 ngày. Hiệu suất xử lý COD, BOD, TSS có thể đạt 70-75%. Lượng bùn cặn trong bể được thuê đơn vị có chức năng hút lên đưa đi xử lý định kỳ 2 năm/lần.

Tính toán thể tích bể tự hoại cần thiết:

Áp dụng công thức tính thể tích cần thiết của bể tự hoại theo tài liệu *Giáo trình Công nghệ và công trình xử lý nước thải quy mô nhỏ*, PGS.TS Trần Đức Hạ - NXB Khoa học và Kỹ thuật, như sau:

Thể tích bể tự hoại: $W = W_1 + W_2$

Trong đó: W_1 : Thể tích phần lắng nước của bể (m^3)

W_2 : Thể tích phần chứa bùn (m^3)

Thể tích phần lắng: $W_1 = a \times N \times T$ (m^3) = $0,03 \times 421 \times 2 = 25,26 m^3$

Trong đó: a - Tiêu chuẩn thải nước ($m^3/người/ng.đ$);

$a = 0,03 m^3/người/ng.đ$ đối với bể tự hoại xử lý nước đen.

N - Số người sử dụng bể tự hoại: $N = 421$ người

T - Thời gian lưu tại bể (2 ngày)

Thể tích phần chứa bùn: $W_2 = b \times N$ (m^3) = $0,05 \times 421 = 21,05 m^3$

Trong đó: b - Tiêu chuẩn ngăn chứa bùn ($m^3/người$) ($b = 0,05$)

$W = W_1 + W_2 = 25,26 + 21,05 = 46,31 m^3$

Áp dụng hệ số an toàn $\alpha = 1,2$; chọn $W = 46,31 \times 1,2 = 55,57 m^3$.

Vậy, thể tích cần thiết của bể tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt là $V = 55,57 m^3$.

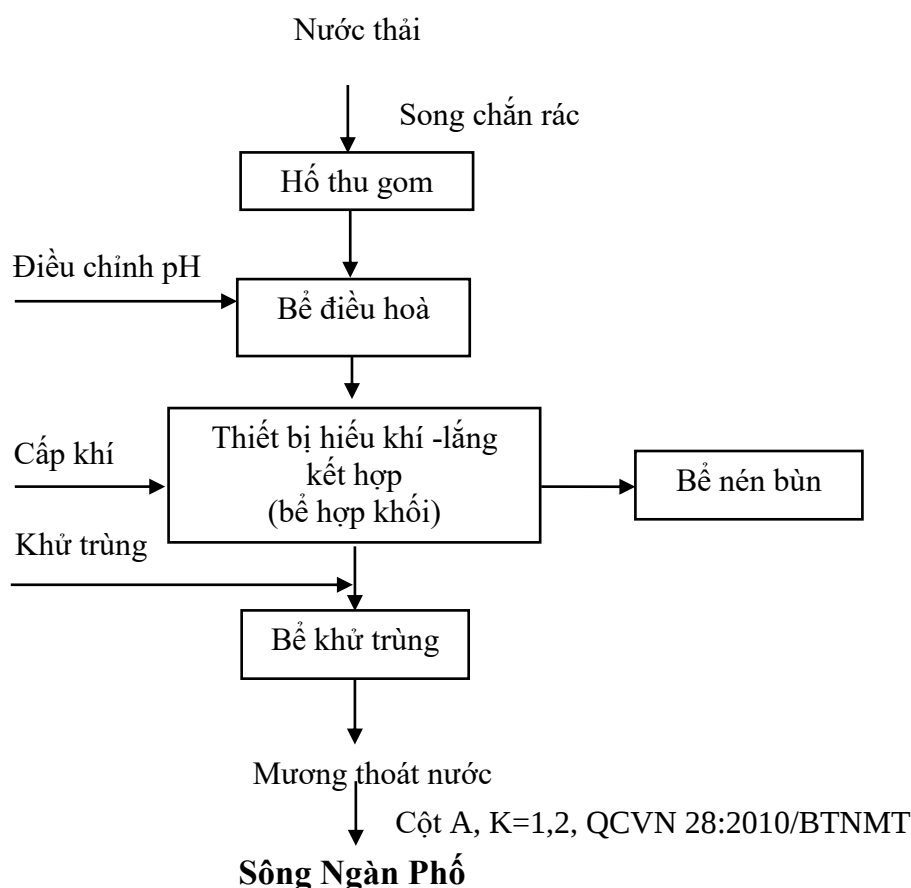
Hiện tại, TTYT đã có hệ thống bể tự hoại ngầm dưới các tòa nhà (17 bể) với tổng thể tích khoảng $122 m^3$ trong đó có 13 bể được đầu tư từ trước (đưa vào sử dụng năm 2010) với thể tích $84 m^3$, 4 bể tự hoại với thể tích khoảng $38 m^3$ dưới khu nhà điều trị 03 tầng và nhà hành chính quản trị kết hợp khám chữa bệnh 5 tầng (được xây dựng năm 2024). Như vậy, với hệ thống bể tự hoại hiện trạng của TTYT có tổng thể tích $122 m^3$ ($> 55,57 m^3$) đảm bảo xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.

Sau khi xử lý qua bể tự hoại, nước thải sinh hoạt theo hệ thống đường ống thoát nước thải của TTYT tới hệ thống xử lý tập trung.

3.1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

a) Mô tả hệ thống xử lý nước thải hiện trạng:

TTYT hiện đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $150 m^3/ngày$ đêm, được đầu tư xây dựng và vận hành từ năm 2010. Thực hiện duy tu bảo dưỡng, sửa chữa năm 2021 do đơn vị thi công là Công ty CP tư vấn xây dựng tổng hợp Hoà Phát thực hiện.



Hình 3.7. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn

* Thuyết minh quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- **Hồ thu gom:** Nước thải y tế dẫn theo hệ thống ống thu gom chảy qua song chắn rác để tách các chất cặn rác có kích thước lớn như (nylon, giấy, lá cây,...) và chảy vào hồ thu gom nước thải (được xây bằng bê tông cốt thép với kích thước $D \times R = 1,5m \times 1,5m = 2,25 m^2$, chiều sâu 2,0m, thể tích $4,5 m^3$) trước khi vào hệ thống xử lý.

- **Bể điều hoà:** Nước thải chảy vào bể điều hòa để điều hòa lưu lượng nhằm đảm bảo chế độ hoạt động ổn định của trạm xử lý. Bể điều hoà được xây bằng bê tông cốt thép với kích thước $D \times R = 6m \times 3m = 18 m^2$, chiều sâu 3,0m, thể tích $54 m^3$. Tại bể điều hòa có lắp đặt hệ thống sục khí sơ bộ để khuấy trộn nước thải (tránh tạo điều kiện kỵ khí gây mùi thối) và để oxy hóa một phần các chất hữu cơ trong nước thải.



Hình 3.8. Hệ thống xử lý nước thải của TTYT huyện Hương Sơn

- **Thiết bị hiếu khí-lắng kết hợp (bể hợp khối):** Nước thải từ bể điều hoà được dẫn vào thiết bị hiếu khí-lắng kết hợp (gồm 03 modul xử lý hợp khối có vật liệu thân vỏ làm bằng vật liệu composite, mỗi modul có kích thước $D \times R = 6\text{m} \times 2\text{m} = 12\text{ m}^2$, chiều sâu 2,5m, thể tích 30 m^3) theo chiều ngược dòng từ dưới lên nhằm tiếp xúc với các vi sinh vật lơ lửng kết hợp với khối đệm giá thể bằng PVC chuyên dụng tạo nên màng vi sinh vật kỵ khí, làm tăng mật độ vi sinh vật lên đến khoảng 20.000 vi sinh vật/ m^3 nước thải, đảm bảo hiệu quả xử lý theo COD và tổng P lên đến 75 - 80%. Trong quá trình sinh trưởng và phát triển, vi sinh vật kỵ khí sẽ hấp thụ các chất hữu cơ hòa tan có trong nước thải, phân hủy và chuyển hóa chúng thành các hợp chất ở dạng khí. Bọt khí sinh ra bám vào các hạt bùn cặn. Các hạt bùn cặn này nổi lên trên làm xáo trộn, gây ra dòng tuần hoàn cục bộ trong lớp cặn lơ lửng. Trong ngăn hiếu khí, không khí được cấp bởi máy thổi khí, tạo điều kiện diễn ra quá trình oxy hóa sinh hóa hiếu khí các chất hữu cơ và quá trình nitrat hóa diễn ra. Kết quả là BOD trong nước thải giảm rõ rệt và amoni chuyển thành nitrat.

- **Bể nén bùn:** Sau khi qua các bậc xử lý trên, hỗn hợp nước thải và bùn được qua ngăn lắng thứ cấp để tách phần lớn lượng bùn hoạt tính nhằm hồi lưu về ngăn anoxic rồi ngăn oxy. Phần bùn dư được đưa về bể chứa bùn. Tại bể nén bùn, bùn cặn được phân hủy yếm khí và giảm đáng kể thể tích. Bể nén bùn được xây bằng bê tông cốt thép có kích thước $D \times R = 4\text{m} \times 2\text{m} = 8\text{ m}^2$, chiều sâu 3,0m, thể tích 24 m^3 .

- **Bể khử trùng:** Nước thải sau ngăn lắng thứ cấp được đưa vào bể khử trùng. Tại đây nước thải được khử trùng bằng dung dịch NaOCl nồng độ 3 - 5 mg (tính theo lượng Clo hoạt tính)/ m^3 nước thải được cấp vào bể để xử lý vi khuẩn trước khi thải ra môi trường. Bể khử trùng được xây bằng bê tông cốt thép với kích thước $D \times R = 2\text{m} \times 2\text{m} = 4\text{ m}^2$, chiều sâu 3,0m, thể tích 12 m^3 .

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tập trung đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, K=1,2 được thoát ra hệ thống mương thoát nước chung của khu vực thông qua đường ống PVC D110mm có chiều dài khoảng 5m nằm ở góc phía Đông Bắc khuôn viên Trung tâm. Sau đó từ mương thoát nước chung của khu vực đổ ra nguồn tiếp nhận là sông Ngàn Phố.



Hình 3.9. Nhà điều hành

*** Thông số kỹ thuật của các bể xử lý nước thải:**

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của Hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Tên bể	Số lượng	Kích thước mặt trong bể (L x W x H hoặc D x H) (m)	Thể tích hữu dụng (m ³)	Thiết bị trong bể
1	Bể thu gom	01	1,5 x 1,5 x 2	4,5	Song chắn rác, bơm chìm
2	Bể điều hòa	01	3 x 6 x 3	54	Song chắn rác tinh, hệ thống máy thổi khí chìm, bơm nước thải P-01 và P-02
3	Bể hợp khối	03	6 x 2 x 2.5	90	Vật liệu đệm vi sinh, hệ thống máy thổi khí chìm, bơm bùn
4	Bể khử trùng	01	2 x 2 x 3	12	-
5	Bể chứa + nén bùn	01	4 x 2 x 3	24	
6	Nhà điều hành	01	6x5,18x3,18	-	Bảng điều khiển, Bơm hóa chất PAC, Bơm Clo, Máy thổi khí cạn

(Nguồn: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hệ thống xử lý nước thải năm 2021)

*** Nhận xét:**

Hệ thống xử lý nước thải của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn được đầu tư đưa vào sử dụng từ năm 2010 đến nay, TTYT đã bố trí cán bộ theo dõi, vận hành hệ thống theo đúng hướng dẫn quy trình nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu xử lý nước thải y tế đạt Quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, K=1,2.

3.2. Công trình, biện pháp BVMT đối với bụi, khí thải

** Biện pháp giảm thiểu khí thải, mùi từ hoạt động chuyên môn:*

- Thực hiện quy trình vệ sinh bệnh viện, quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện đúng hướng dẫn của Bộ Y tế, nhằm giảm nguy cơ lây nhiễm cho người bệnh, nhân viên y tế và cộng đồng. Để tránh nhiễm khuẩn mắc phải tại bệnh viện, các phòng phẫu thuật, phòng hồi sức tích cực được bố trí hệ thống thông khí theo tiêu chuẩn.

- Các phòng khám, điều trị, chẩn đoán có hệ thống cửa sổ, hệ thống thông khí, quạt hút để trao đổi không khí, thông thoáng và giảm nhanh nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí.

- Trong khuôn viên bệnh viện được trồng cây xanh theo đúng tỷ lệ quy hoạch. Cây xanh vừa tạo cảnh quan vừa góp phần giảm thiểu ô nhiễm bụi, không khí trong TTYT.

- Thực hiện thu gom chất thải đúng tần suất quy định để tránh gây mùi hôi.

- Thường xuyên lau dọn, vệ sinh khử khuẩn nơi làm việc, phòng bệnh.

** Giảm thiểu khí thải, mùi từ khu vực xử lý nước thải và tập kết rác:*

- Tuân thủ đúng quy định về quản lý chất thải y tế trong TTYT theo Thông tư 20/2021/TT-BYT. Tuyệt đối không vứt rác bên ngoài và lưu chứa rác quá thời gian quy định để ngăn ngừa phát tán ô nhiễm, mùi hôi ra môi trường.

- Dùng chế phẩm vi sinh để khử mùi và làm vệ sinh thường xuyên tại các khu tập kết rác...

- Bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải luôn được đầy kín và có lắp ống thông hơi lên cao. Xung quanh khu vực này cũng được trồng nhiều cây xanh hơn để điều hòa không khí, hạn chế mùi.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước để phát hiện, sửa chữa kịp thời, tránh rò rỉ chất bẩn.

** Hạn chế bụi, khí thải từ phương tiện giao thông:*

- Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ sân, hành lang, đường nội bộ.

- Kiểm soát vận tốc đối với phương tiện ra vào TTYT để hạn chế bụi trong không khí.

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BVMT ĐỐI VỚI CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

3.3.1. Khối lượng, chủng loại phát sinh

Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh thực tế trong hai năm gần đây tại TTYT được thống kê như sau:

Bảng 3. 2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại TTYT

TT	Chất thải thông thường	Năm 2023	Năm 2024
1	Chất thải rắn sinh hoạt	60.225 kg (*)	60.226kg (*)
2	Hóa chất thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;		
3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;		
4	Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực;		
5	Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;		
6	Chất thải lây nhiễm sau khi đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;	3,2 m ³ /tháng	3,2 m ³ /tháng
7	Bùn thải từ bể tự hoại		
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH	0,3 m ³ /tháng	0,3 m ³ /tháng

(Nguồn: (*)) Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế của TTYT kỳ báo cáo năm 2023 và 2024)

Như vậy, qua Bảng thống kê thực tế tại TTYT, cho thấy khối lượng phát sinh chất thải rắn thông thường khoảng 5.019 kg/tháng (bao gồm chất thải sinh hoạt) tương đương với 167 kg/ngày.

3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn thông thường tại TTYT được quản lý theo quy định tại Thông tư 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 26/11/2021 về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế, bao gồm việc phân loại, thu gom, lưu giữ và quản lý chất thải cụ thể như sau:

*** Phân loại chất thải y tế thông thường:**

- Thực hiện tương tự như chất thải y tế nguy hại, tất cả các nhân viên y tế của TTYT đều có trách nhiệm thực hiện phân loại chất thải y tế ngay tại nơi phát sinh và thời điểm phát sinh vào các bao bì, dụng cụ, thiết bị (túi, thùng, hộp, can) lưu chứa chất thải có màu sắc, cấu tạo, biểu tượng theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế.

+ Đối với chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế được thu gom vào túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu xanh. Chất thải sắc nhọn đựng trong dụng cụ kháng trùng.

+ Đối với chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế được thu gom vào túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu trắng.

- Vị trí đặt dụng cụ phân loại chất thải: Mỗi khoa, phòng, bộ phận đều được bố trí vị trí để đặt các bao bì, dụng cụ phân loại chất thải rắn thông thường đầy đủ. Vị trí đặt bao bì, dụng cụ phân loại chất thải y tế được gắn bảng hướng dẫn cách phân loại và thu gom chất thải.

Trường hợp chất thải rắn thông thường để lẫn vào chất thải y tế lây nhiễm thì hỗn hợp chất thải đó phải thu gom, lưu giữ và xử lý như chất thải lây nhiễm và tiếp tục thực hiện quản lý theo tính chất của chất thải sau xử lý.

*** Thu gom chất thải rắn thông thường**

Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế và chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế được TTYT thu gom riêng.

*** Lưu giữ chất thải rắn thông thường**

Toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của TTYT được phân loại, lưu chứa theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

Tại khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường bố trí 02 thùng chứa, mỗi thùng có dung tích khoảng 240 lít, có nắp đậy kín (01 thùng đựng chất thải sắc nhọn không lây nhiễm; 01 thùng đựng chất thải thông thường khác). Tại phòng chứa chất thải tái chế bố trí 02 thùng chứa chất thải thông thường được phép tái chế, mỗi thùng có dung tích khoảng 240 lít.

*** Khu vực lưu chứa:**

- Vị trí: Chất thải rắn thông thường được chứa tại 02 phòng (phòng chứa chất thải thông thường và phòng chứa chất thải tái chế) bên cạnh phòng chứa chất thải nguy hại của Trung tâm Y tế để lưu giữ tạm thời trước khi bàn giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

- Diện tích khu vực lưu chứa: Phòng chứa chất thải thông thường và phòng chứa chất thải tái chế có diện tích 27,5 m², mỗi phòng có kích thước LxWxH = 2,5x5,5x5,2 (m).

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu cột dầm sàn bê tông cốt thép, hệ tường bao xung quanh bằng gạch xây kín, có mái che; nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Biện pháp xử lý:

+ Chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế (như: Giấy, báo bìa, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy không chứa yếu tố lây nhiễm hoặc đặc tính nguy hại, các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất, chai nước giải khát bằng nhựa và sản phẩm bằng nhựa khác không thải ra từ phòng điều trị cách ly, các chai nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn) không chứa yếu tố lây nhiễm, yếu tố nguy hại, v.v...) theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế và chuyển giao cho cơ sở thu mua, tái chế theo quy định.

+ Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm và chất thải thông thường khác (bao gồm: Bùn thải từ bể tự hoại và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung sau khi phân định không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH) được hợp đồng với Hợp tác xã xây dựng môi trường H&Q vận chuyển đi xử lý. Tần suất 02 lần/tuần. (Hợp đồng số 04/HĐKT ngày 02/01/2025, có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025. Chi tiết đính kèm tại phụ lục báo cáo).

*** Đối với bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải:**

Bùn cặn từ bể tự hoại và bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được phân định không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH được TTYT định kỳ thuê đơn vị có chức năng 2 năm/lần hút lên, vận chuyển đưa đi xử lý.

3.3.3 Biện pháp BVMT đối với chất thải rắn sinh hoạt

Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong TTYT được phân loại, thu gom, lưu chứa như đã trình bày ở mục chất thải rắn thông thường như trên, tuân thủ quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CHẤT THẢI NGUY HẠI

3.4.1. Khối lượng, chủng loại phát sinh

*** Chất thải y tế nguy hại:**

Thành phần chất thải y tế nguy hại bao gồm chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm. Trong đó các loại có khả năng phát sinh tại TTYT như sau:

- Chất thải lây nhiễm phát sinh tại TTYT bao gồm:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn bao gồm kim tiêm, bơm liềm kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim chọc dò, kim châm cứu, lưỡi dao mổ, đinh, cưa dùng trong phẫu thuật, các ống tiêm, mảnh thủy tinh vỡ, các vật sắc nhọn khác đã qua sử dụng thải bỏ có dính, chứa máu của cơ thể hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh;

- + Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm bông, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh; vỏ lọ vắc xin thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực thải bỏ; chất thải lây nhiễm dạng lỏng (bao gồm dịch dẫn lưu sau phẫu thuật, thủ thuật y khoa, dịch thải bỏ chứa máu của cơ thể người hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh);
- + Chất thải giải phẫu bao gồm mô, bộ phận cơ thể người thải bỏ;
- Chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh tại TTYT bao gồm:
- + Hóa chất thải bỏ có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;
- + Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;
- + Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;
- + Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân; pin, ắc quy thải bỏ; vật liệu tráng chì sử dụng trong ngăn tia xạ thải bỏ;
- + Nước thải từ thiết bị xét nghiệm, phân tích và các dung dịch thải bỏ có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;
- + Chất thải y tế khác có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.

*** Khối lượng phát sinh:**

Hiện nay Trung tâm đang thu gom chất thải y tế của Cơ sở 2 (Bệnh viện Đa khoa khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo trước đây) và 25 trạm y tế trên địa bàn huyện Hương Sơn được thống kê như sau:

Bảng 3.3. Khối lượng phát sinh chất thải y tế nguy hại

TT	Nhóm Chất thải y tế nguy hại		Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg)	
				2023	2024
1	Chất thải lây nhiễm	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	678,6	714,3
		Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn		189,3	303,1
		Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao		626,5	669,8
		Chất thải giải phẫu		285,7	288,4
2	Chất thải nguy hại không lây nhiễm	Hóa chất thải bỏ hoặc có thành phần nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất.		0	0
		Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất.		0	0
		Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hóa chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất		23	23
		Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng		92	93,6

TT	Nhóm Chất thải y tế nguy hại	Mã	Khối lượng phát sinh (kg)	
		CTNH		
	Dung dịch rửa phim X-Quang, nước thải thiết bị xét nghiệm, phân tích và các dung dịch thải bỏ có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.		0	0
	Chất thải y tế khác có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.		0	0
Tổng số			1.895,1	2.092,2

(Nguồn: Trung tâm y tế huyện Hương Sơn)

Như vậy, qua Bảng thống kê thực tế tại TTYT, khối lượng chất thải y tế phát sinh trong hai năm trung bình khoảng 166,13 kg/tháng tương đương khoảng 5,5 kg/ngày.

Tác động của chất thải rắn y tế nguy hại rất đáng chú ý bởi ngay khi phát sinh đến khâu xử lý cuối cùng đều có thể gây ra tác động xấu đến con người và môi trường. Trong các khâu phân loại, thu gom, vận chuyển, chất thải y tế có thể phát tán vào môi trường không khí các tác nhân như bụi rác, bào tử vi sinh vật gây bệnh, dung môi, hóa chất... làm ô nhiễm, suy giảm chất lượng môi trường không khí, nước, đất khu vực. Từ đó lan truyền các tác nhân trên đến con người khi hít phải không khí ô nhiễm trong TTYT.

Nếu chất thải rắn y tế không được quản lý đúng, mà đổ thải bừa bãi sẽ dẫn đến sự phát tán các vi sinh vật gây bệnh, hóa chất độc hại... vào trong đất làm ô nhiễm đất, mất cân bằng hệ vi sinh trong đất, lan truyền mầm bệnh trong môi trường đất. Một số vi sinh vật gây bệnh gây ô nhiễm môi trường đất chủ yếu là trực khuẩn lỵ, trực khuẩn thương hàn, phẩy khuẩn tả, ký sinh trùng (giun sán). Ngoài ra, khi lưu trữ một lượng lớn chất thải hóa học dễ cháy, đặc biệt là các chất thải hóa học dễ phản ứng cùng với nhau, nguy cơ cháy nổ là rất lớn. Ngoài ra, trong TTYT có bình chứa áp suất dễ cháy nổ khi bị thủng hay thiêu đốt, khi phát cháy diện rộng sẽ không kiểm soát được sự phát tán các tác nhân gây bệnh trong TTYT ra môi trường xung quanh.

** Chất thải nguy hại khác:*

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại bao gồm các loại chất thải như pin-ắc quy thải, hộp chứa mực in có thành phần nguy hại, được thống kê ở Bảng sau:

Bảng 3.4. Thống kê khối lượng một số loại chất thải nguy hại khác

TT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng ước tính (kg/tháng)
1	Pin - ắc quy thải	NH	Rắn	16 01 12	3,0
2	Hộp chứa mực in có thành phần nguy hại	KS	Rắn	08 02 04	4,5
	Tổng				7,5 kg/tháng

** Đối tượng, phạm vi, mức độ tác động của chất thải nguy hại:*

Đối tượng chịu tác động chính của chất thải rắn y tế nguy hại bao gồm: Cán bộ và bệnh nhân trong TTYT, đặc biệt là nhân viên thu gom, vận chuyển chất thải, chất lượng môi trường (đất, không khí, nước) xung quanh khu vực để chất thải. Mức độ tác động của chất thải rắn y tế nếu không được thu gom, xử lý đúng quy định là lớn. Phạm vi thời gian tác động của chất thải y tế diễn ra trong suốt quá trình hoạt động của TTYT và các tác động gián tiếp có thể ảnh hưởng lâu dài về sau.

3.4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn hiện đang áp dụng quản lý chất thải y tế nguy hại theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 26/11/2021 về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ và quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 30/7/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian tới TTYT vẫn sẽ tiếp tục áp dụng biện pháp như hiện nay, cụ thể như sau:

a) Phân loại chất thải y tế nguy hại:

Tất cả các nhân viên y tế của TTYT đều có trách nhiệm thực hiện phân loại chất thải y tế nguy hại ngay tại nơi phát sinh và thời điểm phát sinh vào các bao bì, dụng cụ, thiết bị (túi, thùng, hộp, can) lưu chứa chất thải có màu sắc, cấu tạo, biểu tượng theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế.

- TTYT đã bố trí đầy đủ bao bì (túi), dụng cụ (thùng, hộp, can), thiết bị lưu chứa chất thải y tế đảm bảo lưu chứa an toàn chất thải, có khả năng chống thấm, chống rò rỉ với nhiều kích thước khác nhau. Trên bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải được ghi tên và biểu tượng theo quy định. Tổng số thùng rác của TTYT hiện trạng là khoảng 120 thùng các loại.

- Các dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải đều có nắp đóng, mở thuận tiện trong quá trình sử dụng, có thể tái sử dụng sau khi đã được làm sạch và khử khuẩn.

- Dụng cụ đựng chất thải sắc nhọn có thành, đáy cứng, kháng thủng, miệng thùng, dụng cụ được thiết kế an toàn tránh tràn đổ, rơi vãi chất thải ra bên ngoài.

- Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải lây nhiễm có nắp đậy kín và chống được sự xâm nhập của các loài động vật.

- Dụng cụ, thiết bị lưu chứa hóa chất phải được làm bằng vật liệu không có phản ứng với chất thải lưu chứa và có khả năng chống được sự ăn mòn nếu lưu chứa chất thải có tính ăn mòn.

Bảng 3.5. Màu sắc của bao bì, dụng cụ lưu chứa chất thải y tế nguy hại

	Phân loại chất thải y tế	Bao bì, dụng cụ, thiết bị
CTNH lây nhiễm	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	Thùng hoặc hộp kháng thủng và có màu vàng
	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	Thùng có lót túi và có màu vàng

	Phân loại chất thải y tế	Bao bì, dụng cụ, thiết bị
	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	Thùng có lót túi và có màu vàng
	Chất thải giải phẫu	2 lần túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng
	Chất thải lây nhiễm dạng lỏng	Túi kín hoặc dụng cụ lưu chứa chất lỏng và có nắp đậy kín
CTNH không lây nhiễm	Chất thải nguy hại không lây nhiễm ở dạng rắn	Túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu đen;
	Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng	Dụng cụ lưu chứa chất lỏng có nắp đậy kín, có mã, tên loại chất thải lưu chứa

- Vị trí đặt dụng cụ phân loại chất thải: Mỗi khoa, phòng, bộ phận đều được bố trí vị trí để đặt các bao bì, dụng cụ phân loại chất thải y tế đầy đủ. Vị trí đặt bao bì, dụng cụ phân loại chất thải y tế được gắn bảng hướng dẫn cách phân loại và thu gom chất thải.

Trường hợp chất thải lây nhiễm để lẫn với chất thải khác thì hỗn hợp chất thải đó phải thu gom, lưu giữ và xử lý như chất thải lây nhiễm và tiếp tục thực hiện quản lý theo tính chất của chất thải sau xử lý.

b) Thu gom chất thải y tế nguy hại:

Theo quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh do UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 30/7/2023 thì: Đối với các cơ sở y tế thuộc mô hình cụm: Ưu tiên việc xử lý chất thải y tế nguy hại cho các cơ sở y tế theo mô hình cụm bằng công nghệ không đốt để bảo vệ môi trường (*Cụm 2 – Trung tâm y tế huyện Hương Sơn, công nghệ hấp ướt và nghiền cắt*). Đối với các loại chất thải y tế nguy hại không xử lý được theo công nghệ hấp thì có thể xử lý tại chỗ bằng lò đốt trong trường hợp lò đốt hoạt động hiệu quả hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải y tế nguy hại để xử lý theo quy định.

Hiện nay, Trung tâm đang thu gom chất thải y tế nguy hại cho Cơ sở 2 (trước đây là Bệnh viện Đa khoa khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo) và 25 trạm trên địa bàn huyện Hương Sơn theo mô hình cụm. Chất thải rắn y tế sau khi được phân loại tại nguồn, vận chuyển về nhà chứa chất thải được xử lý như sau:

(1) Thu gom chất thải lây nhiễm:

- Đối với chất thải rắn y tế là chất sắc nhọn được thu gom, lưu trữ và cô lập trong bể bê tông có dung tích 21,31m³, có nắp đậy kín.

- Đối với chất thải y tế là chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn được thu gom và chứa trong 02 thùng chuyên dụng, mỗi thùng có dung tích khoảng



Hình 3.10. Bể chứa chất thải sắc nhọn tại TTYT huyện Hương Sơn

240 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại (01 thùng đựng chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao; 01 thùng đựng chất thải lây nhiễm không sắc nhọn).

- Đối với chất thải giải phẫu (bệnh phẩm, nhau thai) được bọc trong bao bóng cẩn thận và được lưu giữ trong tủ bảo quản lạnh đặt ở khu vực lưu giữ.

(2) Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm được thu gom tập trung về khu vực tập kết chất thải nguy hại và chứa trong 01 thùng chuyên dụng có dung tích khoảng 240 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại.

* Chất thải nguy hại khác (pin, ác quy và hộp mực in thải,...): Bố trí 02 thùng chuyên dụng, dung tích khoảng 60 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại để lưu chứa chất thải nguy hại khác.

2.1.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Vị trí, diện tích:

+ Đối với chất thải rắn y tế là chất sắc nhọn được thu gom, lưu trữ và cô lập trong bể bê tông được xây dựng cách nhà lưu trữ chất thải y tế khoảng 1m; Bể bê tông có diện tích 12,76 m² (kích thước DxRxH = 5,8x2,2x1,2m).

+ Chất thải y tế nguy hại được lưu giữ tại 2 phòng gồm phòng chứa chất thải rắn nguy hại và phòng đặt thiết bị xử lý (Hệ thống khử khuẩn bằng hơi nóng kết hợp nghiền cắt) thuộc hạng mục số 11 theo Bản vẽ quy hoạch; Phòng chứa chất thải nguy hại có diện tích 16,5 m² (kích thước DxRxH=5,5x3x5,2m) và phòng đặt thiết bị xử lý có diện tích 38,5 m² (kích thước DxRxH = 7x5,5x5,2m).

- Thiết kế, cấu tạo:

+ Bể bê tông được xây dựng hợp khối kết cấu bê tông cốt thép dày 200mm, bên trên có mái che bằng tôn đảm bảo không để nước mưa chảy tràn chảy qua.

+ Phòng chứa chất thải có kết cấu cột dầm sàn bê tông cốt thép, hệ tường bao xung quanh bằng gạch xây kín, có mái che; nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Biện pháp xử lý:

+ Đối với chất thải y tế có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn được xử lý bằng Hệ thống khử khuẩn hấp ướt bằng hơi nóng kết hợp nghiền cắt. Chất thải sau khi xử lý sẽ trở thành chất thải y tế thông thường và được Trung tâm Y tế được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm, chất thải giải phẫu (bệnh phẩm, nhau thai), chất thải sắc nhọn và chất thải nguy hại khác được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.



Hình 3.11. Khu vực lưu chứa chất thải y tế của TTYT huyện Hương Sơn

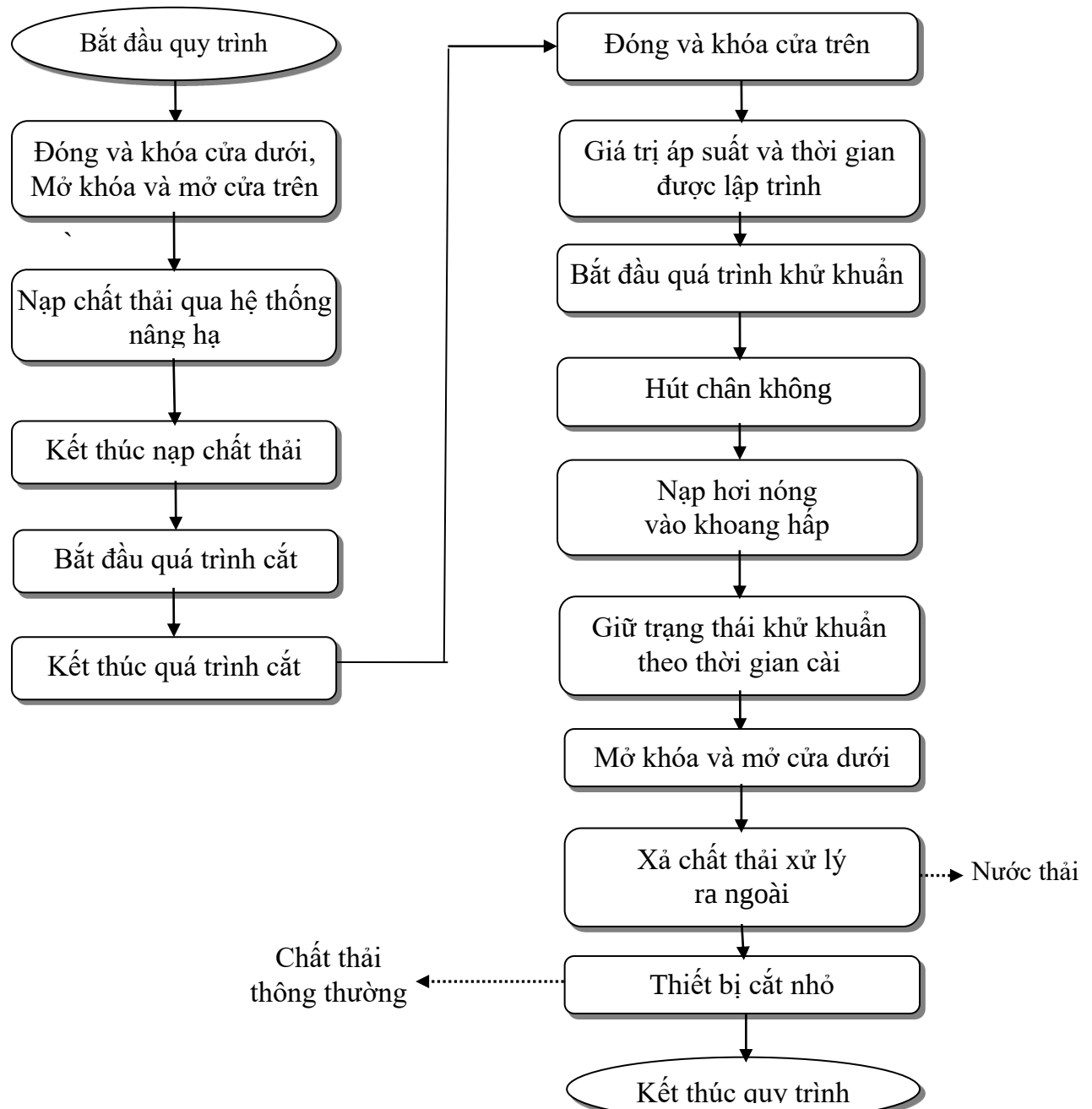
- “Hệ thống khử khuẩn bằng hơi nóng kết hợp nghiền cắt” tại Trung tâm y tế huyện Hương Sơn được lắp đặt và hoàn thành từ tháng 2/2017 xử lý cho tối đa khoảng 195kg/ngày chất thải y tế lây nhiễm nguy hại không sắc nhọn (trừ nhau thai, bệnh phẩm) của Cơ sở 2 (Bệnh viện đa khoa Cầu Treo trước đây) và các cơ sở y tế y tế trên địa bàn huyện Hương Sơn.



Hình 3.12. Hình ảnh tổng thể hệ thống khử khuẩn kết hợp nghiền cắt.



Hình 3.13. Một số hình ảnh hệ thống xử lý kết hợp nghiền cắt.
Quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 3.14. Quy trình xử lý bằng hơi nóng kết hợp nghiền cắt.

Thuyết minh quy trình xử lý:

+ Chất thải được đưa vào khử khuẩn bao gồm: Chất thải nguy hại không sắc nhọn lây nhiễm, chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao.

+ Chất thải được đưa lên hệ thống băng tải liệu để nạp rác vào phễu nạp liệu. Sau khi nạp đầy rác, máy chuyển sang quá trình nghiền cắt. Quá trình nghiền cắt được thực hiện trong hệ thống kín, rác sau khi nghiền giảm thể tích từ 60-70%.

+ Kết thúc quá trình nghiền cắt, rác được đưa vào hệ thống khử khuẩn. Tại đây, sử dụng nguyên lý hút chân không và cấp hơi nước bão hòa, tạo môi trường tối ưu để ẩm đều bề mặt chất thải, hấp thụ nhiệt từ hơi nước bão hòa, làm nóng chất từ bên ngoài, đạt tới nhiệt độ 135-140⁰C và áp suất 3-5bar. Nhiệt độ và áp suất được cài đặt sẵn (thời gian nâng nhiệt khoảng 15 phút), điều khiển bằng hệ thống tự động.

+ Giữ nhiệt độ và áp suất trên trong (khoảng thời gian khoảng 60 phút) để tiêu diệt hoàn toàn các vi khuẩn gây bệnh, đảm bảo khử khuẩn đạt tiêu chuẩn. Kết thúc quá trình khử khuẩn, máy tự động chuyển sang chế độ xả khí và hút chân không, đưa nồi hấp về nhiệt độ và áp suất bình thường.

+ Sau khi xả hết áp suất trong nồi hấp (thời gian hạ nhiệt khoảng 15 phút), rác sau hấp để nguội và được tháo dỡ khỏi buồng hấp và kiểm tra dụng cụ chỉ thị thay đổi màu sắc và vi sinh vật chỉ thị. Nếu quá trình xử lý không đạt yêu cầu, các chất thải sẽ được xử lý lại.

+ Sau khi kết thúc quá trình khử khuẩn, chất thải sẽ được đưa vào thiết bị cắt nhỏ thêm một lần nữa. Thiết bị cắt nhỏ này được bổ sung thêm theo đúng quy định tại Mục 2.6.3 - QCVN 55:2013/BTNMT, đối với cơ sở xử lý chất thải lây nhiễm hoạt động theo mô hình cụm thì thiết bị hấp phải được trang bị như sau: Thiết bị cắt nghiền hoặc nén ép chất thải (thiết kế riêng hoặc đồng bộ với thiết bị hấp) để làm thay đổi hình dạng và giảm thể tích chất thải sau khi xử lý.

Chất thải sau khi xử lý sẽ trở thành chất thải y tế thông thường được thu gom vào các thùng chứa chất thải màu xanh 660 lít để lưu giữ, sau đó thuê Hợp tác xã xây dựng môi trường H&Q vận chuyển đi xử lý.

+ Quy trình khử khuẩn diễn ra khép kín, vận hành tự động nên quá trình vận hành được đảm bảo an toàn vệ sinh tuyệt đối.

+ Các tính năng kỹ thuật của thiết bị khử khuẩn được đảm bảo theo QCVN 55:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm. Đối với nước thải phát sinh từ quá trình xử lý chất thải y tế lây nhiễm bằng thiết bị hấp xả sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT.

3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

TTYT là địa điểm đòi hỏi độ yên tĩnh cao, do đó các hoạt động bên trong TTYT luôn hướng tới việc giảm thiểu tiếng ồn đến mức thấp nhất có thể, thậm chí ngay cả trong việc giao tiếp giữa cán bộ nhân viên TTYT và bệnh nhân, thân nhân thăm nuôi bệnh và giữa các thân nhân thăm nuôi bệnh với nhau.

Trong hoạt động của TTYT tiếng ồn chủ yếu phát sinh từ các hoạt động như:

- Xe cứu thương, phương tiện của bệnh nhân ra vào viện.
- Chạy máy phát điện khi mất điện lưới;
- Chạy máy móc thiết bị phục vụ cho công trình phụ trợ (bơm nước vào đầu buổi sáng; quạt thông gió, thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải...)
- Tập trung đông người trong TTYT.

Để giảm thiểu tác động từ tiếng ồn, độ rung, TTYT thực hiện các biện pháp như sau:

- Máy thổi khí và máy bơm được đặt bên trong nhà điều hành XLNT có tường bao xây kín để giảm lan truyền tiếng ồn ra xung quanh.
- Lựa chọn thiết bị có độ ồn thấp, vận hành đúng chức năng và công suất thiết bị. Bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

- Máy phát điện được đặt bên trong nhà trạm biến áp phía Đông Bắc của TTYT, có tường bao xung quanh.

- Trồng hàng rào cây xanh đảm bảo diện tích theo đúng quy hoạch xây dựng để góp phần giảm ồn lan truyền về phía khu dân cư.

Ngoài ra, áp dụng một số biện pháp giảm thiểu đối với tiếng ồn dạng phân tán như:

- Quy định thời gian thăm bệnh cũng như các quy tắc trong khi thăm bệnh nhân.
- Quy định các khu vực cấm xe lưu thông, các loại xe được lưu thông trong khuôn viên Bệnh viện.
- Treo biển báo nhắc nhở, hạn chế tiếng ồn trong các khu vực khám chữa bệnh và khu nghỉ dưỡng của bệnh viện.

3.6. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

** Biện pháp phi công trình:*

- Để phòng ngừa sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, TTYT cần xây dựng nội quy dành riêng cho khu xử lý nước thải. Cán bộ phụ trách và nhân viên y tế vận hành cần:

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy về an toàn lao động, hiểu biết và nắm rõ về các nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình theo hướng dẫn của nhà cung cấp.

+ Thường xuyên giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để phát hiện sự cố kịp thời.

- Khi xảy ra các sự cố của hệ thống, nhân viên vận hành cần tuân thủ các bước sau:

+ Thực hiện khẩn trương việc khắc phục sự cố theo chỉ dẫn của nhà cung cấp;

+ Báo cáo kịp thời cho cán bộ phụ trách và đề xuất phương án khắc phục;

+ Trường hợp sự cố nằm ngoài khả năng xử lý của cán bộ TTYT, cần liên hệ ngay với đơn vị có chức năng để tiến hành khắc phục một cách nhanh chóng nhất.

+ Ghi chép sự cố vào sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

** Biện pháp công trình:*

Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế có công suất 150m³/ngày đảm bảo an toàn với lượng nước thải phát sinh lớn nhất là 76,4 m³/ngày đêm. Trong đó, bể chứa và bể điều hòa có tổng thể tích 59,5m³ có thể chứa tạm thời nước thải trong vòng 18 giờ. Việc hoàn thành sự cố sẽ được ưu tiên thực hiện sớm nhất để đưa hệ thống hoạt động bình thường trở lại, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra.

** Quy trình ứng phó khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố:*

+ Bước 1: Khi phát hiện ra sự cố, cán bộ vận hành sẽ khóa van ngăn nước thải sau bể khử trùng để ngăn nước thải chưa được xử lý của TTYT chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

+ Bước 2: Đóng van và tắt bơm để tạm thời lưu chứa toàn bộ lượng nước thải phát sinh vào thu gom và bể điều hòa.

+ Bước 3: Nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân và khắc phục các sự cố hỏng hóc tại hệ thống xử lý nước thải tập trung. Trong khi chờ tìm nguyên nhân khắc phục, nước thải sẽ được lưu giữ tạm thời tại bể thu gom và bể điều hòa của trạm xử lý trong thời gian 18 giờ. Khi các bể đầy (bể thu gom và bể điều hòa) không có khả năng chứa thì TTYT sẽ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển nước thải đi xử lý.

+ Bước 4: Sau khi hoàn thành khắc phục sự cố, mở van và bật bơm nước thải từ bể điều hòa đến các công đoạn xử lý tiếp theo trong hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Bước 5: Mở van và xả nước thải đã được xử lý đáp ứng quy chuẩn chảy ra mương tiếp nhận.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quản lý chất thải rắn y tế

- Để đảm bảo sức khỏe và an toàn trong các hoạt động của TTYT, phải làm tốt công tác quản lý chất thải y tế phát sinh, trang bị đầy đủ bảo hộ an toàn cho nhân viên y tế, nhân viên quản lý chất thải.

- Phải xây dựng biện pháp, quy trình chuẩn đối với ứng phó các sự cố xảy ra.

- Nhân viên y tế tham gia công tác quản lý chất thải y tế cần được đào tạo, huấn luyện các biện pháp phòng chống chấn thương, phơi nhiễm.

- Các hành động phải thực hiện ngay khi có sự cố: Ngay lập tức thực hiện các biện pháp sơ cứu; Báo cáo ngay với người có trách nhiệm; Lập biên bản ghi lại nội dung sự cố; Thực hiện các biện pháp giám sát y tế như xét nghiệm máu,...; Điều tra sự việc, thực hiện các hành động khắc phục hậu quả để ngăn ngừa các sự cố tương tự xảy ra trong tương lai.

- Đối với sự cố đổ tràn chất thải nguy hại, có thể tham khảo quy trình ứng phó theo WHO như sau:

- + Sơ tán vùng bị nhiễm bẩn.
- + Làm sạch vùng mắt và da tiếp xúc với chất thải ngay lập tức.
- + Thông báo cho người có trách nhiệm để phối hợp những hành động cần thiết.
- + Xác định tính chất của chất thải đổ tràn.
- + Sơ tán tất cả những người không liên quan đến việc dọn dẹp vệ sinh.
- + Thực hiện sơ cứu và chăm sóc y tế cho người bị thương.
- + Bảo vệ khu vực nhiễm bẩn để ngăn ngừa có thêm người bị phơi nhiễm.
- + Cung cấp đầy đủ bảo hộ lao động cho người tham gia dọn dẹp vệ sinh.
- + Hạn chế sự lan toả của đồng chất thải.
- + Trung hòa hay khử khuẩn vật liệu bị đổ tràn hay bị nhiễm bẩn nếu cần.

+ Thu gom toàn bộ vật liệu bị đổ tràn hay bị nhiễm bẩn. (Vật sắc nhọn không bao giờ được nhặt bằng tay, nên sử dụng chổi và dụng cụ hút hay những dụng cụ thích hợp khác). Chất thải đổ tràn và dụng cụ vệ sinh đã nhiễm bẩn khi vứt đi phải được đặt trong túi và thùng rác thích hợp.

+ Làm sạch và khử khuẩn khu vực nhiễm bẩn, lau sạch bằng vải thấm hút. Không bao giờ được xoay miếng vải lau (hay vật liệu thấm hút chất thải) trong quá trình lau vì sẽ làm lan toả chất bẩn. Công việc làm sạch được thực hiện từ nơi bẩn ít đến nơi bẩn nhiều và phải thay vải lau ở mỗi giai đoạn. Nên dùng vải khô trong trường hợp đổ tràn chất thải lỏng, vải thấm nước (axít, ba zơ hay trung tính sao cho phù hợp) trong trường hợp đổ tràn chất thải rắn.

- + Rửa sạch khu vực nhiễm bẩn và lau khô với vải thấm hút.
- + Làm sạch và khử khuẩn bất kỳ dụng cụ nào đã được sử dụng.
- + Cởi bỏ bảo hộ lao động và giặt sạch hay khử khuẩn nếu cần.
- + Tìm nơi chữa trị y tế nếu trong quá trình thực hiện có phơi nhiễm với chất nguy hại.

- Ngoài ra, trong quá trình lắp đặt thiết bị, sửa chữa máy móc của bệnh viện có thể gây ra sự cố rò rỉ dầu mỡ thải. Để phòng ngừa sự cố này, đơn vị sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị trong quá trình hoạt động để phát hiện sự cố kịp thời. Nếu phải sửa chữa tại chỗ sẽ yêu cầu nhân viên kỹ thuật phải không chế, kiểm soát lượng chất thải có chứa dầu mỡ, thu gom đúng quy định, tuyệt đối không để xảy ra sự cố rò rỉ dầu mỡ.

3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố bức xạ

Khoa chẩn đoán hình ảnh, có sử dụng các loại máy móc chiếu xạ (Khu X - Quang, Khu siêu âm) nói riêng cũng như toàn thể cán bộ nhân viên TTYT phải tuân thủ đúng các biện pháp an toàn bức xạ theo quy định của Luật Năng lượng nguyên tử, Thông tư liên

tịch số 13/2014/TTLTBKHCN-BYT ngày 09/6/2014 quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế và Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT.

* Một số biện pháp giảm thiểu tác động do bức xạ đang áp dụng tại TTYT như sau:

- Các nhân viên trực tiếp làm việc với bức xạ được đào tạo kiến thức về an toàn và kiểm soát bức xạ theo đúng quy định của pháp luật về an toàn bức xạ;

- Chỉ các nhân viên đã được đào tạo sử dụng thiết bị X-quang và an toàn bức xạ mới được sử dụng thiết bị này; Cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân và thiết bị bảo vệ cho nhân viên bức xạ y tế như: tạp dề cao su chì, kính chì, v.v... và định kỳ hằng năm khám sức khỏe cho nhân viên bức xạ.

- Thực hiện kiểm định đối với các thiết bị bức xạ định kỳ theo quy định.

- Đối với phòng đặt thiết bị bức xạ của Bệnh viện không đặt liền kề khoa sản, khoa nhi.

- Lắp đặt thiết bị bức xạ đảm bảo khi sử dụng chùm tia chiếu không hướng vào tủ điều khiển, cửa ra vào, cửa sổ hoặc khu vực công chúng qua lại.

- Kiểm soát chiếu xạ công chúng: Ngăn chặn không cho người không phận sự đi vào khu vực phòng điều khiển thiết bị bức xạ. Sử dụng các dấu hiệu cảnh báo bức xạ (biển cảnh báo, đèn cảnh báo, tín hiệu cảnh báo) và các biện pháp hạn chế người đi vào khu vực này.

- Sử dụng công nghệ chụp X-quang bằng kỹ thuật số để không tráng rửa phim bằng hóa chất.

- TTYT đã xây dựng quy trình làm việc với thiết bị bức xạ, vận hành thiết bị bức xạ đảm bảo các yêu cầu bảo vệ an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ y tế, các nhân viên khác trong cơ sở y tế, người bệnh, người chăm sóc hoặc hỗ trợ người bệnh và công chúng.

- Không bố trí nhân viên bức xạ là nữ làm công việc này khi họ đang có thai và nuôi con nhỏ.

- Định kỳ hàng năm kiểm xạ môi trường xung quanh phòng đặt thiết bị bức xạ.

- Hằng năm tổ chức diễn tập định kỳ để tăng khả năng chủ động ứng phó sự cố bức xạ.

- Tăng cường tuyên truyền giáo dục kiến thức về an toàn bức xạ cho nhân viên và cho bệnh nhân.

- Nội quy an toàn phòng xạ được niêm yết công khai và dễ nhận biết cho cả bệnh nhân và nhân viên bức xạ, kiểm soát vùng ra vào của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại khu vực bức xạ...

3.6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

* *Biện pháp quản lý:*

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho người lao động về nguyên nhân, điều kiện, tác hại của cháy, nổ, sự cố tai nạn.

- Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các loại hóa chất sử dụng trong quá trình thí nghiệm, thực hành.

- Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy; thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Tăng cường kiểm tra các điều kiện về an toàn PCCC theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Ban hành quy định, nội quy an toàn PCCC phù hợp với tính chất hoạt động của cơ sở và tổ chức thực hiện nghiêm túc.

- Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng PCCC cơ sở và những người làm việc trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ theo quy định của Luật PCCC.

** Các công trình, biện pháp PCCC và CNCH:*

- *Về giao thông, khoảng cách an toàn:* Các hạng mục công trình đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC; Các lối cổng đi, đường giao thông nội bộ đảm bảo xe chữa cháy hoạt động theo đúng Quy chuẩn sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- *Về hệ thống thoát nạn:* Đối với hạng mục công trình cao từ 03 tầng trở lên có từ 02 lối thoát nạn (thang bộ) trở lên; cửa đi, hành lang, vế thang đảm bảo chiều rộng, chiều cao; lắp đặt đèn và biển chỉ dẫn thoát nạn cho các khu vực theo đúng Quy chuẩn QCVN 06: 2021/BXD.

- *Về hệ thống báo cháy tự động:* Đã lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho các phòng, buồng... của các hạng mục công trình theo đúng Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5738:2021.

- *Về hệ thống chữa cháy:* Đã lắp đặt họng nước chữa cháy ngoài nhà, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà cho các hạng mục công trình theo đúng QCVN 06:2021/BXD, QCVN 02:2020/BCA

- *Về phương tiện phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:* Đã lắp đặt đầy đủ các loại bình chữa cháy, dụng cụ chữa cháy khác theo đúng TCVN 3890:2021. Trang bị đầy đủ phương tiện cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng PCCC cơ sở theo đúng quy định tại thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

- *Về hệ thống điện, chống sét:* Hệ thống điện cho các hạng mục công trình được lắp đặt theo đúng QCVN 12:2014/BXD, TCVN 9206:2012 và TCVN 9207:2012. Lắp đặt hệ thống chống sét đánh thẳng, cảm ứng theo đúng TCVN 9385:2012.

3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Căn cứ các nội dung đánh giá chi tiết trong báo ĐTM của dự án “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh” đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 và Giấy phép môi trường số 3437/GPMT ngày 25/12/2023. Các nội dung đề nghị thay đổi của TTYT nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường 2020, khoản 3 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 9, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

Bảng 3.6. Nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM

TT	Nội dung	Theo Quyết định phê duyệt ĐTM số 2684/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Theo Giấy phép môi trường số 3437/GPMT ngày 25/12/2023	Nội dung thay đổi	Nguyên nhân điều chỉnh	Đánh giá tác động từ việc thay đổi nội dung đề nghị điều chỉnh so với quyết định phê duyệt ĐTM
1	Quy mô hoạt động	130 giường bệnh kế hoạch	130 giường bệnh kế hoạch	200 giường bệnh kế hoạch (theo Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)	Do nhu cầu khám chữa bệnh của người dân ngày càng tăng, qua số liệu thống kê tại từ năm 2022 đến 2024, công suất sử dụng giường bệnh kế hoạch trung bình 3 năm đạt 201%.	Nội dung thay đổi này không ảnh hưởng đến công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong quyết định phê duyệt ĐTM và Giấy phép môi trường và vẫn đảm bảo xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành, không gây tác động xấu đến môi trường.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn phát sinh nước thải chủ yếu từ những nguồn:

- Nguồn số 01: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh tại các khoa phòng chuyên môn trong bệnh viện.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên bệnh viện, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép:

Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là **150 m³/ngày** (tương đương 6,25 m³/h).

4.1.3. Dòng nước thải:

Số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng nước thải sau khi xử lý, được xả vào mương thoát nước giáp bên ngoài hàng rào phía Đông Bắc của TTYT, sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Ngàn Phố.

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Thông số và nồng độ giới hạn chất ô nhiễm trong các dòng nước thải phải đảm bảo không được vượt quá giá trị giới hạn quy định tại QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, Cột A, K=1,2. Kể từ ngày 01/01/2032, áp dụng theo QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, hệ số F ≤ 2.000, cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Nồng độ các chất ô nhiễm trong dòng nước thải và giá trị giới hạn

TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn tối đa cho phép	
			Trước ngày 31/12/2031: theo QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, K=1,2)	Từ ngày 01/01/2032: theo QCVN 40:2025/BTNMT (cột A, hệ số F ≤ 2.000)
1	pH	-	6,5 – 8,5	6-9
2	BOD ₅	mg/l	36	≤ 40
3	COD	mg/l	60	≤ 65
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60	≤ 40
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2	-
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	6	≤ 5,0
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36	-
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2	-

TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn tối đa cho phép	
			Trước ngày 31/12/2031: theo QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, K=1,2)	Từ ngày 01/01/2032: theo QCVN 40:2025/BTNMT (cột A, hệ số F ≤ 2.000)
9	Tổng Nito (T-N)	mg/l	-	≤ 20
10	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	-	≤ 4,0
11	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12	≤ 30
12	Tổng Coliform	MNP/100ml	3000	≤ 5 000
13	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	-	≤ 30
13	Salmonella	mg/l	Không phát hiện	-
14	Shigella	mg/l	Không phát hiện	-
15	Vibro cholerae	mg/l	Không phát hiện	-

Ghi chú: Dấu “-“: không quy định

$$C_{max} = C \times K$$

Trong đó:

Giá trị C quy định tại cột A, Bảng 1, QCVN 28:2010/BTNMT

K là hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế, K =1,2 (theo Bảng 2, QCVN 28:2010/BTNMT).

Đối với các thông số: pH, Tổng Coliform, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera trong nước thải y tế, sử dụng hệ số K = 1.

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí xả nước thải:

+ Tại ống dẫn thải ra mương thoát nước của khu vực thuộc thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2048008; Y(m) = 0492176 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3⁰)

- **Phương thức xả nước thải:** Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn được xả vào mương thoát nước giáp bên ngoài hàng rào phía Đông Bắc của TTYT, sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Ngàn Phố theo phương thức tự chảy. Nước thải được xả ven bờ trên bề mặt nguồn tiếp nhận.

- **Nguồn tiếp nhận nước thải:** Sông Ngàn Phố đoạn chảy qua tổ dân phố 2, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn.

- **Chế độ xả nước thải:** Xả thải liên tục (24 giờ).

4.2. 1.Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

4.2.1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào TTYT.

- Nguồn số 2: Hệ thống, thiết bị khu vực xử lý nước thải.
- Nguồn số 3: Tủ máy phát điện dự phòng.

4.2.2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: Nguồn phát sinh tiếng ồn số 1 là nguồn phân tán nên không xác định được vị trí, tọa độ cụ thể.
- Nguồn số 2: Khu vực nhà vận hành xử lý nước thải. Tọa độ: X= 2048013; Y= 0492164 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 3: Máy phát điện dự phòng. Tọa độ: X=2048043; Y=0492106 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

4.2.2.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn,

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	55	45	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Khu vực thông thường

Chương V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

5.1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện.

5.1.1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

TTYT đã thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản khác có liên quan. Cụ thể:

- Đã lập Đề án bảo vệ môi trường của Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 57/QĐ-TNMT ngày 22/4/2009.

- Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 272/GP-STNMT ngày 05/10/2015, với lưu lượng xả thải lớn nhất là 88 m³/ngày đêm, nguồn tiếp nhận nước thải là sông Ngàn Phố, thời hạn của giấy phép là 05 năm, nay đã hết hiệu lực.

- Đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường do dự án xây dựng thêm hạng mục hệ thống xử lý chất thải thuộc Dự án “Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện tại thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh” được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3836/QĐ-UBND ngày 27/12/2016.

- Đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 28/12/2022. Trong đó, tại Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn thực hiện xây dựng mới khu nhà hành chính quản trị kết hợp khám chữa bệnh 5 tầng đến nay đã gần hoàn thiện, chuẩn bị bàn giao đi vào hoạt động.

- Đến năm 2023, theo quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân huyện Hương Sơn tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 27/11/2021 (Phụ lục số 02). Tại TTYT được đầu tư xây dựng dự án “Khu nhà điều trị 03 tầng và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn” do UBND huyện Hương Sơn làm chủ đầu tư. Dự án đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy phép môi trường số 3437/GPMT ngày 25/12/2023 với lưu lượng xả lớn nhất 150m³/ngày; thời hạn 10 năm. Sau khi hoàn thành dự án sẽ bàn giao cho Trung tâm y tế Hương Sơn tiếp nhận, thực hiện đầy đủ các nội dung của giấy phép môi trường.

- Đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ AO công suất 150 m³/ngày đêm và định kỳ bảo dưỡng 1 lần/năm.

- Về quản lý chất thải:

+ Chất thải sinh hoạt đã được thu gom và hợp đồng với Hợp tác xã xây dựng môi trường H&Q vận chuyển đưa đi xử lý với tần suất 2 ngày/lần.

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao và chất thải lây nhiễm sắc nhọn được xử lý bằng Hệ thống khử khuẩn bằng hơi nóng kết hợp nghiền cắt với công suất tối đa 35 kg/giờ, phạm vi xử lý cho cơ sở 2 và các cơ sở y tế trên địa bàn huyện Hương Sơn (theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 30/7/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh).

+ Đối với chất thải rắn y tế là chất sắc nhọn: Được thu gom, lưu trữ và cô lập trong 01 bể bê tông. Khi nào bể đầy, Trung tâm sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đem đi xử lý.

- Về quan trắc môi trường:

+ Thực hiện Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ 2 lần/năm. Từ cuối năm 2023 đến nay, Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn không thực hiện quan trắc định kỳ do không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và lưu lượng xả thải nhỏ hơn 500m³/ngày đêm (theo Giấy phép môi trường số 3437/GPMT ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh).

+ Hàng năm lập báo cáo quản lý chất thải y tế gửi các cơ quan chức năng theo đúng quy định.

5.1.1.2. Yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện

Trong quá trình hoạt động, TTYT có trách nhiệm vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5.1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi đến cơ quan có thẩm quyền

Hàng năm, TTYT đã gửi báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế và cập nhật tình hình thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định.

5.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI

5.2.1. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải năm 2023 của cơ sở

Hệ thống XLNT của TTYT được bố trí tại góc phía Đông Bắc với quy mô công suất thiết kế là 150m³/ngày đêm. Theo báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế năm 2023 của TTYT, lượng nước thải phát sinh trong năm 2023 là 33.016 m³/năm = 91,71 m³/ngày.

Bảng 5.1: Kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2023

STT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Kết quả năm 2023	QCVN 28:2010/BTNMT Cột A, K=1,2
1	pH	Thang pH	7,3	6,5-8,5
2	BOD ₅	mg/l	22,7	36
3	COD	mg/l	41,9	60
4	TSS	mg/l	35	60
5	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	1,78	6
6	NO ₃ ⁻ -N	mg/l	4,53	36
7	PO ₄ ³⁻ -P	mg/l	1,14	7,2
8	S ²⁻ (Theo H ₂ S)	mg/l	0,26	1,2
9	Dầu mỡ	mg/l	0,4	12
10	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	KPH
11	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	KPH
12	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	KPH
13	Tổng Coliform	MPN/100ml	4,5x10 ³	3.000

*** Ghi chú:**

- Thời gian quan trắc: 22/5/2023

- Vị trí điểm quan trắc: Hồ gas cuối cùng trước khi thoát nước, điểm lấy mẫu có tọa độ: 105⁰25'40,0" (Đ), 18⁰30'58,0" (B).

- Tần suất quan trắc: 1 đợt năm 2023. Từ cuối năm 2023 đến nay, Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn không thực hiện quan trắc định kỳ do không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và lưu lượng xả thải nhỏ hơn 500m³/ngày đêm (theo Giấy phép môi trường số 3437/GPMT ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh).

* Nhận xét: Kết quả đo và phân tích mẫu nước thải năm 2023 của TTYT cho thấy các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT, Cột A, K=1,2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

5.2.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải năm 2024 của cơ sở

Theo báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế năm 2024 của TTYT, lượng nước thải phát sinh trong năm 2024 là 33.026 m³/năm = 91,74 m³/ngày.

- Nhìn chung, qua khảo sát hiện trạng công trình kết hợp đánh giá chuỗi kết quả quan trắc cho thấy hệ thống xử lý nước thải của TTYT hiện nay hoạt động đạt hiệu quả theo yêu cầu quy định. Hệ thống xử lý nước thải hợp khối công suất 150m³/ngày.đêm vận hành tốt, đạt yêu cầu, hàng năm thực hiện duy tu bảo dưỡng theo quy định.

- Các công trình bảo vệ môi trường khác của TTYT từ trước đến nay chưa có sự cố gì xảy ra.

5.2.3. Kết quả quan trắc nước thải bổ sung năm 2025

Theo quy định tại điều 20, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường đã được sửa đổi tại khoản 7, điều 1, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường, cơ sở thuộc đối tượng quan trắc chất thải bổ sung khi đề nghị cấp giấy phép môi trường, cụ thể: lấy mẫu đơn đối với nước thải trong 02 ngày liên tiếp để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình. Kết quả phân tích được thể hiện ở Bảng sau:

Bảng 5.2: Kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2025

STT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Kết quả năm 2025		QCVN 28:2010/BTNMT Cột A, K=1,2
			Lần 1	Lần 2	
1	pH	-	7,0	7,0	6,5-8,5
2	BOD ₅	mg/l	13	15	36
3	COD	mg/l	24	28	60
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	33	31	60
5	Tổng Nito	mg/l	15,8	16	-
6	Tổng Photpho	mg/l	1,59	0,357	-
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/l	0,31	0,33	36
8	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/l	5,76	5,68	6
9	Sunfua (H ₂ S)	mg/l	<0,04	<0,04	1,2
10	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/l	0,286	0,289	7,2
11	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	<1,0	<1,0	12
12	Coliform	MPN/100ml	1.700	2.100	3000

Ghi chú: Dấu “-“ không quy định

- Thời gian quan trắc: Lần 1: 05/6/2025; lần 2: 06/6/2025.

- Vị trí điểm quan trắc: Nước thải sau bể khử trùng, điểm lấy mẫu có toạ độ: 105⁰25'39,4" (Đ); 18⁰30'58,5" (B).

* Nhận xét: Qua chuỗi số liệu kết quả quan trắc nước thải bổ sung năm 2025 cho thấy các thông số phân tích đều đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cột A cho thấy hệ thống xử lý nước thải của TTYT hiện nay hoạt động đạt hiệu quả theo yêu cầu quy định.

5.3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

Ngoài việc trồng cây xanh theo đúng tỷ lệ quy hoạch, TTYT luôn tuân thủ đúng quy định về quản lý chất thải y tế trong TTYT theo Thông tư 20/2021/TT-BYT. Tuyệt đối không vứt rác bên ngoài và lưu chứa rác quá thời gian quy định để ngăn ngừa phát tán ô nhiễm, mùi hôi ra môi trường và các phòng khám, điều trị, chẩn đoán có hệ thống cửa sổ, hệ thống thông khí, quạt hút để trao đổi không khí, thông thoáng và giảm nhanh nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí. TTYT thường xuyên dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ sân, hành lang, đường nội bộ; kiểm soát vận tốc đối với phương tiện ra vào TTYT để hạn chế bụi trong không khí.

5.4. TÌNH HÌNH PHÁT SINH, XỬ LÝ CHẤT THẢI

5.4.1. Tình hình phát sinh xử lý chất thải năm 2023

5.4.1.1. Chất thải rắn thông thường:

Từ 15/12/2022 đến hết 14/12/2023, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh của cơ sở như sau:

Bảng 5.3: Bảng tổng hợp chất thải rắn thông thường năm 2023

Tên loại chất thải	ĐVT (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức cá nhân tiếp nhận
--------------------	----------	-------------------	---------------------------

Tên loại chất thải	ĐVT (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức cá nhân tiếp nhận
Chất thải rắn thông thường	60.225	Ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định	Hợp tác xã xây dựng môi trường H&Q

5.4.1.2. Chất thải rắn nguy hại

Từ 15/12/2022 đến hết 14/12/2023, khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh của cơ sở như sau:

Bảng 5.4: Bảng tổng hợp chất thải rắn nguy hại năm 2023

TT	Loại chất thải y tế	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Xử lý chất thải y tế			
					Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
					Số lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ Phương pháp xử lý (*)
I	Tổng lượng chất thải y tế nguy hại	13 01 01	kg/năm	1.977,2	547,3		1429,9	
1	Tổng lượng chất thải lây nhiễm:		kg/năm	1780,1	514,2		1265,9	
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	SN, LN	kg/năm	678,6	266,3		412,3	Lưu giữ tại bể chứa, khi đầy sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	LN	kg/năm	189,3	179,2		10,1	Thiết bị không đốt (hấp, vi sóng,...)
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	LN	kg/năm	626,5	0		626,5	
1.4	Chất thải giải phẫu		kg/năm	285,7	68,7		217	
2	Tổng lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm, gồm:	13 01 01	kg/năm	197,1	33,1		164	
2.1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng		kg/năm	0	0		0	
2.2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm	Đ	kg/năm	0	0		0	

TT	Loại chất thải y tế	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Xử lý chất thải y tế			
					Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
					Số lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ Phương pháp xử lý (*)
	gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất							
2.3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Đ	kg/năm	23	0	Dự kiến hợp đồng với Công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh	23	
2.4	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi	Đ, ĐS	kg/năm	92	7		85	Lưu giữ tại thùng chứa, khi đầy sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý
2.5	Tổng lượng chất thải nguy hại khác	Đ, ĐS, C, AM	kg/năm	82,1	82,1		0	

(*) Do công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Công ty đã có Giấy phép xử lý CTNH do Bộ TN&MT cấp mã số QLCTNH: 3.098.VX (cấp lần 3) ngày 02/6/2021.

5.4.2. Tình hình phát sinh xử lý chất thải năm 2024

5.4.2.1. Chất thải rắn thông thường:

Từ 15/12/2023 đến hết 14/12/2024, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh của cơ sở như sau:

Bảng 5.5: Bảng tổng hợp chất thải rắn thông thường năm 2024

Tên loại chất thải	ĐVT (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức cá nhân tiếp nhận
Chất thải rắn thông thường	60.226	Ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định	Hợp tác xã xây dựng môi trường H&Q

5.4.2.2. Chất thải rắn nguy hại

Từ 15/12/2023 đến hết 14/12/2024, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh của cơ sở như sau:

Bảng 5.6: Bảng tổng hợp chất thải rắn nguy hại năm 2024

TT	Loại chất thải y tế	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Xử lý chất thải y tế			
					Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
					Số lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ Phương pháp xử lý (*)
I	Tổng lượng chất thải y tế nguy hại	13 01 01	kg/năm	2182,9	754,4		1428,5	
1	Tổng lượng chất thải lây nhiễm:		kg/năm	1975,6	709,1		1266,5	
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	SN, LN	kg/năm	714,3	302,3		412	Lưu giữ tại bể chứa, khi đầy sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	LN	kg/năm	303,1	292,2		10,9	Thiết bị không đốt (hấp, sôi, ..)
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	LN	kg/năm	669,8	43,8		626	
1.4	Chất thải giải phẫu		kg/năm	288,4	70,8		217,8	
2	Tổng lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm, gồm:	13 01 01	kg/năm	207,3	45,3		162	
2.1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng		kg/năm	0	0	Dự kiến hợp đồng với Công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh	0	
2.2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Đ	kg/năm	0	0		0	
2.3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất	Đ	kg/năm	23	0		23	

TT	Loại chất thải y tế	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Xử lý chất thải y tế			
					Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
					Số lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ Phương pháp xử lý (*)
	thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất							
2.4	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi	Đ, ĐS	kg/năm	93,6	9,6		84	Lưu giữ tại thùng chứa, khi đầy sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý
2.5	Tổng lượng chất thải nguy hại khác	Đ, ĐS, C, AM	kg/năm	90,7	35,7		55	

5.5. KẾT QUẢ THANH TRA KIỂM TRA VỀ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động từ năm 2023 đến nay, TTYT chưa có đợt kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chức năng về công tác bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

- Tên công trình vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Ngay sau khi hoàn thành xây dựng và đấu nối hệ thống thoát nước thải của các công trình (khu nhà hành chính quản trị 5 tầng) và bàn giao đưa vào sử dụng. Cụ thể, theo tiến độ dự án thi công xây dựng hoàn thành vào tháng 8/2025, dự kiến khoảng thời gian có thể đưa công trình đi vào vận hành thử nghiệm là tháng 9/2025.

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP, dự kiến tổng thời gian vận hành thử nghiệm diễn ra trong vòng 06 tháng, kể từ 01/9/2025 đến 01/3/2026. Việc vận hành thử nghiệm nhằm đảm bảo đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tập trung sau khi nâng quy mô giường bệnh.

- Công suất hoạt động của TTYT (cơ sở 1) tại thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm dự kiến đạt 100% công suất (tức 200 giường bệnh).

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì việc thực hiện quan trắc chất thải đối với hệ thống xử lý nước thải của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (cơ sở 1) cần đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Trên cơ sở đó, dự kiến kế hoạch quan trắc chất thải đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải như sau:

- Thời gian dự kiến lấy mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý:

Bảng 6.1 Kế hoạch quan trắc chất thải giai đoạn vận hành thử nghiệm

Đợt lấy mẫu	Thời gian dự kiến	Số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Quy chuẩn so sánh
Đợt 1	20/12/2025	02 mẫu đơn	- 01 mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (tại hồ thu gom nước thải tập trung). Tọa độ vị trí lấy mẫu: X (m) = 20 47898, Y(m)	13 thông số: pH, BOD ₅ , COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N),	QCVN 28:2010/BTN MT, cột A, K=1,2

Đợt lấy mẫu	Thời gian dự kiến	Số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Quy chuẩn so sánh
			= 0492364. - 01 mẫu đơn nước thải đầu ra của hệ thống xử nước thải (tại miệng ống thoát nước sau bể khử trùng). Tọa độ vị trí lấy mẫu: X (m) = 2047898; Y(m) = 492369.	Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae	
Đợt 2	21/12/2025	01 mẫu đơn	- 01 mẫu đơn nước thải đầu ra của hệ thống xử nước thải (tại miệng ống thoát nước sau bể khử trùng). Tọa độ vị trí lấy mẫu: X (m) = 2047898; Y(m) = 492369.		
Đợt 3	22/12/2025	01 mẫu đơn	- 01 mẫu đơn nước thải đầu ra của hệ thống xử nước thải (tại miệng ống thoát nước sau bể khử trùng). Tọa độ vị trí lấy mẫu: X (m) = 2047898; Y(m) = 492369.		

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch quan trắc:

+ Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 061 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 26/4/2025.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm số 061/TN-QTMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 26/4/2025.

6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.

Căn cứ Điều 111, 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và Điều 97, 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Tĩnh không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động và quan trắc định kỳ chất thải theo quy định do không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, lưu lượng xả nước thải nhỏ hơn 500m³/ngày đêm và không có nguồn phát sinh khí thải phải xử lý.

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và các quy định pháp luật liên quan khác, Chủ dự án cam kết các nội dung như sau:

1. Cam kết rằng các số liệu, thông tin về dự án, các vấn đề môi trường của dự án được cung cấp trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường là trung thực và có tính chính xác.

2. Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Cụ thể:

- Thu gom, xử lý nước thải y tế trong quá trình hoạt động của TTYT đạt Quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế (cột A, K=1,2) trước khi thải ra môi trường tiếp nhận. Từ ngày 01/01/2032, nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước công nghiệp).

- Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế thông thường, chất thải y tế nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

3. Thực hiện việc lập, gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình BVMT theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chấp hành chế độ báo cáo công tác BVMT hàng năm theo các quy định pháp luật nêu trên.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

PHỤ LỤC	1	
Phụ lục 1A	1.1	Quyết định thành lập Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn số 1927/QĐ-UBND ngày 22/6/2020.
	1.2	Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 179/HT-GPHĐ ngày 04/8/2020.
	1.3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 856504 ngày 12/7/2013 do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp.
	1.3	Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn.
	1.4	Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc quy định cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn.
	1.5	Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn.
	1.6	Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 13/5/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt chỉ tiêu giường bệnh một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
	1.7	Quyết định số 3836/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn thuộc Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện tại thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn”.
	1.8	Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế huyện, tỉnh Hà Tĩnh”.
	1.9	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 272/GP-STNMT ngày 05/10/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh cho phép Bệnh viện đa khoa Hương Sơn được xả nước thải vào nguồn nước.
	1.10	Giấy phép môi trường số 3437/GPMT ngày 25/12/2023 do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp phép cho UBND huyện Hương Sơn được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Khu nhà điều trị 03 tầng và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn”.
Phụ lục 1B	1.11	Phiếu kết quả quan trắc môi trường
Phụ lục 1C	1.12	Hợp đồng dịch vụ thu gom, xử lý Chất thải sinh hoạt
Phụ lục 1D	1.13	Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng ngày 08/12/2021 Dự án “Duy tu bảo dưỡng bảo trì, sửa chữa, cung cấp, thay thế vật tư, lắp đặt vật liệu lọc hệ thống xử lý nước thải y tế - Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn” (năm 2021)
	1.14	Bản vẽ thiết kế công trình Duy tu bảo dưỡng bảo trì, sửa chữa, cung cấp, thay thế vật tư, lắp đặt vật liệu lọc hệ thống xử lý nước thải y tế - Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn” (năm 2021)

Số: 1927/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số - kế hoạch hóa gia đình ở địa phương; Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện;

Thực hiện Chương trình hành động số 1011-CTr/TU ngày 03/5/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW; Nghị quyết số 94/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ngành Y tế Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo; Văn bản số 1306-TB/TU ngày 06/12/2019 và Văn bản số 2120-CV/TU ngày 18/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Văn bản số 2892/UBND-VX, ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thành lập Trung tâm Y tế cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức ban hành kèm theo Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Hương Sơn tại Văn bản số 670/UBND-NV ngày 20/5/2020 và Văn bản số 832/UBND ngày 16/6/2020; ý kiến của Giám đốc Sở Y tế tại Văn bản số 1685/SYT-TCCB ngày 18/6/2020 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Văn bản số 1036/SNV-XDCQ&TCBC ngày 19/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn trên cơ sở tổ chức lại Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Sơn trực thuộc Sở Y tế và Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trực thuộc UBND huyện Hương Sơn.

1. Vị trí pháp lý: Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc UBND huyện Hương Sơn, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của UBND huyện Hương Sơn; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Y tế, của các đơn vị y tế tuyến tỉnh, trung ương theo quy định pháp luật.

Trung tâm có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng theo quy định pháp luật.

2. Chức năng của Trung tâm: Cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng; dân số - kế hoạch hóa gia đình; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác theo quy định pháp luật.

3. Trụ sở của Trung tâm:

a) Cơ sở 1: Tổ dân phố 2, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (cơ sở Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Sơn hiện nay).

b) Cơ sở 2: Xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (cơ sở Trung tâm Y tế dự phòng huyện Hương Sơn hiện nay).

Điều 2. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Trung tâm: Trung tâm có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện Hương Sơn và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

b) Phó Giám đốc Trung tâm là người giúp Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công; khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành hoạt động của Trung tâm.

2. Trung tâm có 05 phòng chức năng:

a) Phòng Tổ chức - Hành chính;

b) Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ;

c) Phòng Tài chính - Kế toán;

d) Phòng Điều dưỡng;

d) Phòng Dân số - Truyền thông.

3. Trung tâm có 18 khoa chuyên môn:

a) Khoa Ngoại tổng hợp;

b) Khoa Nội tổng hợp;

c) Khoa Nhi;

d) Khoa Phụ Sản;

d) Khoa Y học cổ truyền;

e) Khoa Phục hồi chức năng;

- g) Khoa Truyền nhiễm;
- h) Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu;
- i) Khoa Xét nghiệm;
- k) Khoa Liên chuyên khoa (Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng);
- l) Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế;
- m) Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;
- n) Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS và Y tế công cộng;
- o) Khoa Dinh dưỡng;
- p) Khoa An toàn thực phẩm;
- q) Khoa Chẩn đoán hình ảnh;
- r) Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc;
- t) Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức.

4. Các Trạm Y tế cấp xã: 25 trạm.

5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng phòng, Trưởng khoa, Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng khoa, Trạm trưởng, Trạm phó của Trung tâm thực hiện theo quy định pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh.

6. Số người làm việc của Trung tâm: Thực hiện theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nằm trong tổng biên chế, số lượng người làm việc của UBND huyện Hương Sơn được HĐND tỉnh phê duyệt và UBND tỉnh giao, thông báo hàng năm.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Về xếp hạng cho Trung tâm: Trước mắt, tạm xếp hạng II cho Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn. Sau khi Trung tâm đi vào hoạt động, UBND huyện Hương Sơn có trách nhiệm xây dựng phương án xếp hạng cho Trung tâm đảm bảo đúng quy định.

2. Về quy mô giường bệnh: UBND tỉnh tạm giao số giường bệnh kế hoạch của Trung tâm bằng số giường bệnh kế hoạch của Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Sơn tại thời điểm tổ chức lại: 130 giường bệnh.

3. Về hoạt động của các đơn vị được tổ chức lại: Trong thời gian tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận, các đơn vị thuộc diện tổ chức lại tiếp tục hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, cơ chế tài chính đã được giao và kết thúc hoạt động khi hoàn thành việc bàn giao, tiếp nhận.

4. Về lãnh đạo Trung tâm: Trong giai đoạn tổ chức lại, Trung tâm có thể có nhiều hơn 03 Phó Giám đốc. Tuy vậy phải đảm bảo thực hiện đúng quy định tại Mục 3 Phần III Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII (khi có cấp phó nghỉ hưu hoặc điều chuyển công tác thì không được bổ sung; đồng thời phải có giải pháp điều chuyển, sắp xếp lại số lượng cấp phó trong thời hạn tối đa 03 năm kể từ ngày tổ

chức lại. Trường hợp điều chuyển giữ chức vụ thấp hơn thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ đến hết thời hạn bổ nhiệm).

5. Về số người làm việc của Trung tâm: Trước mắt, để đảm bảo ổn định tổ chức, UBND tỉnh giao, thông báo số người làm việc cho Trung tâm bằng tổng số người làm việc được HĐND tỉnh phê duyệt và UBND tỉnh giao, thông báo năm 2020 của các đơn vị: Trung tâm Y tế dự phòng; Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Hương Sơn và số người làm việc tự chủ của Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Sơn. Chuyển nguyên trạng số người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/ND-CP của các đơn vị được tổ chức lại về Trung tâm quản lý.

6. Các trường hợp đang là công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các đơn vị được tổ chức lại, sau khi sắp xếp tổ chức thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bổ nhiệm vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ, được bảo lưu phụ cấp chức vụ cũ theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 140/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các chức danh lãnh đạo trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

7. Về bàn giao tài sản, tài chính, phương tiện làm việc: Sau khi Trung tâm được thành lập, các đơn vị được tổ chức lại quy định tại Điều 1 Quyết định này hoàn thành việc khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, xác định nợ chưa thanh toán, lập báo cáo tài chính gửi cơ quan có thẩm quyền; tiến hành bàn giao tài sản, tài chính, phương tiện làm việc cho Trung tâm theo quy định. Hoàn thành việc bàn giao trước ngày 30/6/2020.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện bàn giao nguyên trạng công chức, viên chức, lao động hợp đồng, đất đai, tài chính, tài sản, phương tiện làm việc và hồ sơ, tài liệu có liên quan của Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Sơn cho UBND huyện Hương Sơn tiếp nhận, quản lý, sử dụng theo quy định pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh.

b) Phối hợp với UBND huyện Hương Sơn thực hiện quy trình bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn đảm bảo đúng quy định.

2. Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn:

a) Tổ chức tiếp nhận bàn giao công chức, viên chức, lao động hợp đồng, đất đai, tài chính, tài sản, phương tiện làm việc và hồ sơ, tài liệu có liên quan của Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Sơn từ Sở Y tế; phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thực hiện bàn giao tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, số người làm việc về Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn quản lý theo quy định hiện hành; không để xảy ra thất thoát hồ sơ, tài liệu, tài sản; nhanh chóng ổn định tổ chức, xác định rõ trách nhiệm của các bộ phận tổ chức và cá nhân để đi vào hoạt động. Hoàn thành và đi vào hoạt động trước ngày 10/7/2020.

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn theo đúng quy định pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ và Sở Y tế. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện quy trình bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm. Thực hiện bổ nhiệm lãnh đạo các khoa, phòng theo quy định pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh; sắp xếp, bố trí và thực hiện các chế độ, chính sách đối với số người làm việc tại Trung tâm theo quy định hiện hành.

c) Xây dựng Đề án vị trí việc làm của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; bố trí số người làm việc theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt; xây dựng quy chế hoạt động theo quy định. Hoàn thành trước ngày 15/7/2020.

d) Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt Phương án tự chủ của Trung tâm theo quy định, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính. Hoàn thành trước ngày 31/7/2020.

3. Các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1168/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 về việc thành lập Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Sơn, số 1159/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 về việc thành lập Trung tâm Y tế dự phòng huyện Hương Sơn và số 1563/QĐ-UBND ngày 06/6/2008 về việc thành lập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Hương Sơn.

2. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Hương Sơn; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Huyện ủy Hương Sơn;
- Các Phó Văn phòng;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu: VT, VX₁, NC₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Tiến Hưng

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ Y TẾ

Số: 179.../HT-GPHD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y,

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN**

Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: **LÊ NHẬT THÀNH**

Số CCHN: 0002994/HT-CCHN Ngày cấp: 07/10/2015

Nơi cấp: Sở Y Tế Hà Tĩnh

Hình thức tổ chức: Bệnh viện đa khoa

Mã cơ sở khám chữa bệnh: **42003**

Địa điểm hành nghề: thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Giám đốc
Sở Y tế phê duyệt ban hành kèm theo giấy phép hoạt động.

Thời gian làm việc hằng ngày: 24/24 giờ, 7 ngày/tuần./.

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 8 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tuấn



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN HƯƠNG SƠN

Quyết định thành lập số: 1168/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của UBND tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ trụ sở chính: Khối 5, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

BM 856504

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



4 218 133 138 565 04

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 241, tờ bản đồ số: 2
 b) Địa chỉ: Thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
 c) Diện tích: 16793,9m² (bằng chữ: Mười sáu nghìn bảy trăm chín mươi ba phẩy chín mét vuông)
 d) Hình thức sử dụng: riêng: 16793,9 m²; chung: không m²
 đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở y tế (Xây dựng bệnh viện)
 e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài
 g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.



Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 7... năm 2013
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

KT. CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

Số vào sổ cấp GCN: CT 034.23/ 2197.1.02... UBND.....

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số: 631 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 99/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề về việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế: số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021 về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; số 37/2021/TT-BYT ngày 21/12/2021 về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới;

Thực hiện Kết luận số 98-KL/TU ngày 26/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp y tế công lập;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn tại Văn bản số 183/TTr-UBND ngày 18/12/2023 và Sở Nội vụ tại Văn bản số 207/SNV-XDCQ&TCBC ngày 31/01/2024; trên cơ sở biểu quyết thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh (lấy Phiếu qua Hệ thống TD).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn trên cơ sở sáp nhập Bệnh viện Đa khoa khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo vào Trung tâm Y tế

huyện Hương Sơn (sau đây gọi tắt là Trung tâm).

1. Vị trí pháp lý: Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Y tế, của các đơn vị y tế tuyến tỉnh, Trung ương theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở làm việc của Trung tâm

a) Cơ sở 1: thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (*Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn trước khi tổ chức lại*);

b) Cơ sở 2: thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (*Bệnh viện Đa khoa khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo trước khi tổ chức lại*).

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Về quy mô giường bệnh: Ủy ban nhân dân tỉnh tạm giao số giường bệnh kế hoạch của Trung tâm bằng số giường bệnh kế hoạch của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn và Bệnh viện Đa khoa khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo tại thời điểm tổ chức lại là 200 giường bệnh.

2. Về hoạt động của các đơn vị được tổ chức lại: trong thời gian tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận, các đơn vị thuộc diện tổ chức lại tiếp tục hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, cơ chế tài chính đã được giao và kết thúc hoạt động khi hoàn thành việc bàn giao, tiếp nhận.

3. Các trường hợp đang là viên chức lãnh đạo, quản lý các đơn vị được tổ chức lại, sau khi sắp xếp tổ chức thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bổ nhiệm vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ, được bảo lưu phụ cấp chức vụ cũ theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 140/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các chức danh lãnh đạo trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

4. Về bàn giao tài sản, tài chính: sau khi Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn được tổ chức lại, Bệnh viện Đa khoa khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo có trách nhiệm hoàn thành việc khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, xác định nợ chưa thanh toán, lập báo cáo tài chính gửi cơ quan có thẩm quyền; bàn giao tài sản, tài chính cho Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn:

a) Chỉ đạo thực hiện các nội dung liên quan đến việc sáp nhập Bệnh viện Đa khoa khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo vào Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

b) Chỉ đạo các cơ quan liên quan thuộc huyện hướng dẫn các đơn vị được tổ chức lại (*Bệnh viện Đa khoa khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn*) thực hiện bàn giao, tiếp nhận, quản lý tài chính, tài sản,

cơ sở vật chất, theo quy định hiện hành.

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn theo đúng quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ, Sở Y tế. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện quy trình bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm, bổ nhiệm lãnh đạo các khoa, phòng, trạm y tế theo quy định pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh; sắp xếp, bố trí và thực hiện các chế độ, chính sách đối với số người làm việc tại Trung tâm theo quy định hiện hành.

d) Xây dựng Đề án vị trí việc làm của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; bố trí số người làm việc theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt; xây dựng quy chế hoạt động theo quy định.

đ) Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt Phương án tự chủ của Trung tâm theo quy định, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính.

e) Thời gian hoàn thành việc tổ chức lại Trung tâm và đi vào hoạt động trước ngày 01/4/2024.

2. Các Sở: Y tế, Nội vụ, Tài chính và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các nội dung liên quan đến vị trí pháp lý, trụ sở làm việc, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy mô giường bệnh, xếp hạng, số lượng người làm việc tại Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTr Tỉnh ủy; TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, VX, NC₂. *gds*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Châu

Số: 640 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định: số 55/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp Nhà nước, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 880/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 631/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn;

Thực hiện Kết luận số 127-KL/TU ngày 02/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị ngày 02/02/2024;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn tại Văn bản số 183/TTr-UBND ngày 18/12/2023 và Sở Nội vụ tại Văn bản số 207/SNV-XDCQ&TCBC ngày 31/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (sau đây gọi tắt là Trung tâm), cụ thể:

1. Lãnh đạo: Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm, có trách nhiệm quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

b) Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc quản lý, điều hành một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành hoạt động của Trung tâm.

2. Các tổ chức trực thuộc:

2.1. Các phòng chức năng: 05 phòng

- Phòng Tổ chức - Hành chính;
- Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ (*bao gồm cả lĩnh vực quản lý chất lượng, công tác xã hội*);

- Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe;

- Phòng Điều dưỡng;

- Phòng Tài chính - Kế toán.

2.2. Các khoa chuyên môn: 19 khoa

a) Cơ sở 1: 14 khoa chuyên môn:

- Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS;
- Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm;
- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản;
- Khoa Khám bệnh;
- Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc;
- Khoa Nội;
- Khoa Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức;
- Khoa Nhi;
- Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng;
- Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng;
- Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh;
- Khoa Truyền nhiễm;
- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;
- Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế;

b) Cơ sở 2: 05 Khoa chuyên môn:

- Khoa Khám bệnh - Cấp cứu;
- Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm;
- Khoa Ngoại - Phụ Sản;
- Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng;
- Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Dược.

2.3. Các Trạm Y tế xã, thị trấn trực thuộc: 25 Trạm.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa, Trạm trưởng, Phó Trạm trưởng thuộc Trung tâm thực hiện theo quy định pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các viên chức làm việc tại Trung tâm được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

5. Số người làm việc của Trung tâm thực hiện theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nằm trong tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn được cấp có thẩm quyền giao hàng năm.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Trước mắt, tạm xếp hạng II cho Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (*theo hạng của Trung tâm huyện Hương Sơn đang được tạm xếp*). Sau khi Trung tâm đi vào hoạt động, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn có trách nhiệm xây dựng phương án và thực hiện phân loại, xếp hạng cho Trung tâm đảm bảo đúng quy định.

2. Trong giai đoạn tổ chức lại, Trung tâm có thể có nhiều hơn 03 Phó Giám đốc. Tuy vậy, trong thời hạn tối đa 03 năm kể từ ngày thực hiện tổ chức lại, Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn và Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn có trách nhiệm sắp xếp, bố trí để giảm số lượng cấp phó, bảo đảm phù hợp theo quy định; chỉ được bổ sung khi số lượng cấp phó thấp hơn quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Y tế, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, VX, NC₂.

brds

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Châu

Số: 1451/QĐ-UBND

Hương Sơn, ngày 10 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế: số 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số - kế hoạch hóa gia đình ở địa phương; số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn; số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hà Tĩnh: số 55/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp Nhà nước, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; số 631/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn trên cơ sở sáp nhập Bệnh viện Đa khoa Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo vào Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn;

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc quy định cơ cấu tổ chức Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ sau khi có ý kiến góp ý của Sở Nội vụ tại văn bản số 633/SNV-XDCQ&TCBC ngày 03/4/2024 và Sở Y tế tại văn bản số 790/SYT-TCCB-NVY-KHTC ngày 29/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và bãi bỏ Quyết định số 4022/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Nội vụ, Y tế, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Với nhận:

Như Điều 2;
UBND tỉnh Hà Tĩnh;
Sở Y tế, Sở Nội vụ Hà Tĩnh
TT. Huyện uỷ, TT. HĐND huyện;
Chủ tịch, các Phó CT UBND huyện;
UBND các xã, thị trấn;
Lưu: VT, NV.

CHỦ TỊCH



Trần Bình Thân

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1451/QĐ-UBND ngày 10/4/2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện)*

I. CHỨC NĂNG

Cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, an toàn thực phẩm, dân số và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

1. Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng:

a) Triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS: giám sát, sàng lọc phát hiện sớm, tiêm chủng phòng bệnh, điều trị dự phòng, triển khai các biện pháp chống dịch và khắc phục hậu quả của dịch bệnh; phòng, chống yếu tố nguy cơ phát sinh, lây lan dịch, bệnh;

b) Triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm: kiểm soát và phòng, chống các yếu tố nguy cơ, giám sát, sàng lọc phát hiện, quản lý và triển khai các biện pháp phòng, chống bệnh không lây nhiễm;

c) Thực hiện các hoạt động dinh dưỡng cộng đồng, vệ sinh môi trường, y tế trường học, sức khỏe lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế và phòng, chống các yếu tố nguy cơ có hại cho sức khỏe theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện khám, phân loại sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng:

a) Thực hiện sơ cứu, cấp cứu.

b) Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hoạt động chuyên môn được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi, điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng;

c) Thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, phẫu thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức, quản lý điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, điều trị nghiện chất khác và điều trị HIV/AIDS theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện khám giám định y khoa theo quy định của pháp luật; tham gia khám giám định pháp y khi được trưng cầu;

3. Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ về chuyên môn, kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe sinh sản:

a) Triển khai thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em; chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên và thanh niên; sức khỏe sinh sản nam giới và người cao tuổi;

b) Thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật chuyên ngành phụ sản và biện pháp tránh thai theo quy định;

c) Phòng, chống nhiễm khuẩn, ung thư đường sinh sản và các bệnh lây truyền từ cha mẹ sang con.

4. Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về an toàn thực phẩm:

a) Triển khai thực hiện các hoạt động phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn; điều tra, giám sát, xử lý các vụ ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm;

b) Hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trên địa bàn trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;

c) Tham gia thẩm định điều kiện của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp.

5. Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về dân số:

a) Triển khai thực hiện các hoạt động tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tư vấn, tầm soát, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh; dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;

b) Tổ chức thực hiện và phối hợp liên ngành trong triển khai thực hiện các hoạt động về công tác dân số nhằm điều chỉnh mức sinh, kiểm soát quy mô dân số, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các hoạt động dịch vụ y tế trong phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa và đáp ứng tình trạng khẩn cấp về y tế.

8. Tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động tư vấn, giáo dục, truyền thông, vận động nhân dân tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, công tác dân số và phát triển trên địa bàn.

9. Quản lý, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Thực hiện lập hồ sơ quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn;
- b) Trực tiếp quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, thị trấn và các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh (nếu có);
- c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hỗ trợ về chuyên môn kỹ thuật đối với các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, công nông trường, xí nghiệp trên địa bàn và đội ngũ nhân viên y tế thôn, tổ dân phố, cộng tác viên dân số.

10. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;
- b) Tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên y tế thôn, tổ dân phố, cộng tác viên dân số và các đối tượng khác theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương.

11. Thực hiện việc tiếp nhận, cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, phương tiện tránh thai, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương và quy định của pháp luật.

12. Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế, dân số theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương; thực hiện kết hợp quân - dân y theo đặc điểm, tình hình thực tế và theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế huyện và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện theo quy định của pháp luật.

14. Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; ứng dụng phát triển khoa học kỹ thuật trong hoạt động chuyên môn.

15. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo; xây dựng, tổng hợp, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về y tế, dân số theo quy định của pháp luật.

16. Thực hiện quản lý nhân lực, tài chính, tài sản theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

17. Hợp tác quốc tế về các lĩnh vực y tế theo quy định của Nhà nước.

18. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do UBND huyện giao.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giao Giám đốc Trung tâm Y tế huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung sau:

1. Xây dựng, ban hành quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ và các quy chế nội bộ khác của Trung tâm phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các phòng chức năng, khoa chuyên môn; quy định trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị, phòng, khoa;

3. Rà soát, xây dựng Đề án vị trí việc làm đảm bảo đúng quy định; xây dựng phương án tự chủ của đơn vị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; phân công, bố trí, sắp xếp hợp lý đội ngũ viên chức đúng cơ cấu, đảm bảo tiêu chuẩn ngạch và khung năng lực theo từng vị trí việc làm để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

4. Quản lý hiệu quả nguồn tài chính của đơn vị theo quy định của pháp luật; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao./.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chỉ tiêu giường bệnh
một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Khám chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 201/QĐ-TTg ngày 27/02/2024 về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới y tế cơ sở thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Văn bản số 3422/UBND-VX1 ngày 05/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy trình, hồ sơ, thủ tục lập, trình, thẩm định, phê duyệt việc giao, tăng chỉ tiêu giường bệnh cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Văn bản số 3682/SYT-KHTC ngày 05/12/2024 và Văn bản số 1344/SYT-KHTC ngày 28/4/2025 (sau khi có ý kiến, thống nhất của Bảo hiểm xã hội tỉnh tại Văn bản số 691/BHXXH-GĐBHYT ngày 24/4/2025 và ý kiến của các sở, ngành liên quan kèm theo hồ sơ trình của Sở Y tế);

Thực hiện Thông báo số 223/TB-UBND ngày 09/5/2025 về kết luận họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 09/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chỉ tiêu giường bệnh cho các cơ sở y tế như sau:

1. Bệnh viện Y học cổ truyền: Số giường bệnh là 220 (điều chỉnh từ 160 giường bệnh lên 220 giường bệnh).

2. Bệnh viện Phục hồi chức năng: Số giường bệnh là 200 (điều chỉnh từ 150 giường bệnh lên 200 giường bệnh).

3. Bệnh viện Đa khoa thị xã Kỳ Anh: Số giường bệnh là 300 (điều chỉnh từ 250 giường bệnh lên 300 giường bệnh).

4. Bệnh viện đa khoa Lộc Hà: Số giường bệnh là 200 (điều chỉnh từ 140 giường bệnh lên 200 giường bệnh).

5. Trung tâm Y tế huyện Thạch Hà: Số giường bệnh là 200 (điều chỉnh từ 150 giường bệnh lên 200 giường bệnh).

6. Trung tâm Y tế huyện Nghi Xuân: Số giường bệnh là 160 (điều chỉnh từ 120 giường bệnh lên 160 giường bệnh).

7. Trung tâm Y tế huyện Kỳ Anh: Số giường bệnh là 75 giường bệnh.

8. Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn: Số giường bệnh là 270 (điều chỉnh từ 130 giường bệnh lên 200 giường bệnh tại cơ sở 1 tại thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn; giữ nguyên 70 giường bệnh tại cơ sở 2 tại thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn).

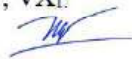
Điều 2. Giao: Bệnh viện Đa khoa thị xã Kỳ Anh, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà, Trung tâm Y tế các huyện: Thạch Hà, Nghi Xuân, Hương Sơn, Kỳ Anh căn cứ số giường bệnh được giao, khẩn trương xây dựng đề án vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoàn thiện các quy định về môi trường và các quy định có liên quan để trình Sở Y tế thẩm định cấp phép hoạt động theo quy định; xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở vật chất, nhân lực, phát triển chuyên môn kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo và nâng cao mức độ tự chủ tài chính tại đơn vị theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Nội vụ, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Thạch Hà, Nghi Xuân, Hương Sơn, Kỳ Anh; Giám đốc các Bệnh viện: Phục hồi chức năng, Y học cổ truyền, Đa khoa thị xã Kỳ Anh, Đa khoa Lộc Hà; Giám đốc Trung tâm Y tế các huyện: Thạch Hà, Nghi Xuân, Hương Sơn, Kỳ Anh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP Trần Tuấn Nghĩa;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, VX.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Tất Thắng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Số: 3836 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn thuộc Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải
Bệnh viện tại thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn thuộc Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện tại thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn” họp ngày 07/12/2016 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn thuộc Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện tại thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 2945/SYT-KHTC ngày 20/12/2016 của Sở Y tế (Chủ dự án);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3684/TTr-TNMT ngày 23/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án “Bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn thuộc Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện tại thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn” được lập bởi Sở Y tế (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô đầu tư của Dự án:

1.1. Quy mô bệnh viện: 130 giường bệnh.

1.2. Phạm vi thu gom: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải Y tế nguy hại tại các Bệnh viện trong Cụm (gồm: Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Sơn, Bệnh

Người ký:
Trung tâm Công
báo - Tin học
Email:
ttcongbaotinhoc
@hatinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh
Hà Tĩnh
Thời gian ký:
29.12.2016
15:58:59 +07:00

viện Đa khoa huyện Hương Khê, Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Quang, Bệnh viện Đa khoa KV Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, Trung tâm Y tế dự phòng huyện Hương Sơn, Trung tâm Y tế dự phòng huyện Vũ Quang, Trung tâm Y tế dự phòng huyện Hương Khê và 84 Trạm Y tế).

1.3. Công suất: Đầu tư xây dựng lắp đặt hệ thống khử khuẩn kết hợp nghiền cắt rác thải y tế tại Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Sơn với công suất: 195 kg/ngày.

1.4. Hệ thống xử lý nước thải với công suất: 150 m³/ngày.đêm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án phải tuân thủ đúng các phương án thiết kế và quy hoạch đã được phê duyệt; xây lắp đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường, áp dụng các giải pháp đã nêu trong Báo cáo ĐTM và tổ chức thi công phù hợp để giảm xuống mức thấp nhất ô nhiễm môi trường không khí, nước mặt, nước dưới đất, môi trường đất khu vực thực hiện dự án.

2.2. Tuân thủ các quy chuẩn về tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, nước thải đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia hiện hành;

- Thiết kế, xây dựng và vận hành thường xuyên hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của bệnh viện đảm bảo nước thải sau xử lý phải đạt QCVN 28:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B, K = 1,2) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận. Định kỳ thực hiện bảo trì hệ thống xử lý nước thải tập trung nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Tăng cường trồng cây xanh tại các khu đất trống thích hợp trong khu vực dự án nhằm tạo cảnh quan môi trường, giảm khả năng lan truyền mùi, khí thải và áp dụng các biện pháp xử lý mùi phát sinh trong quá trình hoạt động như đã nêu trong Báo cáo ĐTM để hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng đến môi trường không khí, đảm bảo môi trường không- khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

2.3. Thu gom, phân loại, vận chuyển, lưu giữ và xử lý toàn bộ chất thải rắn, chất thải y tế, chất thải nguy hại theo phương án đã lập trong Báo cáo ĐTM và bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về quy định quản lý chất thải nguy hại và Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải Y tế.

2.4. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về quản lý an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; lập phương án cụ thể, chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro, sự cố môi trường, sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải,

hệ thống hấp khử khuẩn chất thải Y tế nguy hại trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.

2.5. Thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo ĐTM; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để theo dõi kiểm tra và định kỳ báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường (6 tháng/lần) theo đúng quy định.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Trước khi triển khai dự án phải lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án tại trụ sở UBND thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án; lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

4. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

5. Trong quá trình thực hiện dự án, trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

6. Trong quá trình thực hiện trường hợp Dự án có những thay đổi so với các Khoản 1 và Khoản 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường; là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND huyện Hương Khê, các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Quyết định này. Trường hợp Chủ dự án vi phạm một trong các yêu cầu nêu trên thì kịp thời tham mưu UBND tỉnh đình chỉ

việc thực hiện dự án, buộc Chủ dự án bồi hoàn các chi phí, thiệt hại liên quan do vi phạm gây ra theo đúng quy định của pháp luật;

Xem xét, hủy bỏ Quyết định số 57/QĐ-TNMT ngày 22/4/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường của Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Sơn.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Hương Sơn; Chủ tịch UBND thị trấn Phố Châu; Giám đốc Sở Y tế (Chủ dự án) và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm công báo - tin học tỉnh;
- Lưu VT, NL₂;
- Gửi:

- + VB giấy: TP không nhận VB ĐT.
- + Điện tử: Các thành phần khác

Wenang

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Số: 2684 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04
Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 25/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định, điều chỉnh, bãi bỏ chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh” họp ngày 13/12/2022, Thông báo kết quả thẩm định số 4826/STNMT-MT ngày 22/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh”, đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 674/ĐCN-PTDV ngày 23/12/2022 của Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh; đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4881/TTr-STNMT ngày 26/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh” (sau đây gọi tắt là báo cáo ĐTM Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân



dụng và công nghiệp tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Đức Thọ, Can Lộc, Hương Sơn, Lộc Hà; Chủ tịch UBND các thị trấn: Đức Thọ, Nghèn, Phố Châu, Lộc Hà; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh (Chủ dự án) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP/UB (phụ trách);
- Trung tâm CB - TH tỉnh;
- Lưu VT, NL. *[Signature]*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Lĩnh

PHỤ LỤC

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh
viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh”**

(Kèm theo Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh”.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ; thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc; thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn; thị trấn Lộc Hà, huyện Lộc Hà.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi dự án:

Dự án được thực hiện tại 04 Bệnh viện, Trung tâm y tế, bao gồm: Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ; Trung tâm Y tế huyện Can Lộc; Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn; Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà.

- Quy mô, công suất dự án:

+ Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ: Xây dựng mới nhà 04 tầng, với diện tích xây dựng dự kiến khoảng 1.200 m²; hành lang cầu nối các khoa và các hạng mục phụ trợ; là Bệnh viện hạng II, với quy mô 170 giường bệnh kế hoạch, thực kê 268 giường;

+ Trung tâm Y tế huyện Can Lộc: Xây dựng mới nhà khám và điều trị 5 tầng, với diện tích xây dựng dự kiến khoảng 1.200m²; mua sắm bổ sung thiết bị khám, chữa bệnh; là cơ sở y tế hạng II với quy mô 150 giường bệnh kế hoạch và 350 giường bệnh thực kê;

+ Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn: Xây mới khu nhà hành chính quản trị kết hợp khám chữa bệnh 5 tầng với diện tích xây dựng dự kiến khoảng 1.100 m² và các hạng mục phụ trợ; mua sắm bổ sung thiết bị khám, chữa bệnh; là cơ sở y tế hạng II với quy mô 130 giường bệnh kế hoạch và 320 giường bệnh thực kê;

+ Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà: Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Nhà 1 (Khoa hồi sức cấp cứu - khoa Nội, khoa Đông y) và Nhà 2 (Khoa chuẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm, khoa Ngoại - Gây mê hồi sức); là Bệnh viện hạng II với quy mô 140 giường bệnh kế hoạch, 270 giường bệnh thực kê.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

Trong dự án này chỉ thực hiện xây mới và cải tạo một số công trình chính cụ thể như:

➤ Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ:

- Xây mới khối nhà 4 tầng (khoa ngoại, sản, nhi, đông y - phục hồi chức

năng) diện tích 1.200 m².

- Hành lang cầu nối các khoa khoảng 133m²;
- Các hạng mục công trình phụ trợ như: hệ thống sân vườn, mương thoát nước xung quanh công trình.

➤ Trung tâm Y tế huyện Can Lộc:

- Xây mới nhà điều trị khám bệnh 5 tầng với diện tích 1.200 m².
- Mua sắm, bổ sung trang thiết bị: Hệ thống chụp CT SCANNER < 32 lát cắt/vòng quay, máy chụp phim XQ KTS DR, máy siêu âm chuyên tim mạch.

➤ Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn:

- Xây mới nhà hành chính quản trị và khám chữa bệnh 5 tầng diện tích 1.100 m².

- Các hạng mục công trình phụ trợ: Sân lát gạch với diện tích khoảng 2.000 m², xây mới nhà xe với tổng diện tích khoảng 1.050 m².

- Mua sắm, bổ sung trang thiết bị: Hệ thống chụp CT SCANNER < 32 lát cắt/vòng quay, hệ thống Phẫu thuật nội soi ổ bụng, máy X-Quang răng toàn cảnh, hệ thống nội soi tiêu hóa, máy chụp đáy mắt, máy siêu âm tổng quát 5D.

➤ Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà:

- Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Nhà 1 (Khoa hồi sức cấp cứu - Nhi; khoa Nội, khoa Đông y) và Nhà 2 (Khoa chuẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm; khoa Ngoại - Gây mê hồi sức).

- Cải tạo, thay mới hệ thống cửa đi, cửa sổ; Cải tạo ốp, lát, sơn tường, trần, sàn; Thay mới trần thạch cao; Thay mới hệ thống điện; Chống thấm sêno; Cải tạo khu vệ sinh; Cải tạo phòng XQ.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

- Trung tâm y tế huyện Can Lộc được nâng cấp, mở rộng phải thực hiện thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng 5.327,41 m² đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên của 67 hộ dân TDP 1, TDP 2 và UBND thị trấn Nghèn.

- Nguồn tiếp nhận nước thải trong quá trình thi công và đi vào hoạt động của dự án, có liên quan đến nguồn cấp nước sinh hoạt (theo Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035), cụ thể: Đối với Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn, nguồn tiếp nhận nước thải là sông Ngàn Phố; đối với Trung tâm Y tế huyện Can Lộc, nguồn tiếp nhận nước thải là mương tiêu thoát nước của thị trấn Nghèn, sau đó chảy qua đường Quốc lộ 1A theo hệ thống kênh mương tự nhiên chảy đến hới Cầu Lầy tại địa phận khối 4, thị trấn Nghèn rồi đổ ra sông Nghèn; đối với Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ, nguồn tiếp nhận nước thải là hới Cầu Đồi 2, sau đó chảy về kênh 19/5 tại xã Bùi La Nhân qua các xã (Lâm Trung Thủy, Thanh Bình Thịnh, Kim Song Trường) chảy về sông Nghèn tại xã Thuận Lộc.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Hoạt động san gạt mặt bằng, phá dỡ công trình cũ, hoạt động vận chuyển các nguyên vật liệu và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

Hoạt động làm việc và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, bệnh nhân tại 4 Bệnh viện, Trung tâm Y tế.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng dự án:

3.1.1. Nguồn phát sinh quy mô, tính chất nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; thành phần chứa nhiều chất cặn bã, chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và các vi sinh vật;
- Nước thải thi công xây dựng (vệ sinh dụng cụ, thiết bị..., nước xịt rửa xe); thành phần chứa nhiều bùn, đất, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ...;
- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực công trình cuốn theo các loại đất, cát, dầu mỡ rơi vãi, vật liệu xây dựng như xi măng, vôi vữa...

Lưu lượng nước thải phát sinh dự kiến tại mỗi công trình là:

STT	Công trình	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
	Nước thải (m^3 /ngày đêm)				
1	Nước thải sinh hoạt	1,5	1,5	1,5	1
2	Nước thải xây dựng	4	4	4	4
-	Nước thải vệ sinh dụng cụ, thiết bị	1	1	1	1
-	Nước xịt rửa xe	3	3	3	3
3	Nước mưa chảy tràn	114,4	321,84	305,12	330,88

3.1.2. Nguồn phát sinh quy mô, tính chất bụi, khí thải:

- Bụi do hoạt động phá dỡ công trình cũ, đào đắp, vận chuyển nguyên vật liệu và thi công công trình;

- Khí thải từ các loại máy móc, thiết bị hoạt động trên khu vực dự án và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng; thành phần chủ yếu là các chất ô nhiễm như: CO, NO_x, SO₂, muội khói,...

3.1.3. Nguồn phát sinh quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; thành phần gồm các chất hữu cơ, túi nilon, thức ăn dư thừa, bao bì, vỏ chai thủy tinh, giấy,...

- Chất thải rắn xây dựng, bao gồm: chất thải từ quá trình giải phóng mặt bằng (sinh khối thực vật, chất thải từ hầm cầu, đất đào bóc hữu cơ, đào nền, đào hố móng, CTR do phá dỡ các công trình); chất thải từ quá trình thi công xây dựng (khối lượng vỏ bao bì xi măng, bìa carton, sắt thép vụn, ván cốp pha, cọc chống hông, bê tông, vôi vữa hông,...).

Khối lượng phát sinh dự kiến tại mỗi công trình là:

STT	Công trình	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
	Chất thải rắn				
1	Chất thải rắn sinh hoạt (kg/ngày)	15	15	15	10

STT	Công trình Chất thải rắn	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
2	Chất thải rắn xây dựng (m^3)				
-	Sinh khối thực vật	0,12	0,14	0,2	-
-	Chất thải từ hầm cầu	10	10	-	-
-	Khối lượng đất bóc tầng mặt	-	1.331,8	-	-
-	CTR do phá dỡ các công trình	214,9	137	146,28	37,43
-	Đất đào nền, đào hồ móng	848,2	2.988,88	653,4	-
-	Vỏ bao bì xi măng, bao bì, bìa carton, sắt thép vụn, ván cốp pha, cọc chống hông, bê tông hông và các thiết bị hông hóc	22,7	31,3	25,35	10,75

3.1.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Dầu lau dính dầu mỡ, hộp đựng xăng dầu nhớt, pin, ắc quy hỏng, bóng đèn huỳnh quang... ; ước tính khoảng 02 kg/tháng/công trình.

3.1.5. Tiếng ồn, độ rung, ô nhiễm khác và sự cố môi trường:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng và từ thiết bị, phương tiện, máy móc thi công trên công trường.

- Sự cố cháy nổ, sét đánh, điện giật, sự cố bom mìn (khu vực TTYT huyện Can Lộc), sự cố tai nạn lao động, sự cố tai nạn giao thông và sự cố mưa, bão, ngập lụt.

3.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

3.2.1. Nguồn phát sinh quy mô, tính chất của nước thải, nước mưa chảy tràn:

- Nước thải y tế của 4 Bệnh viện, Trung tâm y tế chủ yếu từ khu vực điều trị nội trú; khu vực phòng khám, phòng xét nghiệm, phòng mổ và khu vực văn phòng, bao gồm các loại sau:

+ Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, nước thải từ hoạt động chăm sóc bệnh nhân, bao gồm: nước thải giặt tẩy quần áo bệnh nhân, chăn mền giường bệnh, lau chùi sàn nhà, nước thải từ nhà bếp;

+ Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật, v.v...

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân bãi, mái nhà trong khuôn viên bệnh viện, trung tâm y tế.

Lượng nước mưa chảy tràn, nước thải y tế phát sinh tại mỗi công trình, như sau:

STT	Công trình Nước thải (m^3 /ngày)	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
1	Nước thải y tế	94,37	116,42	108,75	93,36
2	Nước mưa chảy tràn	114,4	321,84	305,12	330,88

3.2.2. Nguồn phát sinh quy mô, tính chất của bụi, mùi hôi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát tán vào môi trường từ các phương tiện như ô tô, xe

máy của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân ra vào khám, chữa bệnh.

- Khí thải phát sinh từ các dung môi hữu cơ bay hơi, từ hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện.

- Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

3.2.3. Nguồn phát sinh quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của các cơ sở y tế, chủ yếu là CTR sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt hằng ngày, khối lượng ước tính như sau:

Công trình Chất thải rắn	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
Chất thải rắn sinh hoạt (kg/ngày)	273,36	357	326,4	275,4

3.2.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn y tế nguy hại:

Chất thải y tế nguy hại bao gồm:

- Chất thải lây nhiễm: Chất thải lây nhiễm sắc nhọn, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn, chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải giải phẫu.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: hoá chất thải bỏ có thành phần nguy hại, dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất, thiết bị y tế vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ chứa thủy ngân và các kim loại nặng, dung dịch rửa phim X-quang, nước thải thiết bị phân tích xét nghiệm và các dung dịch thải bỏ có yếu tố nguy hại, chất thải nguy hại khác theo quy định (Pin, ắc quy thải bỏ,...).

Khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh tại 4 Bệnh viện, Trung tâm y tế, ước tính như sau:

Công trình Chất thải rắn (kg/ngày)	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
Chất thải lây nhiễm	13,4	17,5	16,8	12,6
Chất thải nguy hại không lây nhiễm	40,2	52,5	47,2	41,4
Tổng cộng	53,6	70	64	54

Hiện nay, Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn đang xử lý chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bằng Hệ thống khử khuẩn bằng hơi nóng kết hợp nghiền cắt với công suất tối đa 35 kg/giờ với phạm vi xử lý cho các cơ sở y tế trên địa bàn huyện Hương Sơn và huyện Đức Thọ (theo Quyết định 1780/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch thu gom, vận chuyển, và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn Hà Tĩnh đến năm 2025). Như vậy với khối lượng phát sinh của Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ và Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn nói trên vẫn đáp ứng khả năng xử lý theo Cụm của Trung tâm y tế huyện Hương Sơn.

3.2.5. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải khác:

Bùn thải từ bể tự hoại và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh/ mỗi lần nạo vét, ước tính khối lượng như sau:

STT	Công trình Chất thải rắn (m ³)	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
1	Bùn thải từ bể tự hoại	131,38	170,32	179,36	167,71
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	108	108	108	72,2

3.2.6. Tiếng ồn, độ rung, ô nhiễm khác và sự cố môi trường:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ xe cứu thương, phương tiện của Bệnh viện, Trung tâm y tế ra vào Bệnh viện, Trung tâm Y tế; phát sinh từ chạy máy phát điện khi mất điện lưới; phát sinh từ chạy máy móc thiết bị phục vụ cho công trình phụ trợ (bơm nước vào đầu buổi sáng; quạt thông gió, thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải...).

- Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải.

- Sự cố cháy nổ, sét đánh, tai nạn giao thông và sự cố mưa, bão, ngập lụt.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng công trình:

4.1.1. Thu gom và xử lý nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải:

Công trình	Nguồn tiếp nhận nước thải
Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Nước thải sau khi được xử lý, dẫn thải ra ngoài hàng rào bệnh viện bằng đường ống HDPE đường kính 20cm, dài 6m và dẫn vào mương thoát nước bằng đất của khu vực rồi chảy ra Hới Cầu Đồi 2, sau đó chảy về kênh 19/5 tại xã Bùi La Nhân qua các xã (Lâm Trung Thủy, Thanh Bình Thịnh, Kim Song Trường) chảy về sông Nghèn tại xã Thuận Lộc.
Trung tâm y tế huyện Hương Sơn	Nước thải sau khi được xử lý, thoát ra hệ thống mương thoát nước chung của khu vực thông qua đường ống bê tông D200mm có chiều dài khoảng 50m nằm ở góc phía Đông Bắc khuôn viên Trung tâm. Sau đó từ mương thoát nước chung của khu vực đổ ra nguồn tiếp nhận là sông Ngân Phố.
Trung tâm y tế huyện Can Lộc	Nước thải sau khi được xử lý, chảy đến hố gas (hố gas bằng bê tông kiên cố) cuối hệ thống thoát nằm ở phía Nam khuôn viên Trung tâm, đầu nổi ra hệ thống mương tiêu thoát nước của thị trấn Nghèn, sau đó chảy qua đường Quốc lộ 1A theo hệ thống kênh mương tự nhiên chảy đến hới Cầu Lầy tại địa phận khối 4, thị trấn Nghèn rồi đổ ra sông Nghèn.
Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà	Nước thải sau khi được xử lý, chảy vào mương thoát nước chung của khu vực thông qua đường ống bê tông có chiều dài khoảng 60m nằm ở góc Đông Bắc của bệnh viện. Sau đó từ mương thoát nước chung của khu vực chảy vào Kênh Chợ Mới và chảy về sông Cửa Sốt.

- Công trình, biện pháp thu gom, xử lý đối với mỗi Bệnh viện, Trung tâm y tế:

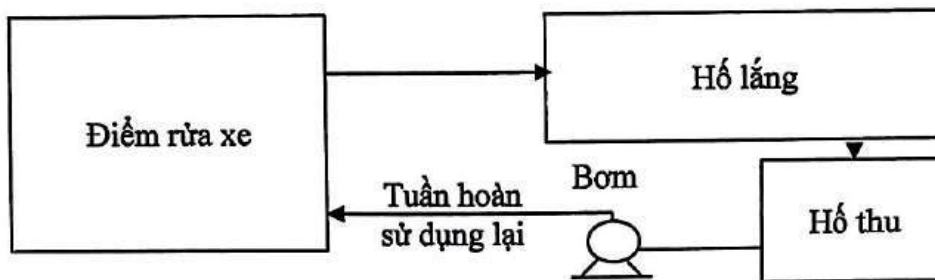
(1) Nước thải xây dựng:

+ Bãi tập kết nguyên vật liệu sẽ được che chắn để hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo cát, sỏi,... ra môi trường gây ảnh hưởng tới môi trường nước và môi trường đất.

+ Nước thải của quá trình thi công xây dựng bao gồm nước vệ sinh thiết

bị, dụng cụ, được thu gom vào bể gạn váng dầu mỡ kết hợp lắng cơ học, sau đó được tái sử dụng rửa xe hoặc làm ẩm khu vực khi công, không thải ra môi trường. Đối với khu vực trộn vữa, bê tông sẽ trải bạt chống thấm không để nước rỉ thấm vào lòng đất.

+ Nước xịt rửa bánh xe: được xử lý bằng phương pháp lắng cơ học, sau đó tuần hoàn sử dụng lại để xịt rửa xe, không thải ra môi trường. Hồ lắng và hồ thu là hồ đất có lót bạt chống thấm (Kích thước hồ lắng $B \times L \times H = 1,5m \times 1,0m \times 1,0m$, hồ thu $B \times L \times H = 2,0m \times 1,0m \times 1,0m$).



Sơ đồ thu gom nước rửa xe

(2) Nước thải sinh hoạt: Đối với công nhân làm việc trên công trường chỉ sử dụng nhà vệ sinh công cộng đã được xây dựng (nhà vệ sinh hiện có) của các Bệnh viện, Trung tâm Y tế thuộc dự án. Nước thải từ các quá trình vệ sinh, rửa,... được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện, Trung tâm y tế trước khi thải ra ngoài.

(3) Nước mưa chảy tràn:

Yêu cầu trong quá trình thi công, tổ chức thu dọn sạch sẽ khu vực xây dựng (đá, cát, vôi vữa, vật liệu xây dựng,...); tạo mương/ rãnh thu gom dẫn nước mưa theo hệ thống thoát nước mưa hiện trạng đã có của mỗi Bệnh viện/ Trung tâm Y tế.

4.1.2. Xử lý bụi, khí thải:

- Tùy tình hình thời tiết, tiến hành phun nước giữ độ ẩm tại khu vực thi công và các bãi chứa vật liệu đá, cát, đường vận chuyển ... để hạn chế tối đa bụi phát tán trong quá trình thi công (phun nước giảm bụi chia làm nhiều lần trong ngày, đặc biệt là những ngày nắng, hanh khô). Thiết bị phun: Máy bơm nước và vòi phun.

- Xung quanh khu vực thi công có hàng rào bằng tôn cao khoảng 1,5m; lắp dựng giàn giáo, lưới chắn bụi xung quanh, đồng thời bố trí lưới hứng vật rơi xung quanh khu vực thi công (khung lưới bằng thép ống, được căng bởi lưới thép B40, bố trí sàn gỗ ép sát lưới thép để hứng vật liệu rơi) để phòng chống phát tán bụi, vật rơi ra khu vực bệnh viện/ trung tâm y tế đang hoạt động và khu dân cư,... xung quanh.

- Các kho, bãi chứa vật liệu xây dựng được bố trí tại khu vực khô ráo, kín để hạn chế bụi phát tán vào không khí khi có gió;

- Các phương tiện thi công, vận chuyển phải kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đạt quy định, khi lưu thông trên đường vận chuyển được che bạt kín thùng xe, không chở hàng hóa quá tải trọng cho phép.

- Bố trí cán bộ giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của đơn vị thi công...;

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: được thu gom vào các thùng chứa, đưa về tập kết tại nhà chứa rác thải và vận chuyển đi xử lý cùng với chất thải thông thường phát sinh tại bệnh viện/trung tâm y tế thuộc dự án, trong đó:

Tại Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ: khu lưu giữ chất thải rắn có diện tích 45,2m² được bố trí tại hạng mục số 12 theo quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất;

Tại Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn: khu lưu giữ chất thải rắn với diện tích xây dựng 82,5m² tại hạng mục số 17 theo quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất;

Tại Trung tâm Y tế huyện Can Lộc: khu lưu giữ chất thải rắn có diện tích 40m², tại hạng mục số 25 theo quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất;

Tại Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà: khu lưu giữ chất thải rắn có diện tích 84m² tại hạng mục số 15 theo quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất.

Dự kiến hợp đồng với các đơn vị thu gom vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt, như sau:

TT	Tên công trình	Đơn vị thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt
1	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	HTX môi trường Đức Yên
2	Trung tâm y tế huyện Can Lộc	HTX môi trường thị trấn Nghèn
3	Trung tâm y tế huyện Hương Sơn	HTX quản lý đầu tư xây dựng và môi trường đô thị Hương Sơn
4	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà	HTX môi trường và dịch vụ nông nghiệp xã Thạch Châu

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Đối với khối lượng sinh khối (các thân cây trên khu vực dự án) có thể tận thu làm gỗ, củi bán cho các đối tượng có nhu cầu. Phần còn lại (cành lá, thực bì ..) hợp đồng với các đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

+ Khối lượng đất phát sinh từ đào móng và đất, đá, gạch phát sinh trong quá trình phá dỡ công trình cũ được tận dụng san nền, khối lượng dư thừa được vận chuyển đến các bãi đổ đã được địa phương thoả thuận (thị trấn Đức Thọ 01 bãi, thị trấn Nghèn 01 bãi, thị trấn Phố Châu 01 bãi). Riêng tại Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà sẽ vận chuyển đến vị trí dự kiến xây dựng khu điều trị trong khuôn viên bệnh viện với diện tích 906,8m² để tận dụng san nền. Chi tiết số liệu ở Bảng dưới đây:

STT	Công trình Chất thải rắn (m ³)	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
1	Khối lượng chất thải rắn phát sinh do quá trình phá dỡ	214,9	137	146,28	37,43

STT	Công trình Chất thải rắn (m ³)	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
2	Khối lượng đất đào	848,2	2.988,88	653,4	-
3	Khối lượng đất đắp tận dụng	345,51	2.685,4	359,37	-
4	Khối lượng đất đào dư thừa	502,7	303,48	294,03	-
5	Khối lượng đưa đi đổ (bao gồm khối lượng đất đào dư thừa, khối lượng phá dỡ công trình)	717,6	440,48	440,31	37,43

+ Đối với đất bóc tầng mặt từ diện tích đất trồng lúa 2 vụ tại phần mở rộng của Trung tâm y tế huyện Can Lộc là 1.331,8m³. Chủ dự án chịu trách nhiệm lập phương án lưu giữ, quản lý sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với vỏ bao xi măng, sắt thép vụn,... sẽ được thu gom về khu tập kết vật liệu xây dựng và định kỳ bán phế liệu.

+ Ván cốt pha, cọc chống sau khi hoàn thành công trình sẽ được các nhà thầu tận dụng lại cho các công trình khác; loại bị hư hỏng sẽ cho người dân tận dụng về làm chất đốt.

- Bùn cặn từ hồ lắng xít rửa xe và Bùn cặn, chất thải hầm cầu từ nhà vệ sinh bị phá dỡ (tại BVĐK huyện Đức Thọ, TTYT huyện Can Lộc) được thu gom và hợp đồng với Công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Tại từng công trường: Đối với dầu thải thu gom vào 01 thùng chứa có dung tích 20 lít/thùng và các loại dẻ lau, giấy có chứa dầu mỡ, các loại hộp nhựa, hộp sắt đựng xăng, dầu, dầu nhớt, mỡ chứa dầu mỡ... được thu gom vào 02 thùng chứa có dung tích 20 lít/thùng; các thùng chứa có nắp đậy kín, có dán nhãn phân loại chất thải nguy hại, đặt ở bên trong kho chứa vật liệu xây dựng trên công trường và Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung, ô nhiễm khác và sự cố môi trường: Thực hiện đầy đủ theo nội dung báo cáo ĐTM.

4.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải tại 4 Bệnh viện, Trung tâm y tế như nội dung ở mục 4.1.1.

- Công trình, biện pháp thu gom, xử lý đối với mỗi Bệnh viện, Trung tâm y tế:

(1) Nước thải từ quá trình đào thải của con người (phân, nước tiểu) phát sinh từ các khu nhà vệ sinh được thu gom về xử lý tại các bể tự hoại đặt ngầm dưới tòa nhà, ... Sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải được dẫn về hệ thống xử lý tập trung của Bệnh viện/Trung tâm y tế, cụ thể như sau:

- Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ: đã xây dựng 07 bể tự hoại mỗi bể có thể tích 8 m^3 , kích thước D x R x C: $3 \times 2,3 \times 1,2 \text{ (m)}$; xây thêm 03 bể tự hoại 3 ngăn có dung tích là $29,5 \text{ m}^3$, mỗi bể có kích thước D x R x C: $3 \times 2,7 \times 1,2 \text{ (m)}$ được thu gom bằng ống nhựa PVC có đường kính D110 với chiều dài 305m, dẫn tự chảy qua các hố ga về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Trung tâm y tế huyện Can Lộc: đã xây dựng có 8 bể tự hoại, mỗi bể có thể tích 12 m^3 , kích thước D x R x C: $3 \times 2 \times 2 \text{ (m)}$; xây thêm 02 bể tự hoại 3 ngăn với dung tích là 25 m^3 , mỗi bể có kích thước D x R x C: $3 \times 2,1 \times 2 \text{ (m)}$, được thu gom bằng ống nhựa PVC có đường kính D110 với chiều dài 270,5m, dẫn tự chảy qua các hố ga về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm.

- Trung tâm y tế huyện Hương Sơn: đã xây dựng 10 bể tự hoại, đặt dưới các hạng mục công trình. Mỗi bể có thể tích 12 m^3 , kích thước D x R x C: $2 \times 3 \times 2 \text{ (m)}$ được thu gom bằng các đường ống nhựa PVC có đường kính D114 với chiều dài 325m dẫn tự chảy qua các hố ga về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm; xây thêm 02 bể tự hoại 3 ngăn với dung tích là 25 m^3 , có kích thước D x R x C: $3 \times 2,1 \times 2 \text{ (m)}$.

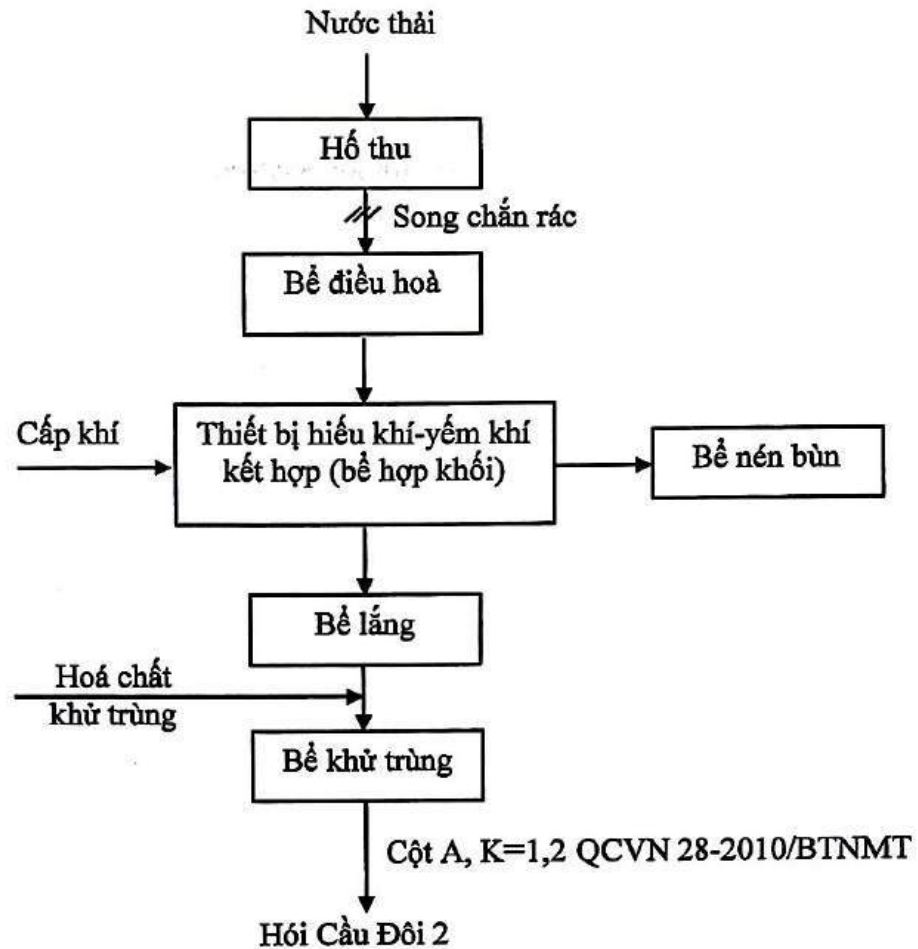
- Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà: đã xây dựng 09 bể tự hoại mỗi bể có thể tích 20 m^3 , có kích thước D x R x C được dẫn bằng ống nhựa PVC có đường kính D110 với chiều dài 266m dẫn tự chảy qua các hố ga về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

(2) *Đối với nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh (như nước thải giải phẫu, xét nghiệm, vệ sinh dụng cụ,...)*: được thu gom về hố thu gom rồi chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện/Trung tâm y tế (Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ được dẫn bằng ống nhựa PVC có đường kính D110 chiều dài 253m; Trung tâm y tế huyện Can Lộc được dẫn bằng đường ống nhựa PVC có đường kính D200 chiều dài 200m; Trung tâm y tế huyện Hương Sơn được dẫn bằng đường ống PVC D114 chiều dài 423m; Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà được dẫn bằng ống nhựa PVC có D110 chiều dài 310m). Nước thải trước khi vào hệ thống thu gom được chảy qua song chắn rác để loại bỏ toàn bộ rác thải kích thước lớn còn sót lại. Ngoài ra, dụng cụ y tế sau khi giải phẫu, xét nghiệm được ngâm vào dung dịch khử khuẩn để giảm thiểu một phần mức độ ô nhiễm.

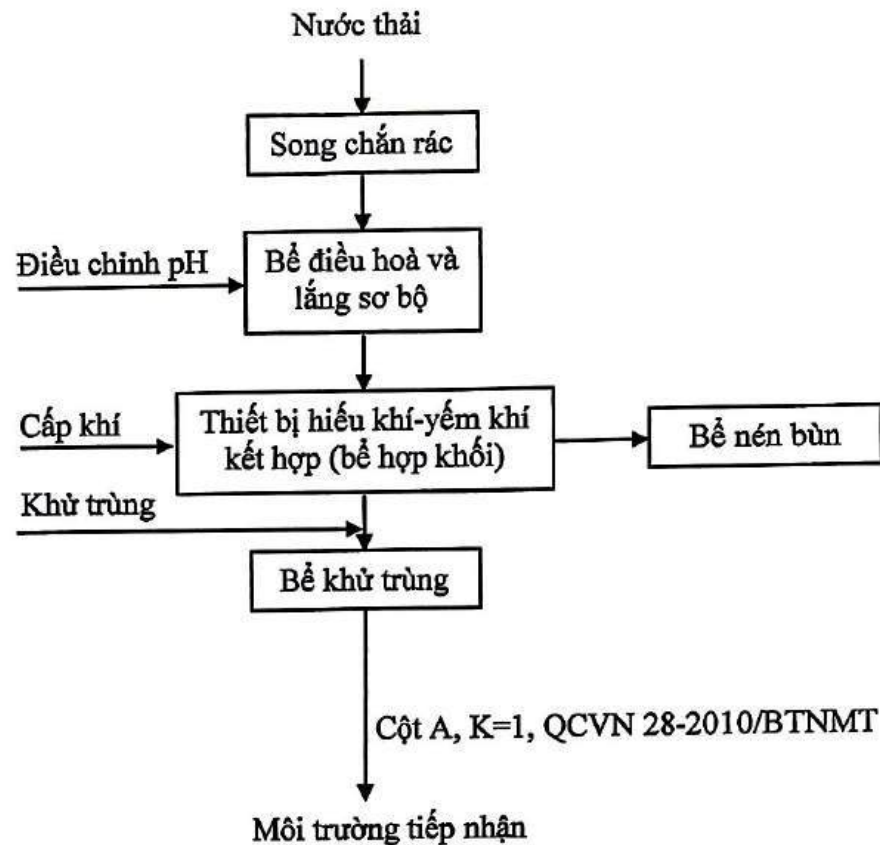
(3) *Đối với nước thải phát sinh từ quá trình đào thải của bệnh nhân đã sử dụng thuốc phóng xạ (phân, nước tiểu)*: được thu gom vào bể tự hoại dùng riêng cho khoa ung bướu. Cấu trúc thành và nắp bể tự hoại bằng vật liệu cản xạ. Sử dụng 02 bể luân phiên để đảm bảo đủ thời gian lâu hơn 10 chu kỳ bán hủy của chất phóng xạ, sau đó mới thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của Bệnh viện/Trung tâm y tế.

* Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện/ Trung tâm y tế được bố trí, công suất, quy trình công nghệ như sau:

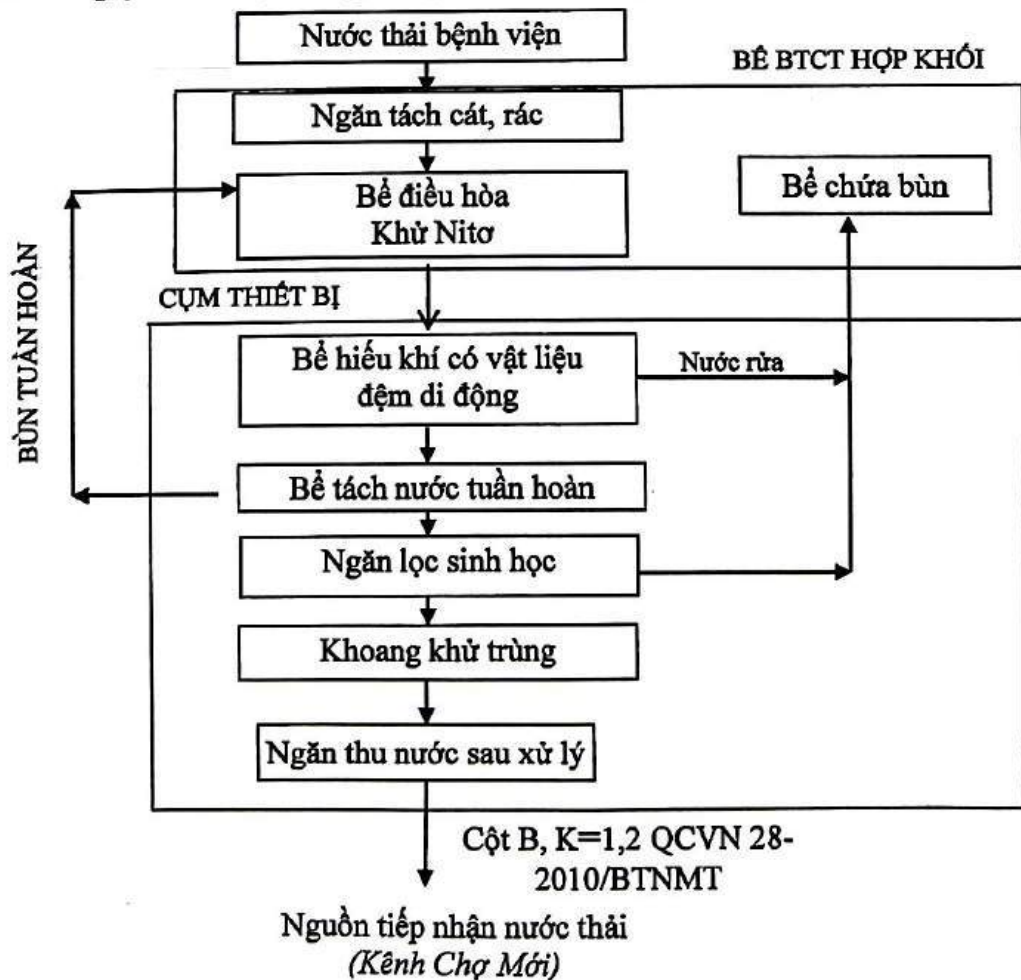
+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ: tại khu vực phía Tây Nam của Bệnh viện, có công suất xử lý $150 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm. Sơ đồ quy trình hệ thống xử lý nước thải tập trung, như sau:



+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm y tế huyện Can Lộc: tại góc phía Nam của Trung tâm y tế với quy mô công suất thiết kế là 150 m³/ngày đêm và Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm y tế huyện Hương Sơn: tại khu vực phía Đông Bắc của Trung tâm y tế với quy mô công suất thiết kế 150 m³/ngày đêm. Có sơ đồ quy trình hệ thống xử lý nước thải tập trung, như sau:



+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà: tại góc phía Đông của Bệnh viện với quy mô công suất thiết kế là $100 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm. Sơ đồ quy trình hệ thống xử lý nước thải tập trung, như sau:



4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý đối với nước mưa chảy tràn:

Nước mưa từ các mái nhà, sân, hè, đường, khuôn viên của Bệnh viện/ Trung tâm y tế được thu gom về hệ thống rãnh thu (có các song chắn rác là các lưới thép để ngăn rác thải và các chất thải rắn có kích thước lớn) và qua các hố ga để lắng đọng đất, cát, đá... trước khi đưa ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Hệ thống rãnh thu thoát nước mưa được bố trí xung quanh nhà Bệnh viện/ Trung tâm y tế, sử dụng mương bê tông có nắp đan đầy kín với các hố ga thu thăm được bố trí theo quy định. Khoảng cách trung bình giữa các ga thu là 30m-40m.

4.2.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Các phòng khám, điều trị, chẩn đoán có hệ thống cửa sổ, hệ thống thông khí đồng bộ. Thiết kế đảm bảo trao đổi thông khí tự nhiên và nhân tạo theo các tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành. Tạo độ thông thoáng cần thiết cho khu vực khám và chữa bệnh.

- Lắp đặt các thiết bị quạt hút bụi, quạt thổi, quạt làm mát... trong các phòng chức năng. Sử dụng hệ thống máy điều hoà không khí tại các phòng như: văn phòng, phòng mổ, phòng đẻ và một số phòng kỹ thuật khác.

- Sử dụng các chế phẩm vi sinh xử lý và hạn chế phát sinh mùi lạ như: Enchoice, PM... Các chế phẩm vi sinh này được phun trực tiếp vào các nguồn có khả năng phát sinh mùi, khu tập kết chất thải, các khu vệ sinh chung, khu xử lý nước thải.

- Đối với labo xét nghiệm, kho hoá chất, được phẩm được lắp đặt hệ thống thông khí trực tiếp.

- Trồng cây xanh: Trồng cây là giải pháp tốt nhất đối với việc giảm thiểu ô nhiễm bụi, không khí trong bệnh viện, trung tâm y tế vì ngoài việc tạo cảnh quan, cây xanh còn hấp thụ bụi và các khí độc. Cây xanh chủ yếu được trồng xung quanh khuôn viên bệnh viện, trung tâm y tế và tại các khu vực như sân, hành lang. Ưu tiên sử dụng cây có tán lá rộng, các cây tạo cảnh đẹp.

- Dùng các loại chất sát khuẩn cho phép để làm vệ sinh tại các khu vệ sinh, khu vực tập trung rác...

- Thường xuyên kiểm tra và định kỳ bảo dưỡng các xe của bệnh viện, trung tâm y tế không chở quá tải trọng quy định.

- Thường xuyên vệ sinh Bệnh viện/ Trung tâm y tế, phun các chất sát khuẩn tại các nhà vệ sinh, thay thế những nắp cống hỏng. Định kỳ tiến hành nạo vét cống rãnh thoát nước hạn chế sự phát tán mùi ra môi trường xung quanh.

- Các trang thiết bị y tế đúng theo tiêu chuẩn và được kiểm tra định kỳ.

- Cung cấp các thông tin về vệ sinh an toàn cho các cán bộ và bệnh nhân.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Sau khi các loại chất thải được thu gom, lưu giữ tập kết của Bệnh viện/Trung tâm, sẽ được xử lý như sau:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt không có khả năng tái chế thì sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý (dự kiến: BVĐK huyện Đức Thọ hợp đồng với HTX môi trường Đức Yên, TTYT huyện Can Lộc hợp đồng với HTX môi trường thị trấn Nghèn, TTYT huyện Hương Sơn hợp đồng với HTX môi trường Hương Sơn, BVĐK huyện Lộc Hà hợp đồng với HTX môi trường và dịch vụ nông nghiệp xã Thạch Châu).

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế như: Giấy, báo, tài liệu, vật đóng gói, thùng carton, túi nilon, túi đựng phim; chai lọ, lon nước uống giải khát bằng nhựa, kim loại; chai nhựa, đồ nhựa túi nilon, giấy bóng, can nhựa không chứa chất lây nhiễm, không có chất hóa học gây độc, v.v..., định kỳ bán cho các cơ sở thu mua, tái chế trên địa bàn.

4.2.5. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại:

- Đối với Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ, Trung tâm y tế huyện Can Lộc và Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà:

Các loại chất thải y tế nguy hại của Bệnh viện/Trung tâm y tế được phân loại, lưu giữ vào các thùng nhựa đặt tại nhà chứa chất thải (2 thùng màu vàng đựng chất thải lây nhiễm không sắc nhọn, 2 thùng màu vàng đựng chất thải lây nhiễm sắc nhọn, 2 thùng màu đen đựng chất thải nguy hại không lây nhiễm, 1 thùng màu trắng đựng chất thải tái chế), hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định. Riêng đối với là chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn của Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ được vận chuyển theo quy định về Cụm 2 (Trung tâm y tế huyện Hương Sơn) để xử lý bằng Hệ thống khử khuẩn bằng hơi nóng kết hợp nghiền cắt theo Quyết định 1780/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh.

- Đối với Trung tâm y tế huyện Hương Sơn:

Chất thải y tế được thu gom, phân loại, xử lý như sau:

+ Trường hợp chất thải rắn y tế là vật sắc nhọn: Được thu gom, lưu trữ và cô lập trong bể bê tông (Bể bê tông được xây dựng cách nhà lưu trữ chất thải y tế khoảng 1m; Bể được xây dựng hợp khối kết cấu bê tông cốt thép dày 200mm, kích thước BxLxH = 1,2x3,6x2,2m, gồm có 3 ngăn, có nắp đậy kín, bên trên có mái che bằng tôn đảm bảo không để nước mưa chảy tràn chảy qua). Khi đầy bể bê tông sẽ hợp đồng Công ty TNHH Một thành viên chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Trường hợp chất thải y tế là chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Được đưa về khu vực tập kết chất thải nguy hại tại phòng tập kết chất thải nguy hại để xử lý bằng Hệ thống khử khuẩn bằng hơi nóng kết hợp nghiền cắt.

+ Trường hợp chất thải giải phẫu (bệnh phẩm, nhau thai): Các loại chất thải gồm mô cơ, nhau thai được bọc trong bao bóng cẩn thận và được lưu giữ trong tủ bảo quản lạnh đặt ở khu vực lưu giữ. Sau đó hợp đồng Công ty TNHH Một thành viên chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Trường hợp chất thải nguy hại không lây nhiễm: Thu gom tập trung về khu vực tập kết chất thải nguy hại. Sau đó hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.6. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải khác

* *Đối với bùn cặn bể tự hoại*: định kỳ 2 năm/lần sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng hoặc Công ty TNHH Một thành viên chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hút, vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

* *Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung*: định kỳ 1 năm/lần sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng hoặc Công ty TNHH Một thành viên chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hút, vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

4.2.7. *Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung, ô nhiễm khác và sự cố môi trường*: Thực hiện đầy đủ theo nội dung báo cáo ĐTM.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng dự án:

* *Giám sát chất lượng môi trường không khí xung quanh*

- Vị trí giám sát: 02 điểm/công trình:
- + 01 điểm tại khu vực thi công xây dựng.
- + 01 điểm tại tuyến đường vào khu vực công trường.
- Các thông số giám sát (5 thông số): Độ ồn, SO₂; NO₂; CO; Bụi tổng số.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/ lần, trong giai đoạn thi công xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: So sánh với QCVN 05:2013/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh); QCVN 26:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn).

5.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

Theo Quy định tại khoản 2 Điều 111, khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường 2020; điểm b khoản 1 Điều 97, điểm c khoản 1 Điều 98 và các Phụ lục số XXVIII, XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì tại 4 Bệnh viện, Trung tâm y tế này không phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải, bụi và khí thải. Trong giai đoạn đi vào hoạt động, đơn vị thụ hưởng dự án, có trách nhiệm thực hiện giám sát một số nội dung sau:

a./. *Giám sát việc quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:*

- Vị trí giám sát: Tại khu lưu giữ tạm thời chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại của Bệnh viện/ Trung tâm y tế.

- Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng, phân định, phân loại, lưu giữ, chuyển giao, xử lý chất thải phát sinh theo từng chủng loại chất thải của Bệnh viện/ Trung tâm y tế.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

b./. *Giám sát môi trường phóng xạ:*

- Vị trí giám sát: 02 điểm (Khu vực chụp chiếu X-quang; Khu vực lưu giữ chất thải tại Bệnh viện/ Trung tâm y tế).

- Nội dung giám sát và yêu cầu bảo đảm an toàn bức xạ: Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ Khoa học và công nghệ - Bộ y tế và quy định của pháp luật hiện hành.

- Tần suất giám sát: 1 năm/lần.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường (Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung):

6.1. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và

ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu;

6.2. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và những vấn đề có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành; chỉ được phép đổ các loại đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ vật liệu thải.

6.3. Trong quá trình thực hiện dự án, trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý;

6.4. Đầu tư xây dựng, lắp đặt các công trình xử lý chất thải theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt.

6.5. Sau khi được bàn giao các công trình hạng mục của dự án, đề nghị đơn vị thụ hưởng dự án quản lý vận hành theo đúng báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và theo quy định pháp luật có liên quan./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Số: 272 /GP-STNMT

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 10 năm 2015

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 82/2014/QĐ-UBND ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 16/9/2015 của Bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn (có Hồ sơ kèm theo); đề nghị của Chi cục Trưởng Chi cục Biển, hải đảo và Tài nguyên nước tại Báo cáo thẩm định số 132/BC-CCBD ngày 30/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn (có địa chỉ tại Khối 5, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh) được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chính sau đây:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Ngàn Phố.
2. Vị trí nơi xả nước thải: Khối 5, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3⁰:

X = 20 48 014

Y = 04 92 199

3. Phương thức và chế độ xả nước thải:

- Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn quy định được xả theo mương thoát nước chung của thị trấn sau đó được đổ vào sông Ngàn Phố; nước thải được xả ven bờ, trên bề mặt nguồn tiếp nhận theo phương thức tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: liên tục, 8 giờ/ngày đêm.

4. Lưu lượng xả thải: tối đa 88 m³/ngày đêm.

5. Giới hạn thông số, nồng độ tối đa chất ô nhiễm được phép xả thải:

- Giá trị các thông số và nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải vào nguồn nước không vượt quá Quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT Cột B với hệ số K=1,2.

- Giới hạn giá trị các thông số và nồng độ chất ô nhiễm chính có trong nước thải của Bệnh viện được phép xả thải vào nguồn nước như bảng sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	pH	-	6,5 – 8,5
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60
3	COD	mg/l	120
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	5000
11	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	Không phát hiện
12	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	Không phát hiện
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	Không phát hiện

6. Thời hạn của giấy phép: 05 (năm) năm.

Điều 2. Yêu cầu đối với Bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn nước tiếp nhận:

- Quan trắc chất lượng nước thải: 01 điểm sau hệ thống xử lý nước thải với các thông số như Bảng trên. Tần suất quan trắc 06 tháng/lần.

- Quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải: 01 điểm trên sông Ngàn Phố, cách điểm tiếp nhận khoảng 100m về phía hạ lưu. Các thông số quan trắc gồm: pH, DO, TSS, COD, BOD₅, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, Coliform, tổng dầu mỡ. Tần suất quan trắc 06 tháng/lần.

3. Hàng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

5. Lắp đặt thiết bị đo lưu lượng nước thải theo đúng quy định và ghi chép lưu lượng nước đã xả thải hàng ngày vào sổ vận hành công trình. Thời gian hoàn thành chậm nhất là sau 60 ngày kể từ ngày giấy phép có hiệu lực.

Điều 3. Bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn được hưởng các quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung như Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Bệnh viện đa khoa huyện Hương Sơn;
- UBND tỉnh; (Để báo cáo)
- Cục QL Tài nguyên nước;
- Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND huyện Hương Sơn;
- GD, PGD PT;
- Lưu: VT, Hồ sơ cấp phép.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Lam Sơn

Số: 3437 /GPMT

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2676/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường của Dự án “Khu nhà điều trị 03 tầng và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn” tại thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn”;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4935/TTr-STNMT ngày 24/11/2023; Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn tại Văn bản giải trình số 2144/UBND-BQLDA ngày 13/11/2023 (kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 27/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Hương Sơn về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn huyện Hương Sơn và Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đã bổ sung, hoàn thiện theo Văn bản số 4458/STNMT-MT ngày 29/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường); ý kiến thống nhất đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh qua Phiếu biểu quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn (Địa chỉ: tổ dân phố 3, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Khu nhà điều trị 03 tầng và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn” tại tổ dân phố 2, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung sau đây:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Khu nhà điều trị 03 tầng và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn”.

1.2. Địa điểm hoạt động: tổ dân phố 2, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Mã số thuế: 3000567443

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án: Hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

a) Phạm vi, quy mô:

Dự án đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn, bao gồm các hạng mục công trình sau:

** Hạng mục công trình chính:*

Nhà điều trị nội trú: 01 nhà 3 tầng (gồm 3 khoa: Nội, Nhi, Khoa 3 chuyên khoa), diện tích sàn 1.715m².

** Hạng mục công trình phụ trợ:*

Xây mới hành lang cầu rộng 3m dài 5,2m nối tiếp nhà điều trị 3 tầng hiện trạng; Xây dựng mới hành lang cầu rộng 3,3m dài 31m nối tiếp với nhà 5 tầng xây mới; Lát mới sân phía trước nhà điều trị 3 tầng, xây mới diện tích 252,341 m² bằng gạch Terrazzo.

** Hạng mục công trình bảo vệ môi trường:*

- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa bao gồm: đường ống thoát nước mưa ngoài nhà bằng HDPE D110 và D140, chiều dài 50,0m.

- Xây dựng 02 bể tự hoại có dung tích 13m³ (1 bể có kích thước DxR = 2,0m x 2,0m = 4 m², chiều sâu 2,0m, thể tích 8m³ và 01 bể có kích thước DxR = 2,3m x 1,1m = 2,53 m², chiều sâu 2,0m, thể tích 5m³), hệ thống thu gom nước thải bằng đường ống PVC D110 dài 626m; uPVC kích thước từ D28 - D60 dài 112m; uPVC kích thước từ D60 - D90 - D110 dài 605m và HDPE D250-PN10 chiều dài 29,0m và 02 hố ga, đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung có sẵn của Trung tâm y tế hiện trạng, công suất xử lý 150m³/ngày đêm.

b) Công suất hoạt động dự án:

Dự án đầu tư xây dựng nhằm đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trung tâm y tế huyện Hương Sơn có quy mô công suất 130 giường bệnh nội trú.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Trách nhiệm của cơ quan liên quan:

1. Hội đồng nhân dân huyện Hương Sơn (cơ quan quyết định chủ trương đầu tư) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh và cơ quan thanh tra, kiểm tra về toàn bộ nội dung liên quan đến hồ sơ, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư và chỉ đạo công tác quản lý nhà nước đầu tư đối với Dự án nêu trên.

2. UBND huyện Hương Sơn (đơn vị đề xuất, tổng hợp, giải trình), Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thẩm định, tổng hợp, đề xuất) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh và cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung thông tin, số liệu, nội dung thẩm định, đề xuất tại các Văn bản nêu trên và quá trình tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;

2. Chịu trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Trong quá trình thi công xây dựng Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đã thống nhất với Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn (theo biên bản làm việc ngày 09/11/2023); sau khi hoàn thành, thực hiện các thủ tục, bàn giao các công trình hạng mục cho Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn theo quy định của pháp luật, theo đó Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn có trách nhiệm tiếp nhận, thực hiện đầy đủ các nội dung của giấy phép môi trường, thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết và thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép này: 10 (mười) năm kể từ ngày ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn (Phòng Tài nguyên và Môi trường), UBND thị trấn Phố Châu thường xuyên

theo dõi, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án “Khu nhà điều trị 03 tầng và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn” tại tổ dân phố 2, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định của pháp luật; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh các nội dung liên quan./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực HĐND huyện Hương Sơn;
- UBND huyện Hương Sơn;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₃.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



*** Nguyễn Hồng Lĩnh**

Phụ lục 01

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / / 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn phát sinh nước thải chủ yếu từ những nguồn:

- Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động chuyên môn trong Trung tâm Y tế.
- Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận; nguồn tiếp nhận nước
thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Dòng nước thải

Các dòng nước thải (gồm: nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại đặt ngầm dưới công trình và nước thải sinh hoạt từ hoạt động rửa tay chân, tắm giặt, khu vực nhà bếp...; nước thải y tế) chảy qua song chắn rác về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý rồi xả ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận, vị trí xả nước thải:

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Ngàn Phố, đoạn chảy qua tổ dân phố 2, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn (cách dự án khoảng 800m về phía Đông Bắc).

2.2.2. Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2048008$; $Y(m) = 0492176$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $150m^3/ngày$ đêm (tương đương $6,25 m^3/giờ$).

2.2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn được xả vào mương thoát nước giáp bên ngoài hàng rào phía Đông Bắc của Trung tâm Y tế, sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Ngàn Phố theo phương thức tự chảy.

2.2.5. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục (24 giờ).

2.2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt Cột A ($K=1,2$), QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị đính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, $K=1,2$)
1	pH	-	6,5 – 8,5
2	BOD ₅	mg/l	36

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị định	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, K=1,2)
3	COD	mg/l	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
6	Amoni (Tinh theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12
10	Tổng Coliform	MNP/100ml	3000
11	Salmonella	mg/l	Không phát hiện
12	Shigella	mg/l	Không phát hiện
13	Vibro cholerae	mg/l	Không phát hiện

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

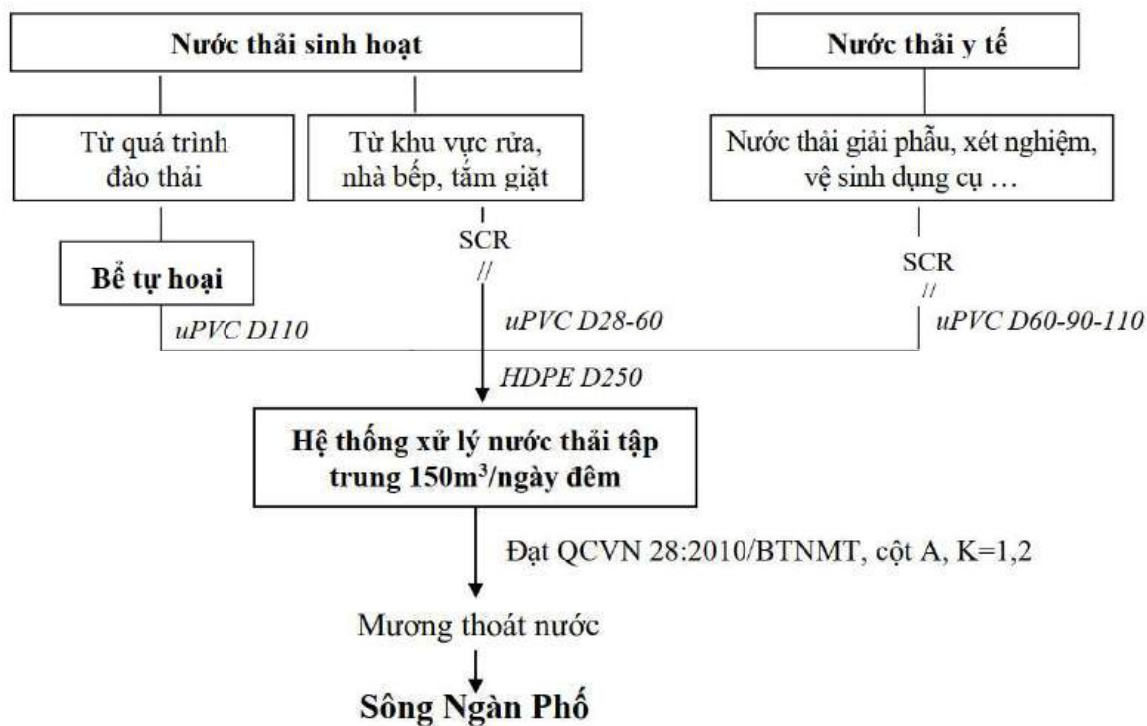
- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ quá trình đào thải của con người được thu gom vào các bể tự hoại đặt ngầm dưới các khu nhà để xử lý. Bể tự hoại có dung tích 13m³ gồm 2 bể (1 bể có kích thước D x R = 2,0m x 2,0m = 4 m², chiều sâu 2,0m, thể tích 8m³ và 01 bể có kích thước D x R = 2,3m x 1,1m = 2,53 m², chiều sâu 2,0m, thể tích 5m³). Nước thải sau đó thoát theo ống PVC D110 dài 626m rồi chảy vào đường ống HDPE D250.

+ Nước thải từ hoạt động rửa tay chân, tắm giặt, khu vực nhà bếp... chảy qua song chắn rác tại vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn, sau đó thoát theo đường ống uPVC (kích thước từ D28 - D60, dài 112m) rồi chảy vào đường ống HDPE D250.

- Nước thải y tế: Phát sinh từ hoạt động chuyên môn của Trung tâm y tế chảy qua song chắn rác tại vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn, sau đó thoát theo đường ống uPVC (kích thước từ D60 - D90 - D110, dài 605m) rồi chảy vào đường ống HDPE D250.

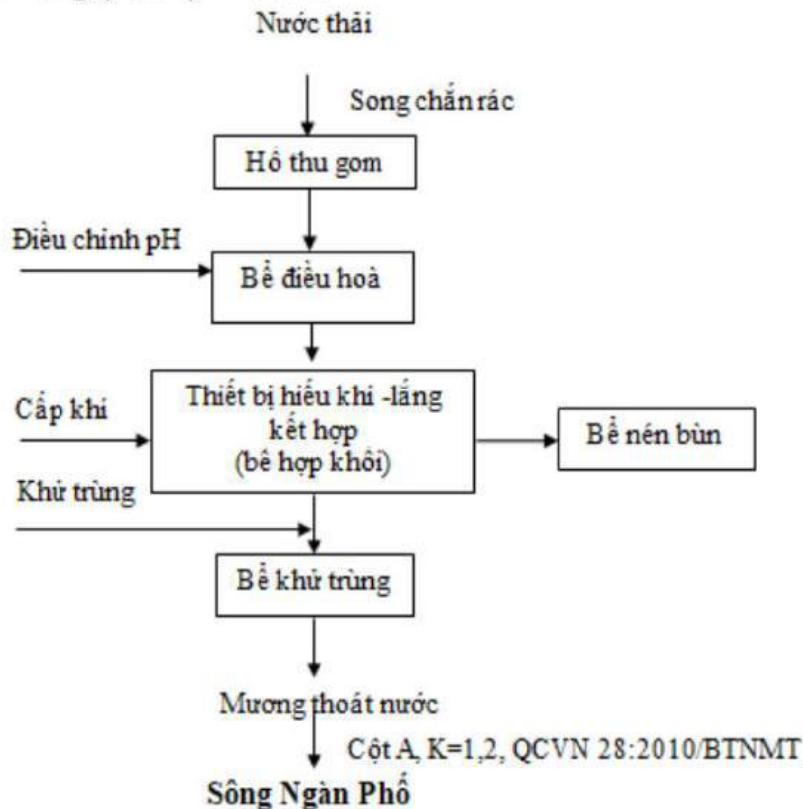
Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải y tế sau khi chảy vào đường ống HDPE D250 dài 1.133m tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung.



Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

* Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất xử lý tối đa 150 m³/ngày đêm) như sau:



* Thuyết minh quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- **Hố thu gom:** Nước thải y tế dẫn theo hệ thống ống thu gom chảy qua song chắn rác để tách các chất cặn rác có kích thước lớn như (nylon, giấy, lá cây,...) và chảy vào hố thu gom nước thải (được xây bằng bê tông cốt thép với kích thước $D \times R = 1,5\text{m} \times 1,5\text{m} = 2,25\text{ m}^2$, chiều sâu 2,0m, thể tích $4,5\text{ m}^3$) trước khi vào hệ thống xử lý.

- **Bể điều hoà:** Nước thải chảy vào bể điều hoà để điều hoà lưu lượng nhằm đảm bảo chế độ hoạt động ổn định của trạm xử lý. Bể điều hoà được xây bằng bê tông cốt thép với kích thước $D \times R = 6\text{m} \times 3\text{m} = 18\text{ m}^2$, chiều sâu 3,0m, thể tích 54 m^3 . Tại bể điều hoà có lắp đặt hệ thống sục khí sơ bộ để khuấy trộn nước thải (tránh tạo điều kiện kỵ khí gây mùi thối) và để oxy hóa một phần các chất hữu cơ trong nước thải.

- **Thiết bị hiếu khí-lắng kết hợp (bể hợp khối):** Nước thải từ bể điều hoà được dẫn vào thiết bị hiếu khí-lắng kết hợp (gồm 03 modul xử lý hợp khối có vật liệu thân vỏ làm bằng vật liệu composite, mỗi modul có kích thước $D \times R = 6\text{m} \times 2\text{m} = 12\text{ m}^2$, chiều sâu 2,5m, thể tích 30 m^3) theo chiều ngược dòng từ dưới lên nhằm tiếp xúc với các vi sinh vật lơ lửng kết hợp với khối đệm giá thể bằng PVC chuyên dụng tạo nên màng vi sinh vật kỵ khí, làm tăng mật độ vi sinh vật lên đến khoảng 20.000 vi sinh vật/ m^3 nước thải, đảm bảo hiệu quả xử lý theo COD và tổng P lên đến 75 - 80%. Trong quá trình sinh trưởng và phát triển, vi sinh vật kỵ khí sẽ hấp thụ các chất hữu cơ hòa tan có trong nước thải, phân hủy và chuyển hóa chúng thành các hợp chất ở dạng khí. Bọt khí sinh ra bám vào các hạt bùn cặn. Các hạt bùn cặn này nổi lên trên làm xáo trộn, gây ra dòng tuần hoàn cục bộ trong lớp cặn lơ lửng. Trong ngăn hiếu khí, không khí được cấp bởi máy thổi khí, tạo điều kiện diễn ra quá trình oxy hóa sinh hóa hiếu khí các chất hữu cơ và quá trình nitrat hóa diễn ra. Kết quả là BOD trong nước thải giảm rõ rệt và amoni chuyển thành nitrat.

- **Bể nén bùn:** Sau khi qua các bậc xử lý trên, hỗn hợp nước thải và bùn được qua ngăn lắng thứ cấp để tách phần lớn lượng bùn hoạt tính nhằm hồi lưu về ngăn anoxic rồi ngăn oxy. Phần bùn dư được đưa về bể nén bùn. Tại bể nén bùn, bùn cặn được phân hủy yếm khí và giảm đáng kể thể tích. Bể nén bùn được xây bằng bê tông cốt thép có kích thước $D \times R = 4\text{m} \times 2\text{m} = 8\text{ m}^2$, chiều sâu 3,0m, thể tích 24 m^3 .

- **Bể khử trùng:** Nước thải sau ngăn lắng thứ cấp được đưa vào bể khử trùng. Tại đây nước thải được khử trùng bằng dung dịch NaOCl nồng độ 3 - 5 mg (tính theo lượng Clo hoạt tính)/ m^3 nước thải được cấp vào bể để xử lý vi khuẩn trước khi thải ra môi trường. Bể khử trùng được xây bằng bê tông cốt thép với kích thước $D \times R = 2\text{m} \times 2\text{m} = 4\text{ m}^2$, chiều sâu 3,0m, thể tích 12 m^3 .

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

** Đối với sự cố về điện hoặc do thiết bị, máy móc của Hệ thống xử lý nước thải tập trung bị hư hỏng:*

- Vận hành và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các máy móc thiết bị trong hệ thống như bơm chìm, máy khuấy, máy thổi khí... theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; đồng thời các thiết bị luôn có phương án dự phòng khi hoạt động; có nhật ký vận hành hệ thống XLNT tập trung ghi chép đầy đủ theo quy định; nhân viên vận hành được đào tạo về vận hành hệ thống XLNT tập trung.

- Theo dõi sự ổn định của hệ thống, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

** Đối với sự cố tắc nghẽn đồng hồ đo lưu lượng nước thải:*

- Lựa chọn thiết bị ban đầu tốt, sử dụng đúng mục đích;
- Bổ sung thêm các thiết bị phụ trợ như lưới chắn rác, lọc,... để hạn chế tình trạng rác thải, cặn bẩn,...;
- Khơi thông dòng chảy, làm sạch cặn bẩn bám vào cánh quạt của đồng hồ.

** Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách:*

- Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách;
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;
- Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy về an toàn lao động, hiểu biết và nắm rõ về các nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.
- Thường xuyên giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để phát hiện sự cố kịp thời.

** Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường:*

- Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian lưu.

- Báo cáo kịp thời cho cán bộ phụ trách và đề xuất phương án khắc phục. Việc hoàn thành sự cố sẽ được ưu tiên thực hiện sớm nhất để đưa hệ thống hoạt động bình thường trở lại, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra.

- Trường hợp sự cố nằm ngoài khả năng xử lý của cán bộ Trung tâm y tế, cần liên hệ ngay với đơn vị có chức năng để tiến hành khắc phục một cách nhanh chóng nhất.

- Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Bố trí cán bộ phụ trách vận hành giám sát HTXLNT tập trung và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành.

- Bố trí kinh phí hàng năm để vận hành và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục các sự cố gây ô nhiễm nguồn nước có thể xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 20/12/2024 đến ngày 20/5/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (tại hố thu gom nước thải tập trung). Tọa độ vị trí lấy mẫu: $X(m) = 20\ 47898$, $Y(m) = 0492364$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Mẫu nước thải đầu ra tại miệng ống thoát nước sau bể khử trùng. Tọa độ vị trí lấy mẫu: $X(m) = 2047898$; $Y(m) = 0492369$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2.2.6 Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 04 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải (ngày đầu tiên lấy 01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu nước thải đầu ra, từ ngày thứ 2 trở đi lấy 1 mẫu đầu ra/ngày).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải y tế phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

Phụ lục 02
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH TIẾNG ỒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: Hoạt động của các phương tiện giao thông và người ra vào Trung tâm Y tế.
- Nguồn số 2: Hệ thống, thiết bị khu vực xử lý nước thải.
- Nguồn số 3: Tủ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: Phát sinh phân tán nên không xác định được vị trí, tọa độ cụ thể.
- Nguồn số 2: Khu vực nhà vận hành xử lý nước thải tập trung. Tọa độ: X= 2048013; Y = 0492164 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 3: Máy phát điện dự phòng. Tọa độ: X=2048043; Y=0492106 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

3. Tiêu chuẩn tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
65	65	tối thiểu 1 lần/năm	Các phòng chức năng, hành chính, kế toán của các cơ quan đơn vị tại khu vực công chính

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Quy định vận tốc tối đa được phép ra vào khuôn viên dự án.
- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn; các máy thổi khí tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung được bố trí bên trong nhà kín; đối với máy phát điện lắp

đệm chống ồn dưới chân máy, được đặt trong phòng có tường bao che được xử lý cách âm.

- Thiết lập các quy định về tiếng ồn trong khu vực trung tâm y tế, các khẩu hiệu nhắc nhở đi nhẹ, nói khẽ tại khu vực công cộng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

Phụ lục 03
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / / 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

- Chất thải y tế nguy hại:

TT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng ước tính (kg/tháng)
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	NH	Rắn	13 01 01	15,6
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	NH	Rắn		408
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	NH	Rắn/lỏng		32,4
4	Chất thải giải phẫu	NH	Rắn		9,6
5	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như Nhiệt kế, huyết áp hồng)	NH	Rắn	13 03 02	2,4
Tổng					468

- Chất thải nguy hại khác:

TT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng ước tính (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	NH	Rắn	16 01 06	0,5
2	Pin - ắc quy thải	NH	Rắn	16 01 12	0,25
3	Hộp chứa mực in có thành phần nguy hại	KS	Rắn	08 02 04	0,25
Tổng					01 kg/tháng

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng ước tính
1	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh, khách ...	4.554 kg/tháng
2	Hóa chất thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;	396 kg/tháng
3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;	
4	Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực;	
5	Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;	
6	Chất thải lây nhiễm sau khi đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;	3,2m ³ /tháng
7	Bùn thải từ bể tự hoại	
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH	0,3m ³ /tháng

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế nguy hại và chất thải rắn thông thường:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

* Chất thải y tế nguy hại:

Chất thải y tế nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Trung tâm Y tế được phân loại, phân định, thu gom và lưu chứa theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

(1) Thu gom chất thải lây nhiễm:

- Đối với chất thải rắn y tế là chất sắc nhọn được thu gom, lưu trữ và cô lập trong bể bê tông có dung tích 21,31m³, có nắp đậy kín.

- Đối với chất thải y tế là chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn được thu gom và chứa trong 02 thùng chuyên dụng, mỗi thùng có dung tích khoảng 240 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại (01 thùng đựng chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao; 01 thùng đựng chất thải lây nhiễm không sắc nhọn).

- Đối với chất thải giải phẫu (bệnh phẩm, nhau thai) được bọc trong bao bóng cẩn thận và được lưu giữ trong tủ bảo quản lạnh đặt ở khu vực lưu giữ.

(2) Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm (thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân) được thu gom tập trung về khu vực tập kết chất thải nguy hại và chứa trong 01 thùng chuyên dụng có dung tích khoảng 240 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại.

* Chất thải nguy hại khác (bóng đèn huỳnh quang, pin, ác quy và hộp mực in thải): Bố trí các thùng chuyên dụng, dung tích khoảng 60 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại để lưu chứa chất thải nguy hại khác.

2.1.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Vị trí, diện tích:

+ Đối với chất thải rắn y tế là chất sắc nhọn được thu gom, lưu trữ và cô lập trong bể bê tông được xây dựng cách nhà lưu trữ chất thải y tế khoảng 1m; Bể bê tông có diện tích 12,76 m² (kích thước DxDxH = 5,8x2,2x1,2m).

+ Chất thải y tế nguy hại được lưu giữ tại 2 phòng gồm phòng chứa chất thải rắn nguy hại và phòng đặt thiết bị xử lý (Hệ thống khử khuẩn bằng hơi nóng kết hợp nghiền cắt) thuộc hạng mục số 11 theo Bản vẽ quy hoạch; Phòng chứa chất thải nguy hại có diện tích 16,5 m² (kích thước DxDxH=5,5x3x5,2m) và phòng đặt thiết bị xử lý có diện tích 38,5 m² (kích thước DxDxH = 7x5,5x5,2m).

- Thiết kế, cấu tạo:

+ Bể bê tông được xây dựng hợp khối kết cấu bê tông cốt thép dày 200mm, bên trên có mái che bằng tôn đảm bảo không để nước mưa chảy tràn chảy qua.

+ Phòng chứa chất thải có kết cấu cột dầm sàn bê tông cốt thép, hệ tường bao xung quanh bằng gạch xây kín, có mái che; nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Biện pháp xử lý:

+ Đối với chất thải y tế có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn được xử lý bằng Hệ thống khử khuẩn hấp ướt bằng hơi nóng kết hợp nghiền cắt theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 30/7/2023 của UBND tỉnh (hiện nay Trung tâm Y tế huyện đang thu gom chất thải y tế nguy hại cho Bệnh viện đa khoa Cầu Treo và 25 trạm y tế trên địa bàn huyện Hương Sơn theo mô hình cụm); chất thải sau khi xử lý sẽ trở thành chất thải y tế thông thường và được Trung tâm Y tế được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm, chất thải giải phẫu (bệnh phẩm, nhau thai), chất thải sắc nhọn và chất thải nguy hại khác được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của Trung tâm Y tế được phân loại, lưu chứa theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế. Tại khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường bố trí các thùng chứa, mỗi thùng có dung tích khoảng 240 lít, có nắp đậy kín. Tại phòng chứa chất thải tái chế bố trí các thùng chứa chất thải thông thường được phép tái chế, mỗi thùng có dung tích khoảng 240 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Vị trí: Chất thải rắn thông thường được chứa tại 02 phòng (phòng chứa chất thải thông thường và phòng chứa chất thải tái chế) bên cạnh phòng chứa chất thải

nguy hại của Trung tâm Y tế để lưu giữ tạm thời trước khi bàn giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

- Diện tích khu vực lưu chứa: Phòng chứa chất thải thông thường và phòng chứa chất thải tái chế có diện tích 27,5 m², mỗi phòng có kích thước DxRxH = 5,5x2,5x5,2 (m).

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu cột dầm sàn bê tông cốt thép, hệ tường bao xung quanh bằng gạch xây kín, có mái che; nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Biện pháp xử lý:

- + Chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế và chuyển giao cho cơ sở thu mua, tái chế theo quy định.

- + Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm và chất thải thông thường khác (bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải từ bể tự hoại và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung sau khi phân định không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH) được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Thực hiện đầy đủ các biện pháp PCCC theo hồ sơ thẩm duyệt PCCC trước khi thi công xây dựng công trình và tuân thủ việc quản lý vận hành công trình, thiết bị theo quy định.

2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố thiên tai, ngập lụt:

- Theo dõi thường xuyên dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến mưa, bão nhằm có phương án ứng phó kịp thời.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra sửa chữa, chằng chống các công trình.

- Kiểm tra, sửa chữa nạo vét hệ thống thoát nước thải, nắp đậy các hố ga, tránh hiện tượng sụt lún, nứt vỡ gây tắc nghẽn, ngập lụt cuốn theo nước bẩn ra môi trường xung quanh.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố về điện:

Các thiết bị điện phải tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng, phải có thiết bị bảo vệ quá tải, đối với những khu vực nhiệt độ cao, dây điện phải đi ngầm hoặc được bảo vệ kỹ, ngắt cầu dao điện khi không có nhu cầu sử dụng, thường xuyên kiểm tra độ an toàn của các công tắc, thiết bị điện.

4 Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác: Thực hiện theo các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



TN & MT

CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
 Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphantich236@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: T430 - BH129523

- Tên khách hàng: Trung tâm y tế huyện Hương Sơn - Hà Tĩnh.
- Địa chỉ: Tổ dân phố 2, TT Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.
- Vị trí đo, lấy mẫu: Do phòng hiện trường cung cấp
- Ngày nhận mẫu: 22/5/2023
- Ngày phân tích: 22/5/2023÷29/5/2023
- Loại mẫu: Nước thải Số lượng mẫu: 01
- Ký hiệu mẫu: TBHS

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	QCVN 28 Cột B, C _{max}
1.	pH*	-	TCVN 6492:2011	7,3	6,5 - 8,5
2.	BOD ₅	mg/l	SMEWW 5210B:2017	22,7	60
3.	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	41,9	120
4.	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	35,0	120
5.	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	TCVN 5988:1995	1,78	12
6.	NO ₃ ⁻ -N	mg/l	SMEWW 4500- NO ₃ ⁻ .E:2017	4,53	60
7.	PO ₄ ³⁻ -P	mg/l	TCVN 6202:2008	1,14	12
8.	S ²⁻ (Theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	0,26	4,8
9.	Dầu, mỡ ĐTV	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	0,4	24
10.	Salmonella	VK/100ml	TCVN 9717:2013	KPH	KPH
11.	Shigella	VK/100ml	SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH
12.	Vibrio cholerae	VK/100ml	SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH
13.	Coliform	VK/100ml	TCVN 6187-1:2019	4,5×10 ³	5.000

Ghi chú: "ĐTV": Động thực vật. "KPH". Không phát hiện.

- QCVN 28:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. (Cột B; C_{max}; K = 1,2).

- Địa điểm lấy mẫu: Trung tâm y tế huyện Hương Sơn, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh:

+ Tại hố ga cuối cùng trước khi thoát nước.

+ Tọa độ: Kinh độ (E) = 105°25'40,0"; Vĩ độ (N) = 18°30'58,0".

QA/QC

KS: Nguyễn Thị Nhâm

Trưởng PTN

ThS: Trần Thị Thu Hằng



Phạm Anh Tuấn

Chủ tịch

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm đo - phân tích

- (*) kết quả đo tại hiện trường do phòng quan trắc hiện trường cung cấp.

- Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu mà khách hàng cung cấp.

- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.

- Sau 5 ngày tra kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



Số: .../81...../2025/QTMT/GPMT

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI



1. Thời gian lấy mẫu: Ngày 05 tháng 6 năm 2025.
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 06/6/2025 đến ngày 12/6/2025.
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: $25 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $60 \pm 10\%$.
4. Mục đích lấy mẫu: Lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Trung tâm y tế huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. (Lần 1)
5. Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường ☒ Gửi phòng thử nghiệm ☐
6. Vị trí lấy mẫu:
 - (DV- T_{20A}) Nước thải sau bể khử trùng, điểm lấy mẫu có tọa độ: 105°25'39,4" (Đ); 18°30'58,5" (B).

7. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6422-2:2011	-	7,0
2	BOD ₅	TCVN 6001-1:2023	mg/l	13
3	COD	SMEWW 5220C:2023	mg/l	24
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6623:2000	mg/l	33
5	Tổng Nitơ	SMEWW 4500-N.C:2023 SMEWW 4500-NO ₃ -E:2023	mg/l	15,8
6	Tổng Photpho	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/l	1,59
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	TCVN 6180:1996	mg/l	0,31
8	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	5,76
11	Sulfua (H ₂ S)	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	mg/l	<0,04
12	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	SMEWW 4500-P.E:2023	mg/l	0,286
13	Dầu mỡ động thực vật	SMEWW 5520.B&F:2023	mg/l	<1,0
14	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN /100ml	1.700

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;
- Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QTTN&MT Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lệ Thúy



Trần Ngọc Sơn



Số: 482./2025/QTMT/GPMT

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**



1. Thời gian lấy mẫu: Ngày 06 tháng 6 năm 2025.
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 07/6/2025 đến ngày 13/6/2025.
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: $25 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $60 \pm 10\%$.
4. Mục đích lấy mẫu: Lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Trung tâm y tế huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. (Lần 2)
5. Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường ☒ Gửi phòng thử nghiệm ☐
6. Vị trí lấy mẫu:

- (DV- T_{21A}) Nước thải sau bể khử trùng, điểm lấy mẫu có tọa độ: 105°25'39,4" (Đ); 18°30'58,5" (B).

7. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6422:2011	-	7,0
2	BOD ₅	TCVN 6901-1:2023	mg/l	15
3	COD	SMEWW 5220C:2023	mg/l	28
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	31
5	Tổng Nito	SMEWW 4500-N.C:2023 SMEWW 4500-NO ₃ -E:2023	mg/l	16
6	Tổng Photpho	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/l	0,357
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	TCVN 6180:1996	mg/l	0,33
8	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	5,68
11	Sunfua (H ₂ S)	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	mg/l	<0,04
12	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	SMEWW 4500-P.E:2023	mg/l	0,289
13	Dầu mỡ tổng hợp vật	SMEWW 5520.B&F:2023	mg/l	<1,0
14	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN /100ml	2.100

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;

- Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QTTN&MT

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lệ Thúy

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 04 /HĐKT

(Về việc thu gom và vận chuyển rác thải bảo vệ môi trường)

- Căn cứ Bộ luật dân sự 2015 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ vào Luật bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị quyết 32 của UBND tỉnh về đề án quản lý rác thải địa bàn;
- Căn cứ quyết định số 33/2017/QĐ- UBND ngày 30/06/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc xây dựng bổ sung, điều chỉnh phí vệ sinh áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;
- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đ/c Phó chủ tịch UBND huyện cùng với thường vụ Đảng ủy thị trấn Phố Châu về công tác quản lý môi trường đô thị;
- Căn cứ vào thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 2 tháng 1 năm 2025, tại văn phòng HTX Xây dựng Môi trường H&Q, chúng tôi gồm có:

1. Bên A:

Tên tổ chức: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HUƠNG SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Phố Châu - Hương Sơn - Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239.387.446

Người đại diện: - Ông: Lê Nhật Thành Chức vụ: Giám đốc

- Bà : Lê Thị Thanh Thủy Chức vụ: Kế toán

Số tài khoản: 3716.3.1130261.00000 Tại: Kho bạc nhà nước Hương Sơn

2. Bên B:

Tên tổ chức: **HTX XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG H&Q.**

Địa chỉ: Khối 9 - TT. Phố Châu - Hương Sơn - Hà Tĩnh.

Điện thoại: 0912 385 022

Người đại diện: - Ông: Điện Anh Quốc Chức vụ: Giám đốc

- Bà: Điện Thị Thùy Dung Chức vụ: Kế toán

Mã số thuế : 3002129678

Số tài khoản: 3706201005255 tại NH NN&PTNT - CN Hương Sơn.

Hai bên thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Hàng hóa, hình thức thu gom, vận chuyển

Bên A đồng ý thuê và bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển rác thải với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên hàng hóa:

- Rác thải sinh hoạt do bên A tập kết tại bãi rác chờ hoặc bỏ vào thùng rác đã được quy định thống nhất giữa bên A và bên B;

- Đối với rác thải xây dựng, cây cối loại bỏ nếu số lượng lớn thì bên A và bên B phải thỏa thuận thống nhất để thực hiện;

2. Tính chất hàng hóa: Hàng hóa mà bên B nhận vận chuyển cho bên A chủ yếu là rác thải sinh hoạt.

Điều 2: Thời gian và địa điểm thu gom rác thải sinh hoạt

- Thu gom rác thải 2 lần/tuần đã được thống nhất giữa 2 bên;

- Thu gom tại bãi rác chờ đã quy định, thống nhất giữa bên A và bên B.

Điều 3: Giá dịch vụ, hình thức, thời gian thanh toán

- Đơn giá thu gom rác : 3.500.000 đồng/ tháng .



- Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản;
- Thời gian thanh toán: Theo quý.

Điều 4: Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên

A. Quyền và nghĩa vụ của bên A

- Yêu cầu bên B cấp phiếu thu sau khi đã thanh toán đầy đủ;
- Bên A có trách nhiệm yêu cầu cán bộ, công nhân viên chức trong đơn vị mình tập trung rác thải sinh hoạt đúng vị trí quy định trước giờ vận chuyển;
- Thanh toán cho bên B theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

B. Quyền và nghĩa vụ của bên B

- Yêu cầu bên A tập kết rác đúng nơi quy định;
- Đề nghị bên B thanh toán khi đã hoàn thành việc thu gom, vận chuyển rác;
- Chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận tải là xe chuyên dụng môi trường và công nhân bốc xếp rác thải lên xe;
- Xuất phiếu thu cho bên A khi bên A đã hoàn thành việc thanh toán.

Điều 5: Cam kết chung

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc hai bên sẽ bàn bạc, thương lượng với nhau để điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế và thống nhất thực hiện;

Hai bên có trách nhiệm thực hiện tốt các điều khoản nói trên. Bên nào làm sai thì bên đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 6: Điều khoản hiệu lực và thi hành.

6.1. Hợp đồng này gồm 02 trang, 06 Điều; có hiệu lực kể từ thời điểm đại diện hợp pháp của hai bên ký và đóng dấu.

6.2. Mọi bổ sung, sửa đổi (nếu có) vào hợp đồng này được thực hiện bằng văn bản, do đại diện hợp pháp của hai bên ký mới có hiệu lực pháp lý thi hành.

6.3. Hai bên cam kết tôn trọng các nội dung đã ký và tự giác thực hiện đúng các nội dung ghi tại hợp đồng này.

6.4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025

6.5. Hợp đồng này hết hiệu lực khi:

- Trường hợp một hoặc cả hai bên chưa thực hiện xong nghĩa vụ của mình theo các điều khoản đã ký kết trong Hợp đồng thì Hợp đồng này sẽ được mặc nhiên gia hạn và giữ nguyên giá trị pháp lý cho đến khi cả hai bên hoàn thành xong nghĩa vụ của mình hoặc đến khi hai bên thống nhất ký Hợp đồng mới và thanh lý Hợp đồng này.

- Trường hợp cả hai bên đã hoàn thành xong nghĩa vụ của mình theo các điều khoản đã ký kết trong Hợp đồng này và không có tranh chấp cũng như không có nhu cầu ký tiếp Hợp đồng mới, thì mặc nhiên Hợp đồng được thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản như nhau, mỗi bên liên quan giữ 01 bản để thi hành.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Lê Nhật Thành

ĐẠI DIỆN BÊN B



Điện Anh Quốc



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thị trấn Phố Châu, ngày 08 tháng 12 năm 2021

BIÊN BẢN

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Tên dự án: Duy tu bảo dưỡng bảo trì, sửa chữa, cung cấp, thay thế vật tư, lắp đặt vật liệu lọc hệ thống xử lý nước thải y tế - Trung tâm Y tế Huyện Hương Sơn.

Tên công trình - Gói thầu 01.XL: Duy tu bảo dưỡng bảo trì, sửa chữa, cung cấp, thay thế vật tư, lắp đặt vật liệu lọc hệ thống xử lý nước thải y tế - Trung tâm Y tế Huyện Hương Sơn.

Địa điểm xây dựng: Thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

I. THÀNH PHẦN THAM GIA NGHIỆM THU

1. Đại diện chủ đầu tư: Trung tâm Y tế Huyện Hương Sơn.

- | | |
|-------------------------|------------------------------|
| - Ông: Lê Nhật Thành | Chức vụ: Giám đốc |
| - Ông: Lê Đình Hạnh | Chức vụ: TPTCHC |
| - Ông: Đoàn Đại Nghĩa | Chức vụ: PTPTCHC |
| - Ông: Nguyễn Thành Lợi | Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật. |

2. Đại diện đơn vị thiết kế: Công ty CP TVXD tổng hợp Hòa Phát.

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| - Ông: Nguyễn Sỹ Hòa | Chức vụ: Giám đốc |
| - Ông: Nguyễn Thanh Sâm | Chức vụ: Thiết kế |

3. Nhà thầu thi công: Công ty TNHH xây dựng và môi trường HTC Việt Nam.

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| - Ông: Dư Hoàng Giang | Chức vụ: Giám đốc |
| - Ông: Nguyễn Văn Minh | Chức vụ: Chỉ huy trưởng |

4. Nhà thầu tư vấn giám sát thi công: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hồng Đức.

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| - Ông: Lê Đình Đức | Chức vụ: Giám đốc |
| - Ông: Trần Trọng Nguyên | Chức vụ: Tư vấn giám sát |

II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

Bắt đầu: 09 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 12 năm 2021

Kết thúc: 11 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 12 năm 2021

Tại công trình: Duy tu bảo dưỡng bảo trì, sửa chữa, cung cấp, thay thế vật tư, lắp đặt vật liệu lọc hệ thống xử lý nước thải y tế - Trung tâm Y tế Huyện Hương Sơn.

III. CĂN CỨ NGHIỆM THU

- 1) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được Chủ đầu tư chấp thuận; Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo.
- 2) Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan (Quy chế phối hợp);
- 3) Nhật ký thi công xây dựng công trình;



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thị trấn Phố Châu, ngày 14 tháng 12 năm 2021

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

I. TÊN DỰ ÁN: Duy tu bảo dưỡng bảo trì, sửa chữa, cung cấp, thay thế vật tư, lắp đặt vật liệu lọc hệ thống xử lý nước thải y tế - Trung tâm Y tế Huyện Hương Sơn.

1. Tên công trình: Duy tu bảo dưỡng bảo trì, sửa chữa, cung cấp, thay thế vật tư, lắp đặt vật liệu lọc hệ thống xử lý nước thải y tế - Trung tâm Y tế Huyện Hương Sơn.

2. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Thời gian và địa điểm bàn giao.

Bắt đầu: 14 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 12 năm 2021

Kết thúc: 15 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 12 năm 2021

Tại công trình: Duy tu bảo dưỡng bảo trì, sửa chữa, cung cấp, thay thế vật tư, lắp đặt vật liệu lọc hệ thống xử lý nước thải y tế - Trung tâm Y tế Huyện Hương Sơn.

II. THÀNH PHẦN THAM GIA NGHIỆM THU

1. Đại diện chủ đầu tư: Trung tâm Y tế Huyện Hương Sơn.

- | | |
|-------------------------|-----------------------------|
| - Ông: Lê Nhật Thành | Chức vụ: Giám đốc |
| - Ông: Lê Đình Hạnh | Chức vụ: TPTCHC |
| - Ông: Đoàn Đại Nghĩa | Chức vụ: PTPTCHC |
| - Ông: Nguyễn Thành Lợi | Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật |

2. Đại diện tư vấn thiết kế: Công ty CP TVXD tổng hợp Hòa Phát.

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| - Ông: Nguyễn Sỹ Hòa | Chức vụ: Giám đốc |
| - Ông: Nguyễn Thanh Sâm | Chức vụ: Thiết kế |

3. Đại diện tư vấn giám sát: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hồng Đức.

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| - Ông: Lê Đình Đức | Chức vụ: Giám đốc |
| - Ông: Trần Trọng Nguyên | Chức vụ: Tư vấn giám sát |

4. Nhà thầu thi công: Công ty TNHH xây dựng và môi trường HTC Việt Nam.

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| - Ông: Du Hoàng Giang | Chức vụ: Giám đốc |
| - Ông: Nguyễn Văn Minh | Chức vụ: Chỉ huy trưởng |

III. CĂN CỨ NGHIỆM THU

1) Quyết định phê duyệt dự án số 1126/QĐ-TTYYT ngày 27/10/2021 của Trung tâm Y tế Huyện Hương Sơn;

2) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi bổ sung đã được Chủ đầu tư chấp thuận, Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo;

3) Hồ sơ hoàn công, bản vẽ hoàn công công trình, hạng mục công trình đã được nhà thầu thi công: Công ty TNHH xây dựng và môi trường HTC Việt Nam lập, cán bộ và đơn vị tư vấn giám sát ký xác nhận;

4) Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan (Quy chế phối hợp);

5) Nhật ký thi công xây dựng công trình;

6) BBNT các công việc xây dựng, giai đoạn thi công XD hoặc bộ phận công trình xây dựng đã thực hiện; biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình ngày 08 tháng 12 năm 2021;

7) Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng công trình, khi hoàn thành công trình tại văn bản số: /TB-KT&HT, ngày /12/2021 của Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Hương Sơn;

8) Quy trình vận hành và quy trình bảo trì công trình xây dựng;

9) Các tài liệu khác có liên quan;

IV. ĐÁNH GIÁ

1) Về tiến độ xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng:

Ngày khởi công: 03/11/2021; Ngày hoàn thành: 08/12/2021; đạt yêu cầu.

2) Chất lượng của hạng mục công trình, công trình xây dựng hoàn thành so với nhiệm vụ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và các yêu cầu khác của hợp đồng xây dựng.

- Thi công đạt theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt và những thay đổi bổ sung được chủ đầu tư chấp thuận, phê duyệt;

- Đảm bảo chất lượng, thực hiện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu của hợp đồng đã ký kết.

3) Đánh giá về việc thực hiện các yêu cầu của cơ quan phòng cháy chữa cháy, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, cơ quan chuyên môn về xây dựng và các yêu cầu khác của pháp luật có liên quan.

- Thi công đạt yêu cầu.

4) Các ý kiến khác: Sau khi nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng, trong quá trình sử dụng nếu có hỏng hóc hoặc các vấn đề gì liên quan đến chất lượng thi công thì đơn vị vận hành báo với Ban quản lý hoặc đơn vị thi công để kịp thời sửa chữa khắc phục đảm bảo an toàn trong sử dụng.

V. KẾT LUẬN

- Nhà thầu thi công có trách nhiệm bảo hành công trình theo quy định đã ghi trong hợp đồng (12 tháng).
- Đơn vị quản lý khai thác có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng công trình kể từ thời điểm hết hạn thời gian bảo hành theo quy định của Nhà nước.
- Hội đồng nghiệm thu thống nhất, đồng ý nghiệm thu hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng và bàn giao công trình cho đơn vị sử dụng quản lý, vận hành, khai thác.

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA NGHIỆM THU

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

Giám đốc 

Lê Nhật Thành

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN THIẾT KẾ

Giám đốc 

Nguyễn Sỹ Hòa

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG

Giám đốc 

Dư Hoàng Giang

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT

Giám đốc 

Lê Đình Đức





QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN

ĐỊA ĐIỂM: TỔ DÂN PHỐ 2, THỊ TRẤN PHỐ CHÁU, HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH MẶT BẰNG TỔNG THỂ



1- GIỚI HẠN KHU ĐẤT

KHU ĐẤT LẬP QUY HOẠCH THUỘC PHẠM VI RÀNH GIỚI KHU ĐẤT TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN
TẠI TỔ DÂN PHỐ 2, THỊ TRẤN PHỐ CHÁU, HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH
- PHÍA TÂY BẮC GIÁP: ĐƯỜNG NGUYỄN TUÂN THIÊN (QUY HOẠCH RỘNG 12M)
- PHÍA ĐÔNG BẮC GIÁP: ĐƯỜNG GIAO THÔNG (QUY HOẠCH RỘNG 12M)
- PHÍA ĐÔNG NAM GIÁP: ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ KHU DÂN CƯ HIỆN TRẠNG
- PHÍA TÂY NAM GIÁP: ĐƯỜNG GIAO THÔNG (QUY HOẠCH RỘNG 12M)

RÀNH GIỚI KHU ĐẤT

KHU ĐẤT LẬP QUY HOẠCH ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI ĐƯỜNG NỐI CÁC ĐIỂM MỐC M1, M2, M3 VÀ M4
CÓ DIỆN TÍCH 15430,5 M² (1,54 HA)

2- GHI CHÚ:

- 01) CỐNG VÀO CHÌNH (CỐNG SỐ 1)
- 02) NHÀ TRỤC, BẢO VỆ, CAO 1 TẦNG, DTXD = 24,2M²
- 03) NHÀ NHẢM THEO YẾU CẦU, CAO 1 TẦNG, DTXD = 141,7M²
- 04) KHOA DINH DƯỠNG, CAO 1 TẦNG, DTXD = 135,5M²
- 05) NHÀ BẾP, CAO 1 TẦNG, DTXD = 110,0M²
- 06) GA RA XE Ô TÔ CÁN BỘ CÁN, CAO 1 TẦNG, DTXD = 128,5M²
- 07) GA RA XE 2 BÀNH CÁN BỘ CÁN, CAO 1 TẦNG, DTXD = 205,7M²
- 08) KHOA ĐIỀU TRỊ TÍCH CỰC (N-1), CAO 2 TẦNG, DTXD = 444,9M²
- 09) KHOA SẢN - NGỒI - ĐỒNG Y, CAO 3 TẦNG, DTXD = 825,4M²
- 10) KHOA CHỐNG NHIỄM KHUẨN, CAO 1 TẦNG, DTXD = 401,3M²
- 11) KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI, CAO 1 TẦNG, DTXD = 89,7M²
- 12) KHOA NHIỆT ĐỘ, CAO 2 TẦNG, DTXD = 173,4M²
- 13) NHÀ DẠI THỂ, CAO 1 TẦNG, DTXD = 128,1M²
- 14) TRẠM BẾN ÁP, CAO 1 TẦNG, DTXD = 35,0M²
- 15) TRẠM BƠM, CAO 1 TẦNG, DTXD = 29,8M²
- 16) BỂ NƯỚC SẠCH, DTXD = 80,6M²
- 17) KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ RÁC THẢI, CAO 1 TẦNG, DTXD = 135,3M²
- 18) CỐNG SỐ 2
- 19) CỐNG SỐ 3 (LỐI VÀO GỬI XE DÀNH CHO BỆNH NHÂN)
- 20) GA RA XE 2 BÀNH DÀNH CHO BỆNH NHÂN, CAO 1 TẦNG, DTXD = 695,0M²
- 21) NHÀ HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ VÀ NHẢM CHỮA BỆNH, CAO 5 TẦNG, DTXD = 1089,0M²
- 22) NHÀ CHỤP XQUANG VÀ PHÒNG MỒ, CAO 2 TẦNG, DTXD = 369,6M²
- 23) NHÀ ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ, CAO 3 TẦNG, DTXD = 640,0M²
- 24) BÀI ĐỒ XE, DT=359M²
- 25) BỐN HOA TIỂU CẢNH, BÀI PHUN NƯỚC
- 26) VƯỜN HOA CÂY CẢNH
- 27) CỘT CỜ ĐẢNG VÀ TỔ QUỐC
- 28) HỆ THỐNG HÀNH LANG CẦU, DTXD = 193M²

3- THÔNG SỐ QUY HOẠCH:

DIỆN TÍCH KHU ĐẤT QUY HOẠCH: 15430,5 M²

TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG: 6131,4M², TRONG ĐÓ:

- DIỆN TÍCH XÂY DỰNG ĐÁ CỎ: 2422,2M²

- DIỆN TÍCH XÂY DỰNG MỎI: 3709,2M²

TỔNG DIỆN TÍCH SÂN: 14430,0M²; HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT K<C<93

TẦNG CAO TỐI ĐA: 05 TẦNG

MẬT ĐỘ XÂY DỰNG: 39,70%

DIỆN TÍCH SÂN ĐƯỜNG - BÀI ĐỒ XE: 5435,3M²

DIỆN TÍCH THẨM CỎ - CÂY XANH: 3667,5M²

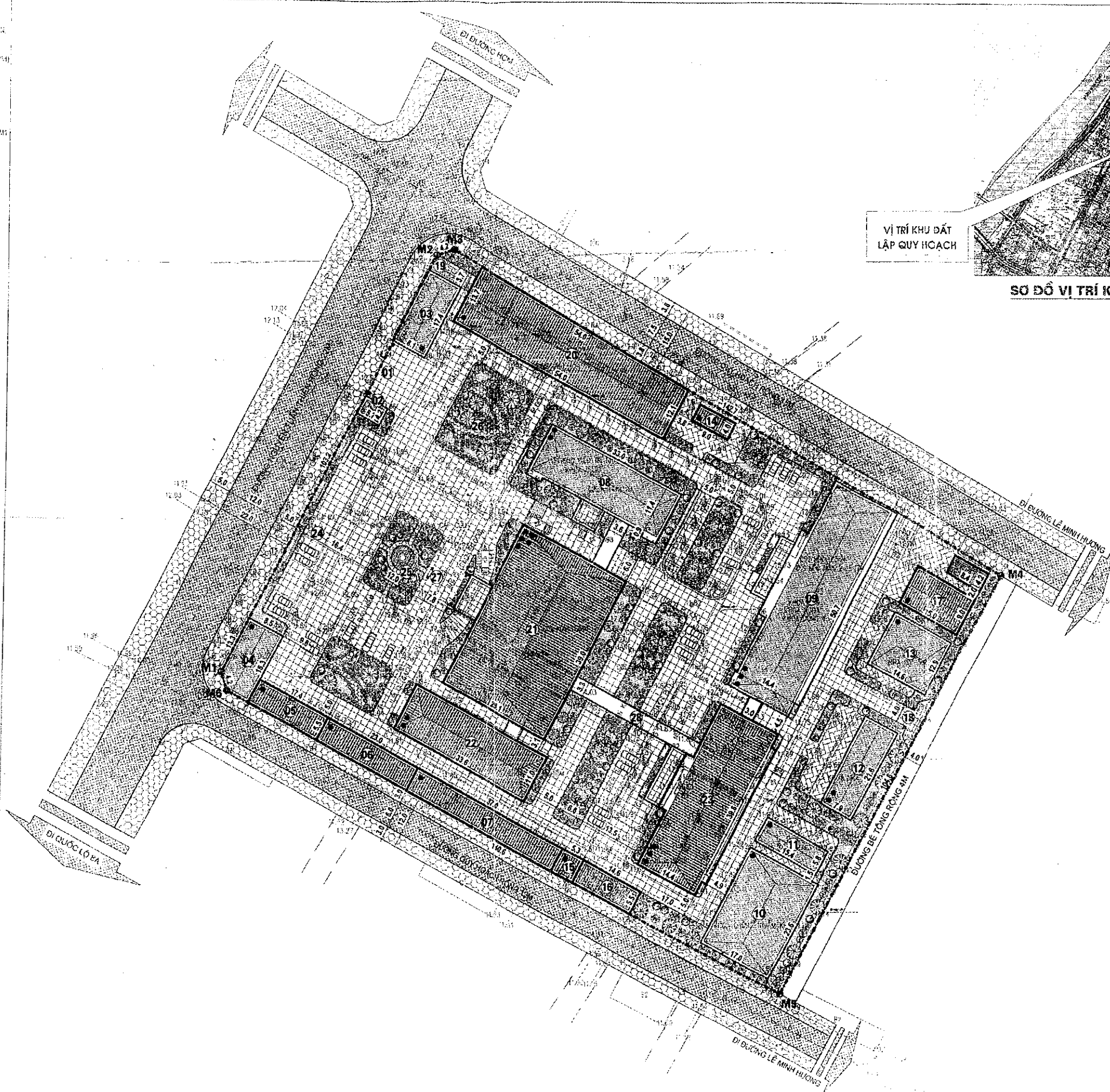
4- KÝ HIỆU QUY HOẠCH:

CÔNG TRÌNH HIỆN TRẠNG

CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỚI

SÂN ĐƯỜNG VỚI BỐ

CÂY XANH THAM CỎ



VỊ TRÍ KHU ĐẤT
LẬP QUY HOẠCH

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT LẬP QUY HOẠCH

TỌA ĐỘ RÀNH GIỚI KHU ĐẤT QH

M1	2047985.781	492002.853
M2	2048077.026	492051.018
M3	2048078.187	492055.021
M4	2048007.237	492178.806
M5	2047915.693	492128.242
M6	2047981.719	492004.101

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ... NGÀY ... THÁNG ... NĂM 2022

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

KÈM THEO VĂN BẢN SỐ: ... NGÀY ... THÁNG ... NĂM 2022

CƠ QUAN SỬ DỤNG:

CHỦ ĐẦU TƯ:

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: ... NGÀY ... THÁNG ... NĂM 2022

CÔNG TRÌNH - DẠNG DẪN:

QUY HOẠCH XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN

ĐỊA ĐIỂM: TỔ DÂN PHỐ 2, THỊ TRẤN PHỐ CHÁU, HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH MẶT BẰNG TỔNG THỂ

BẢN VẼ QH: 01/01

CHỦ TỊCH

THIẾT KẾ

THẺ HIỆN

TRƯỞNG PHÒNG

QUẢN LÝ THIẾT KẾ

P. VIÊN TRƯỞNG

PHÓ VIÊN TRƯỞNG

PHÒNG TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

PHÒNG TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

PHÒNG TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

PHÒNG TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

PHÒNG TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

PHÒNG TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

PHÒNG TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

PHÒNG TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

PHÒNG TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH : DUY TU BẢO DƯỠNG BẢO TRÌ, SỬA CHỮA, CUNG CẤP, THAY THẾ VẬT TƯ, LẮP ĐẶT VẬT LIỆU LỌC
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI Y TẾ - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN.
CHỦ ĐẦU TƯ : TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN.
ĐỊA ĐIỂM XD : THỊ TRẤN PHỐ CHÂU - HUYỆN HƯƠNG SƠN - TỈNH HÀ TĨNH
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP HÒA PHÁT

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



Nguyễn Sỹ Hòa

HÀ TĨNH, NGÀY THÁNG NĂM 2021

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Lê Nhật Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP HÒA PHÁT

ĐCGD : 207, NGUYỄN TRUNG THIÊN, P. THẠCH QUÝ, TP HÀ TĨNH

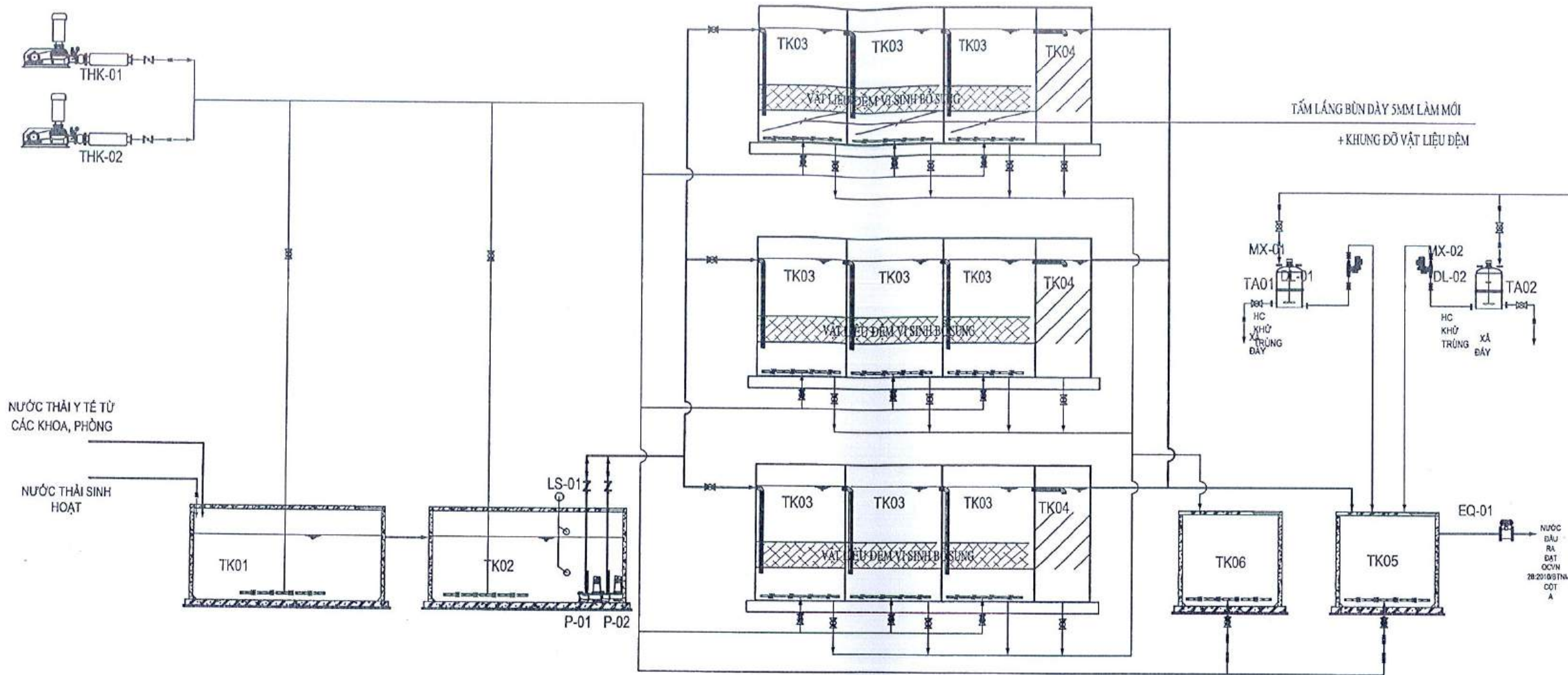
EMAIL: TVHOAPHAT@GMAIL.COM

HÀ TĨNH- NĂM 2021

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG CÔNG TRÌNH:
CÔNG TRÌNH: DUY TU BẢO DƯỠNG BẢO TRÌ, SỬA CHỮA, CUNG CẤP, THAY THẾ VẬT TƯ, LẮP ĐẶT VẬT LIỆU LỌC
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI Y TẾ - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN.

NỘI DUNG CÀI TẠO:

- BỔ SUNG CUNG CẤP, LẮP ĐẶT VẬT LIỆU LỌC ĐỆM VI SINH, KÍCH THƯỚC 1000X500 MM TẠI THIẾT BỊ XỬ LÝ HỢP KHỐI (KHỐI LƯỢNG 15 M3)
 - GIA CÔNG, LẮP ĐẶT THAN HẤP PHỤ MÙI NƯỚC THẢI (KHỐI LƯỢNG 1.500 KG)
 - NUÔI CẤY VI SINH + HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM VI SINH
 - SỬA CHỮA CÁT ỚNG THÉP BỤC HỎNG TẠI CÁC VỊ TRÍ TỪ BỂ ĐIỀU HÒA ĐẾN CÁC THIẾT BỊ HỢP KHỐI VÀ TẮM LẮNG Bùn Đáy
 - TẮY RỈ, VỆ SINH. SƠN LẠI TOÀN BỘ SƠN CHỐNG RỈ 02 LỚP BÊN TRONG VÀ BÊN NGOÀI 02 LỚP SƠN CHỐNG RỈ VÀ SƠN PHỦ 02 LỚP SƠN MÀU XANH LÁ CÂY BÊN NGOÀI THIẾT BỊ HỢP KHỐI VÀ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỚNG
 - CUNG CẤP LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỚNG CẤP HÓA CHẤT ỚNG NHỰA TIỀN PHONG C3 D 27 + VAN + PHỤ KIỆN ĐẤU NỐI (TỪ NHÀ HÓA CHẤT ĐẾN BỂ KHỬ TRÙNG VÀ ĐẾN NGĂN KHUẤY)
 - THÁO MÁY BƠM CHÌM NƯỚC TRONG BỂ ĐIỀU HÒA VÀ SỬA CHỮA, SỬA MÁY BƠM ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT.
 - THÁO VAN CỬ HỒNG, SỬA CHỮA ỚNG, THAY MẶT BÍCH DN 100 VÀ LẮP ĐẶT VAN BƯỚM TAY GẠT MỚI + GIOĂNG, ECU, BULONG M12 (SỐ LƯỢNG 3 BỘ)
 - THÁO VAN CỬ HỒNG, SỬA CHỮA ỚNG, THAY MẶT BÍCH DN 80 VÀ LẮP ĐẶT VAN BƯỚM TAY GẠT MỚI + GIOĂNG, ECU, BULONG M12 (SỐ LƯỢNG 3 BỘ)
 - THÁO VAN CỬ HỒNG, SỬA CHỮA ỚNG, THAY MẶT BÍCH DN 75 VÀ LẮP ĐẶT VAN BƯỚM TAY GẠT MỚI + GIOĂNG, ECU, BULONG M12 (SỐ LƯỢNG 12 BỘ)
 - THÁO VAN CỬ HỒNG, SỬA CHỮA ỚNG, THAY MẶT BÍCH DN 50 VÀ LẮP ĐẶT VAN BƯỚM TAY GẠT MỚI + GIOĂNG, ECU, BULONG M12 (SỐ LƯỢNG 12 BỘ)
 - CUNG CẤP LẮP ĐẶT TỦ ĐIỆN CHẠY TỰ ĐỘNG THỜI GIAN CHO 02 MÁY THỔI KHÍ CHẠY THỜI GIAN VÀ SỬA CHỮA ĐẤU NỐI LẠI THIẾT BỊ MÁY BƠM NƯỚC, MÁY KHUẤY TRỘN HÓA CHẤT, BƠM ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT + LẮP ĐẶT DÂY PHẠO BƠM 40MD 2X1 + ỚNG BẢO VỆ DÂY ĐIỆN + PHẠO BƠM.
- BẢO DƯỠNG MÁY THỔI KHÍ VÀ MÁY KHUẤY, MÁY BƠM ĐỊNH LƯỢNG, MÁY BƠM CHÌM.
- LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỚNG MỚI NHỰA TIỀN PHONG D110 THOÁT RA HỐ GA MỚI + PHỤ KIỆN ĐẤU NỐI. (PHÁ BÊ TÔNG SAN VÀ ĐÀO, LẮP ĐẶT, SAN LẤP VÀ ĐỔ LẠI BÊ TÔNG SÀN). CHIỀU DÀI ỚNG L=8.0M, DIỆN TÍCH SÀN S=11 M2)
 - GIA CÔNG, LẮP ĐẶT BỂ ĐẦU RA LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ VÀ HỒ NƯỚC LẤY MẪU. CÓ NÁP DẬY MỎ LÊN XUỐNG. VẬT LIỆU BẰNG THÉP DẪY 5 LY. KÍCH THƯỚC DÀI 850 X NGANG 500 X CAO 700. CÓ VÁCH NGĂN VÀ TĂNG CỨNG + MẶT BÍCH ĐẦU VÀO VÀ ĐẦU RA, ECU, BULONG.
 - CUNG CẤP, LẮP ĐẶT ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG NƯỚC THẢI ĐẦU RA, DN 65 - NHẬP KHẨU
 - TẮY GỈ, ĐÁNH SƠN LẠI TOÀN BỘ MẶT BÍCH, Ê CU, BULONG , GIOĂNG CAO SU MẶT BÍCH
- THÁO RỖ LỚP VẬT LIỆU LỌC CŨ VÀ XỬ LÝ THAY THẾ TẮM LẮNG, THU Bùn THẢI Đáy BỂ VẬT LIỆU BẰNG THÉP TẮM DẪY 5LY + SƠN CHỐNG RỈ (SL= 09 KHOANG)
- SỬA CHỮA, THAY HỆ THỐNG SÀN ĐỒ VẬT LIỆU LỌC NƯỚC BẰNG SẮT ỚNG HÀN THOÁNG + SƠN CHỐNG RỈ.
 - SỬA CHỮA, HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ TRONG BỂ HIẾU KHÍ, BẰNG ỚNG NHỰA TIỀN PHONG VÀ PPR + PHỤ KIỆN.
- GIA CÔNG KHUNG BẰNG INOX VÀ LẮP ĐẶT LƯỚI NHỰA NGĂN RÁC VÀO MÁY BƠM NƯỚC THẢI THẢ CHÌM BỂ ĐIỀU HÒA.
- LẮP ĐẶT KHỚP NỐI MỀM DN65 + ECU CHO CÁC CABIN XỬ LÝ (SL=13 BỘ)
- ĐÁNH RỈ, MÀI TRÀ CÁC TÊ CỨT, BÍCH HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỚNG THU Bùn, HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỚNG CẤP KHÍ, HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỚNG THU NƯỚC SAU XỬ LÝ, ĐƯỜNG ỚNG BƠM VÀ PHUN SƠN CHỐNG RỈ 02 LỚP VÀ PHUN SƠN PHỦ SƠN MÀU XANH KẼM LÁ CÂY.
 - ĐÁNH GỈ, SƠN LẠI TOÀN BỘ NHÀ TRẠM VÀ MÁI CHE THIẾT BỊ XỬ LÝ, SƠN TƯỜNG RÀO VÀ SƠN CỬA NHÀ TRẠM HIỆN TRẠNG, SƠN 1 NƯỚC LÓT, 2 NƯỚC PHỦ HOÀN THIỆN



SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SAU CẢI TẠO

- BỔ SUNG CUNG CẤP, LẮP ĐẶT VẬT LIỆU LỌC ĐỆM VI SINH, KÍCH THƯỚC 1000X500 MM TẠI THIẾT BỊ XỬ LÝ HỢP KHỐI (KHỐI LƯỢNG 15 M3)
 - GIA CÔNG, LẮP ĐẶT THAN HẤP PHỤ MÙI NƯỚC THẢI (KHỐI LƯỢNG 1.500 KG)
 - NUÔI CẤY VI SINH + HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM VI SINH

KÍ HIỆU:

- : ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
- : ĐƯỜNG NƯỚC SẠCH
- : ĐƯỜNG BÙN
- : ĐƯỜNG HÓA CHẤT
- : ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ THỎ
- ▨ : ĐỆM VI SINH

GHI CHÚ:

TK01	BỂ THU GOM	THK-01	MÁY THỔI KHÍ 1	MX-01	KHUẤY HÓA CHẤT 1
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	THK-02	MÁY THỔI KHÍ 2	MX-02	KHUẤY HÓA CHẤT 2
TK03	BỂ HIẾU KHÍ	P-01	BƠM NƯỚC THẢI 1	DL-01	BƠM ĐỊNH LƯỢNG 1
TK04	BỂ LẮNG	P-02	BƠM NƯỚC THẢI 2	DL-02	BƠM ĐỊNH LƯỢNG 2
TK05	BỂ KHỬ TRÙNG	LS-01	THIẾT BỊ BẢO MỨC	EQ-01	ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG
TK06	BỂ CHỨA VÀ NÉN BÙN		TA01	TANK HÓA CHẤT 1	
			TA02	TANK HÓA CHẤT 2	

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER
TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN HƯƠNG SƠN

CÔNG TRÌNH/PROJECT:
 DUY TU BẢO DƯỠNG BẢO TRÌ, SỬA CHỮA, CUNG CẤP, THAY THẾ VẬT TƯ, LẮP ĐẶT VẬT LIỆU LỌC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI Y TẾ - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN.

ĐỊA ĐIỂM/LOCATION:
 HUYỆN HƯƠNG SƠN - TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG TỔNG HỢP HÒA PHÁT

ĐC: 207, Nguyễn Trung Thiệu, P. Thạch Quý, tp Hà Tĩnh
 Email: hophat@gmail.com

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR:

NGUYỄN SỸ HÒA

CHỦ TRƯỞNG/PRESIDENT BY:

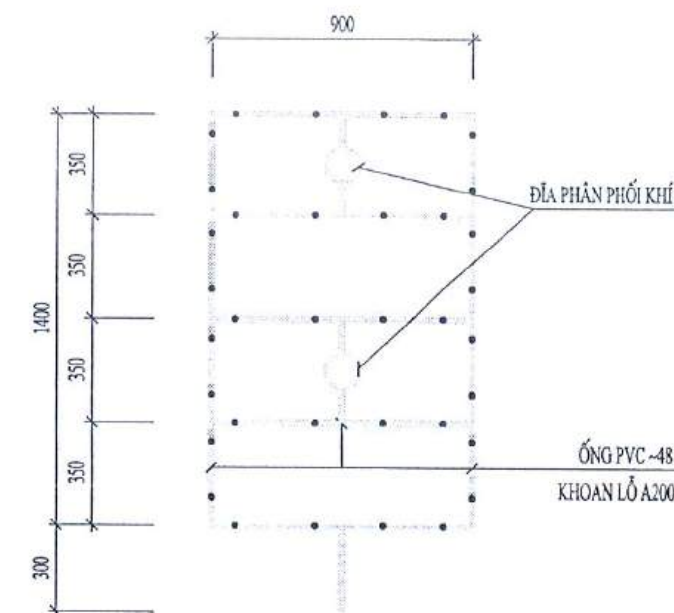
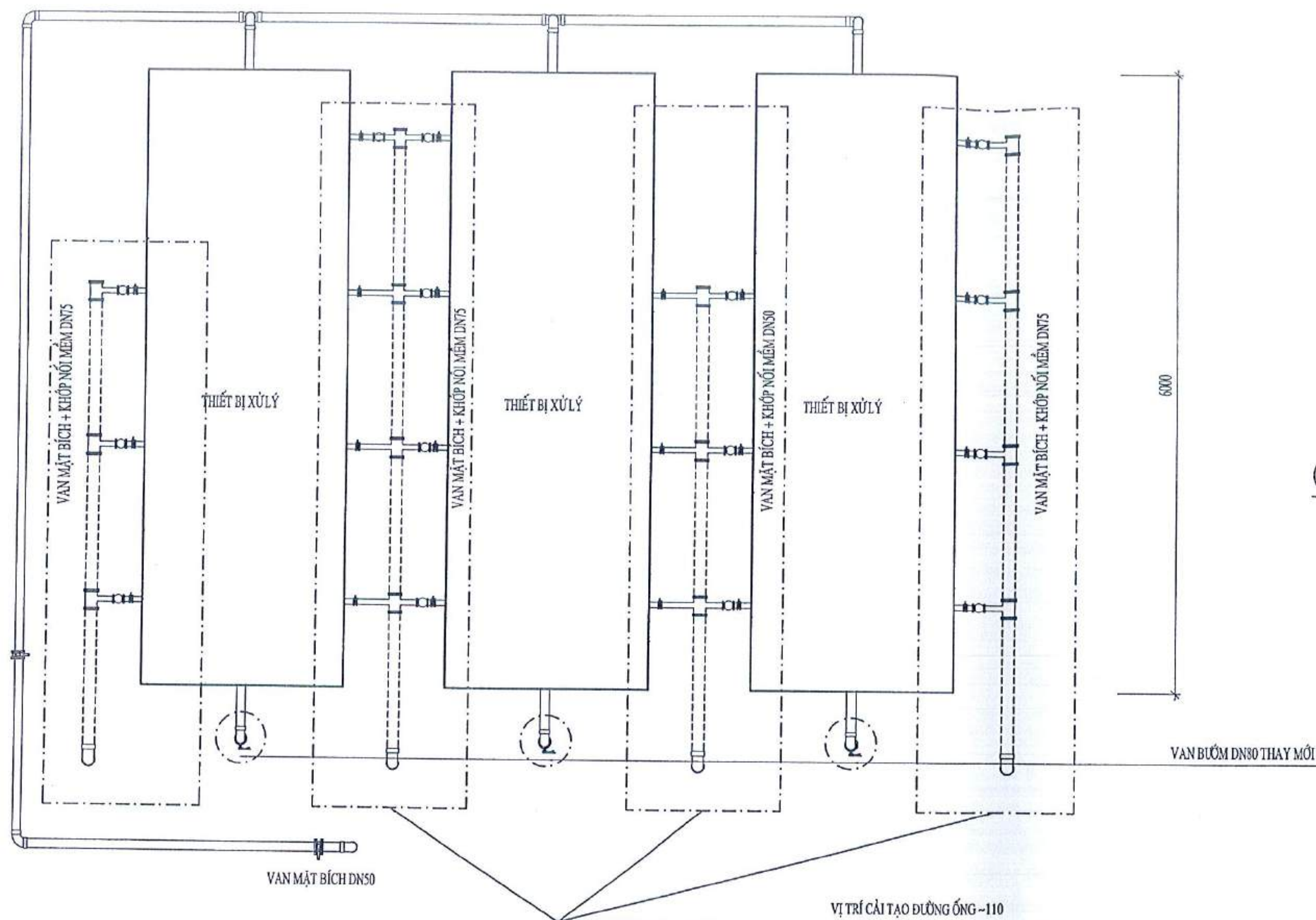
KS: NGUYỄN THANH SÂM

THIẾT KẾ/DESIGN BY:

KS: NGUYỄN VĂN ĐOÀN

TÊN BẢN VẼ/DRG NAME:
SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SAU CẢI TẠO

BỘ HỒ SƠ/STAGE:	BẢN VẼ X.T.T.C
TỶ LỆ/SCALE:	SỐ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY PHÁT HÀNH: THÁNG.../2021	KT: 01



CHI TIẾT 01 CẤU KIỆN PHÂN PHỐI KHÍ
(SL=12 CK)

MẶT BẰNG CÀI TẠO ĐƯỜNG ỐNG LẮNG BÙN THIẾT BỊ XỬ LÝ

NỘI DUNG CÀI TẠO:

- THÁO DỖ TOÀN BỘ ĐƯỜNG ỐNG THU BÙN TẠI CÁC THIẾT BỊ XỬ LÝ + HỆ THỐNG VAN XOAY HIỆN TRẠNG, THAY MỚI ĐƯỜNG ỐNG MẠ KÉM ~110 VÀ ĐƯỜNG ỐNG THU BÙN TỪ ỐNG 110 ĐẾN THIẾT BỊ XỬ LÝ (ỐNG ~50)
- THAY MỚI TOÀN BỘ VAN BUỒM + MẶT BÍCH + BULONG CHO CÁC THIẾT BỊ XỬ LÝ VÀ TỪ THIẾT BỊ XỬ LÝ ĐẾN BỂ ĐIỀU HÒA

SỬA CHỮA ĐƯỜNG
ỐNG + VAN THIẾT BỊ
XỬ LÝ

CẤU KIỆN	STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN VỊ
ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ (SL=12 CK)	1	ống nhựa PVC D48	7.6	m
	2	Cút nhựa PVC D48	4	cái
	3	Tê nhựa PVC D48	7	cái
SỬA CHỮA ĐƯỜNG ỐNG + VAN THIẾT BỊ XỬ LÝ	1	Đường ống D110 tháo dỡ, thay mới	21	m
	2	Đường ống D50 tháo dỡ, thay mới	10	m
	1	Van xoay tháo dỡ, thay mới van kẹp DN100 (1 bộ gồm van kẹp + mặt bích + ecu + bulong)	3	bộ
	2	Van xoay tháo dỡ, thay mới van kẹp DN80 (1 bộ gồm van kẹp + mặt bích + ecu + bulong)	3	bộ
	3	Van xoay tháo dỡ, thay mới van kẹp DN75 (1 bộ gồm van kẹp + mặt bích + ecu + bulong)	12	bộ
	4	Van xoay tháo dỡ, thay mới van kẹp DN50 (1 bộ gồm van kẹp + mặt bích + ecu + bulong)	12	bộ

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER
**TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN HƯƠNG SƠN**

CÔNG TRÌNH/PROJECT:
DUY TU BẢO DƯỠNG BẢO TRÌ, SỬA CHỮA, CUNG CẤP,
THAY THẾ VẬT TƯ, LẮP ĐẶT VẬT LIỆU LOẠI HỒ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI Y TẾ - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN.

ĐỊA ĐIỂM/LOCATION:
HUYỆN HƯƠNG SƠN - TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG TỔNG HỢP HÒA PHÁT**

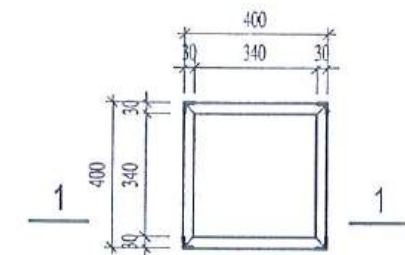
ĐC: 207, Nguyễn Trung Thiên, P. Thạch Quý, tp Hà Tĩnh
Email: tvhoaphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
NGUYỄN SỸ HÒA
CHỦ TRƯỞNG/PRESIDED BY:

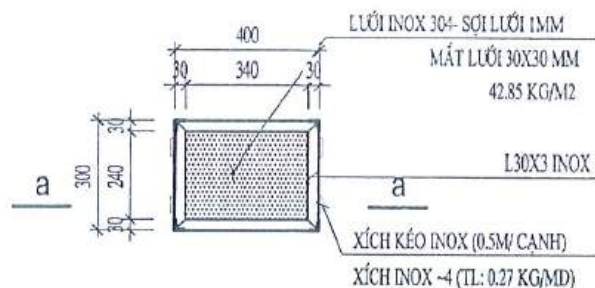
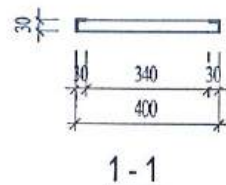

KS: NGUYỄN THANH SÂM
THIẾT KẾ/DESIGN BY:


KS: NGUYỄN VĂN ĐOÀN
TÊN BẢN VẼ/DWG NAME
**CHI TIẾT CÀI TẠO CABIN
XỬ LÝ**

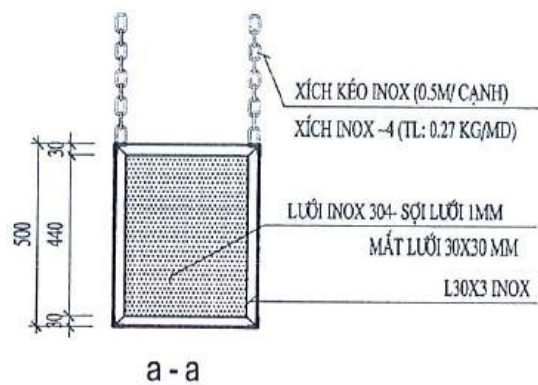
BỘ HỒ SƠ/STAGE: BẢN VẼ K.T.T.C
TỶ LỆ/SCALE: SỐ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY PHÁT HÀNH: THÁNG 01/2021
KT: 01



Mặt bằng khung treo rọ chứa rác
(sl=01 ck; inox 304)



Mặt bằng rọ chứa rác
(sl=01 ck; inox 304)



BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP									
TÊN C.KIỆN		SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
						1 C.KIỆN	T.BỘ		
ro	Khung treo	1	 LDC 32x3 Inox		400	4	4	1.6	2.34
	Số lượng: 1	1	 LDC 32x3 Inox		400	4	4	1.6	2.34
		2	 LDC 32x3 Inox		300	4	4	1.2	1.75
		3	 LDC 32x3 Inox		500	4	4	2	2.92
- Trọng lượng: LDC 32x3 = 9.35 kg; Chiều dài = 6.4 mét									

- Trọng lượng: LDC 32x3 = 9.35 kg; Chiều dài = 6.4 mét

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER

TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN HƯƠNG SƠN

CÔNG TRÌNH/PROJECT:

DUY TU BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA, CUNG CẤP,
THAY THẾ VẬT TƯ LẮP ĐẶT VẬT LIỆU LỌC HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI Y TẾ - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN.

ĐỊA ĐIỂM/LOCATION:

HUYỆN HƯƠNG SƠN - TỈNH HÀ TĨNH



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG TỔNG HỢP HÒA PHÁT

ĐC: 207, Nguyễn Trung Thiên, P. Thạch Quý, tp Hà Tĩnh
Email: hieophat@gmail.com

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR:



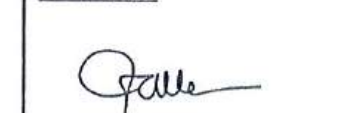
NGUYỄN SỸ HÒA

CHỦ TRƯỞNG/PRESIDED BY:



KS: NGUYỄN THANH SÂM

THIẾT KẾ/DESIGN BY:



KS: NGUYỄN VĂN ĐOÀN

TÊN BẢN VẼ/DWG NAME

TẮM LẮNG + RỌ CHẮN RÁC

BỘ HỒ SƠ/STAGE:

BẢN VẼ K.T.T.C

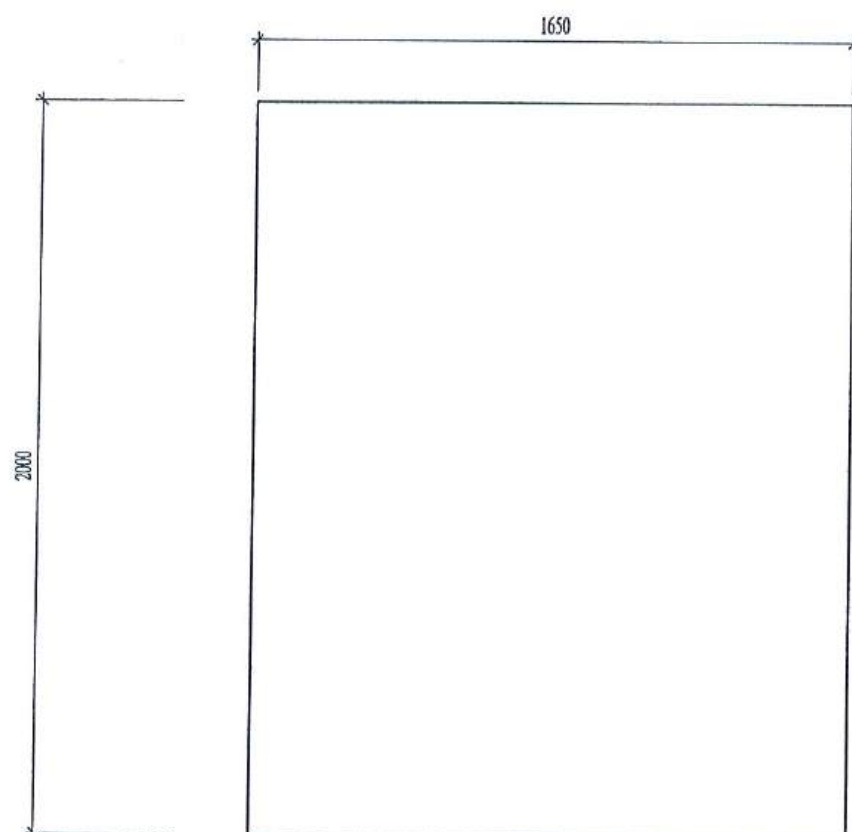
TỶ LỆ/SCALE:

SỐ HIỆU BẢN VẼ

NGÀY PHÁT HÀNH:

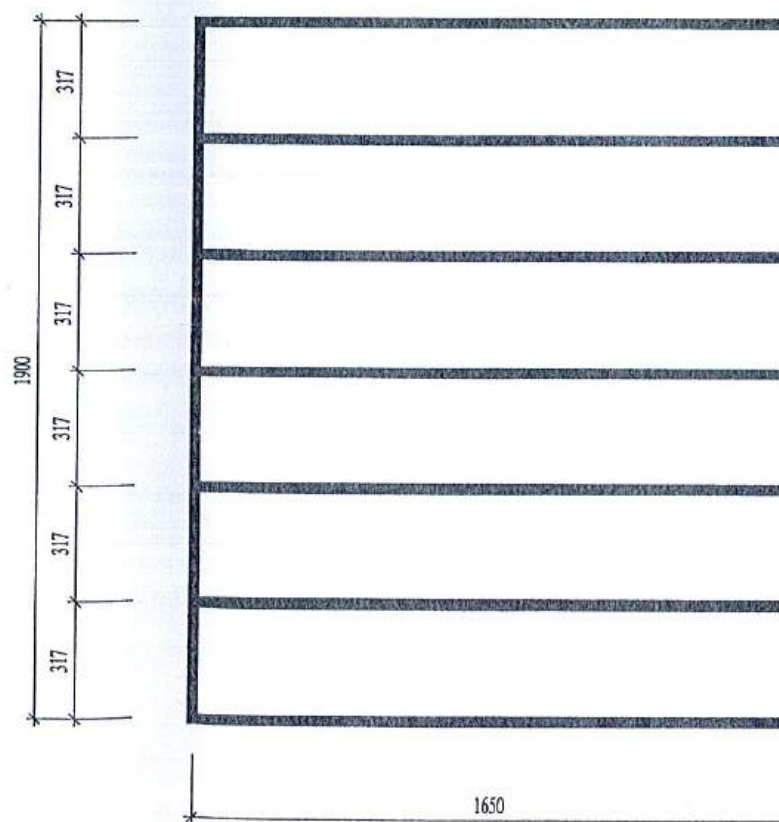
KT : 01

THÁNG: 01/2021



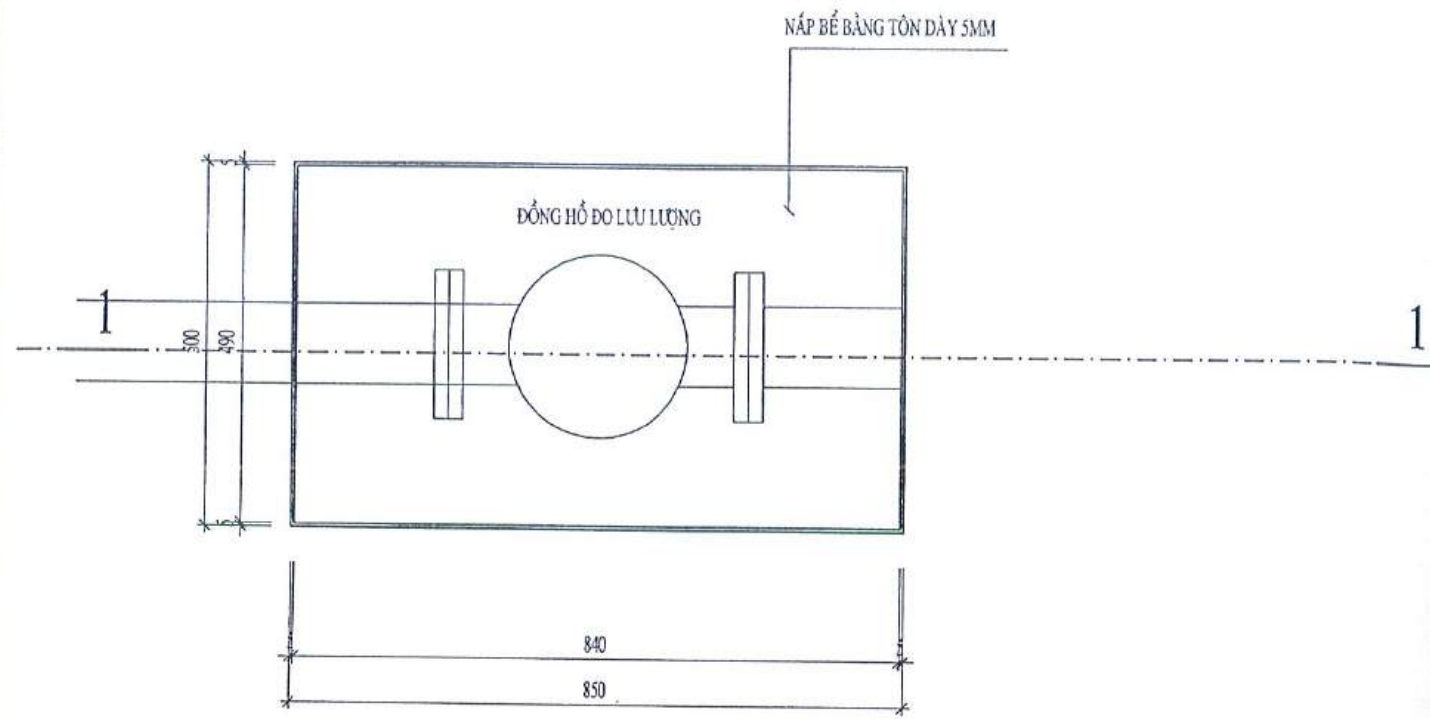
CHI TIẾT TẮM LẮNG BÙN LÀM MỚI (SL=09 CK)

(THÉP TẮM DÂY 5MM)

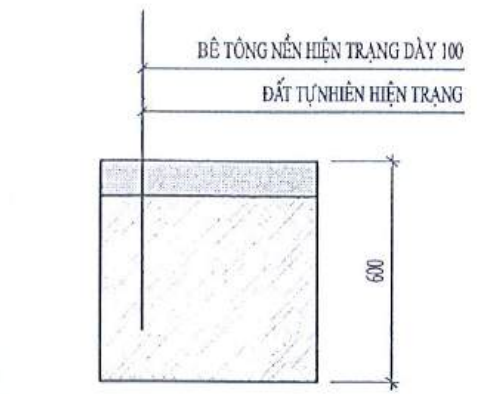


CHI TIẾT KHUNG ĐỖ VẬT LIỆU LỌC LÀM MỚI (SL=09 CK)

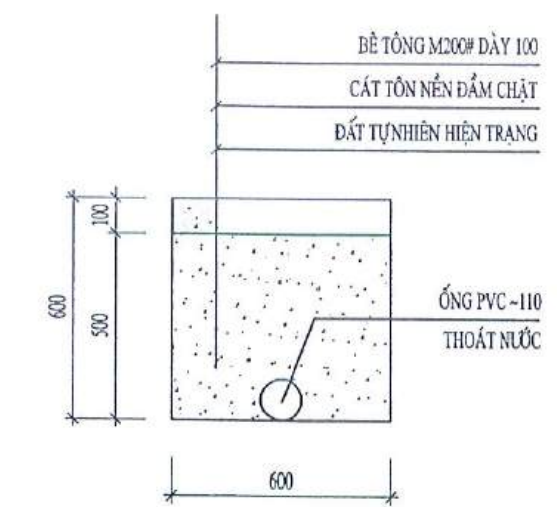
(THÉP ỐNG MẠ KẼM ~32X2 MM; L=15.35 M/ CK)



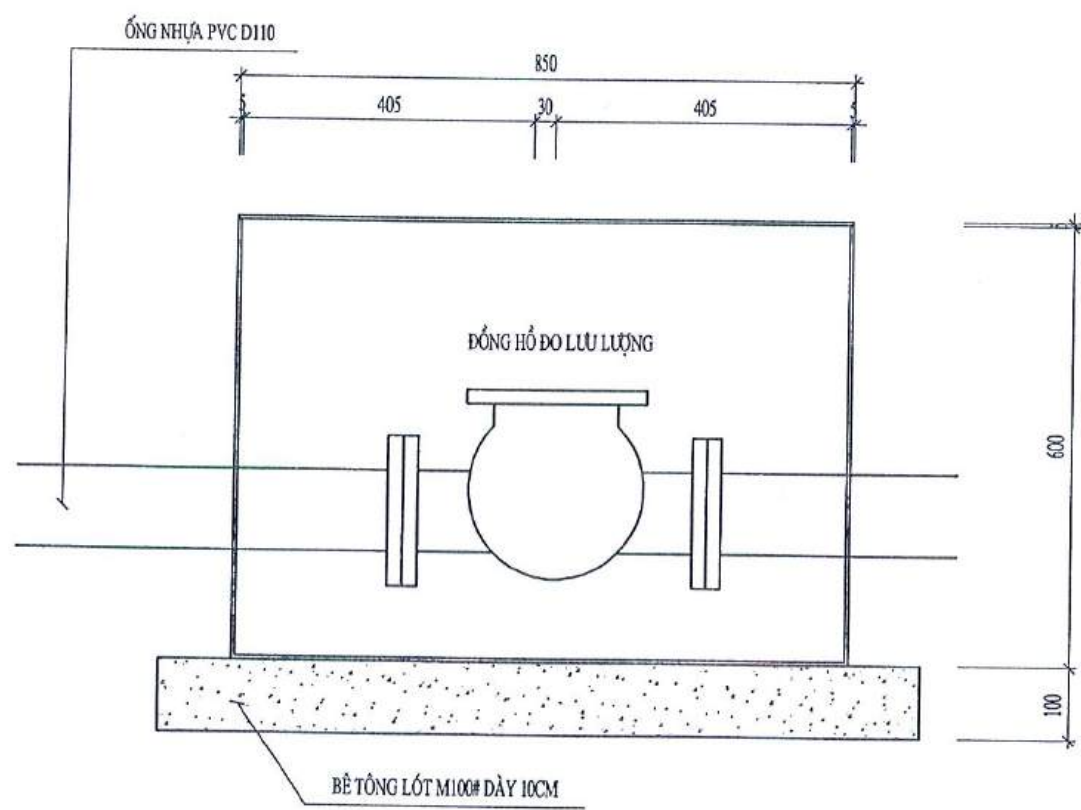
MẶT BẰNG BỂ LẤY MẪU



MẶT CẮT NỀN HIỆN TRẠNG



MẶT CẮT HÀO ĐẶT ỐNG
(SL=1CK; L=8.0 M)



MẶT CẮT 1 - 1 QUA BỂ LẤY MẪU

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER
**TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN HƯƠNG SƠN**

CÔNG TRÌNH/PROJECT:
DUY TU BẢO DƯỠNG BẢO TRÌ, SỬA CHỮA, CUNG CẤP,
THAY THẾ VẬT TƯ, LẮP ĐẶT VẬT LIỆU LOẠCH THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI Y TẾ - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN.

ĐỊA ĐIỂM/LOCATION:
HUYỆN HƯƠNG SƠN - TỈNH HÀ TĨNH

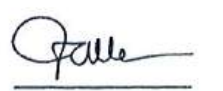


**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG TỔNG HỢP HÒA PHÁT**

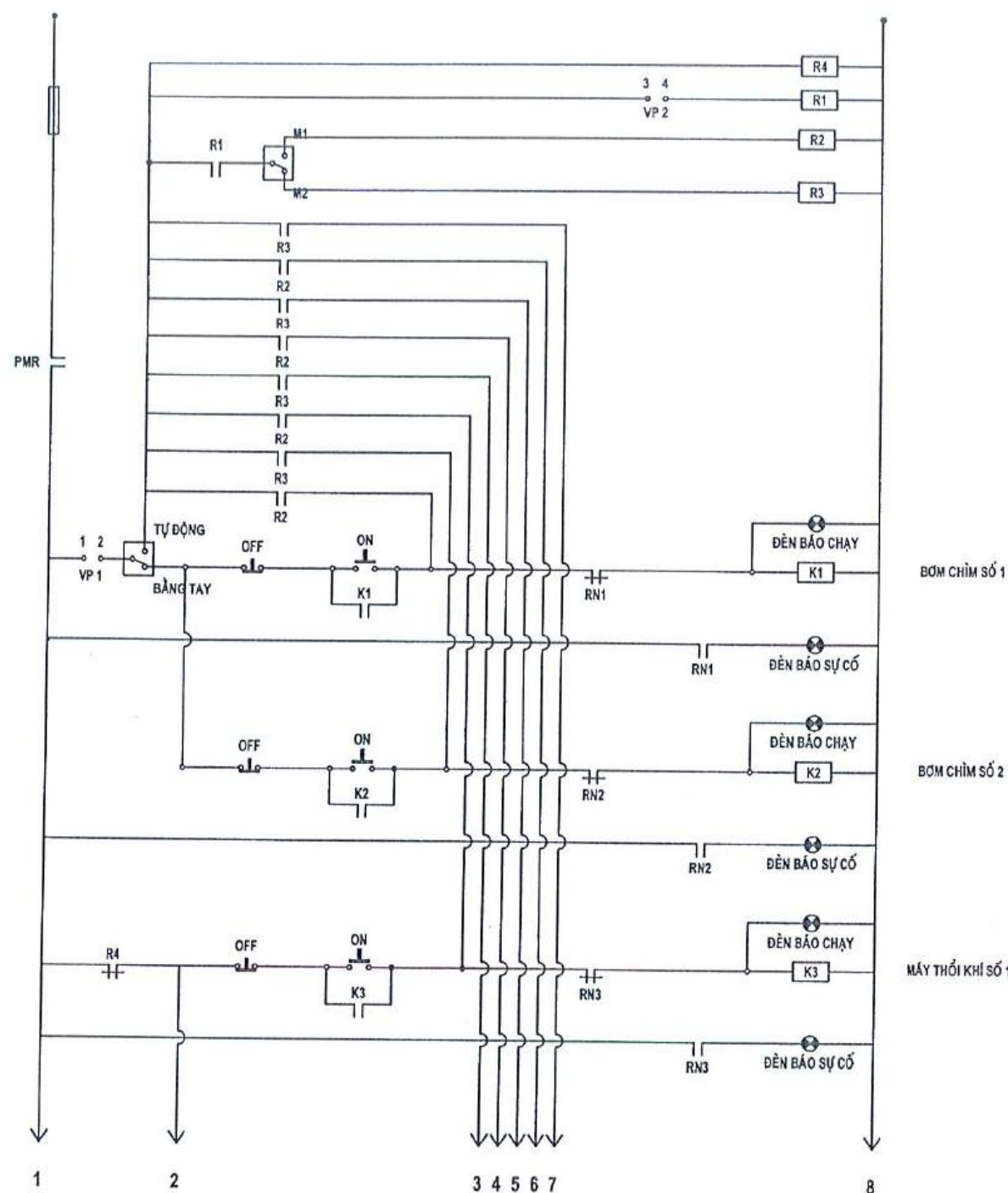
ĐC: 207, Nguyễn Trung Thiên, P. Thạch Quý, tp Hà Tĩnh
Email: nhohaphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR:

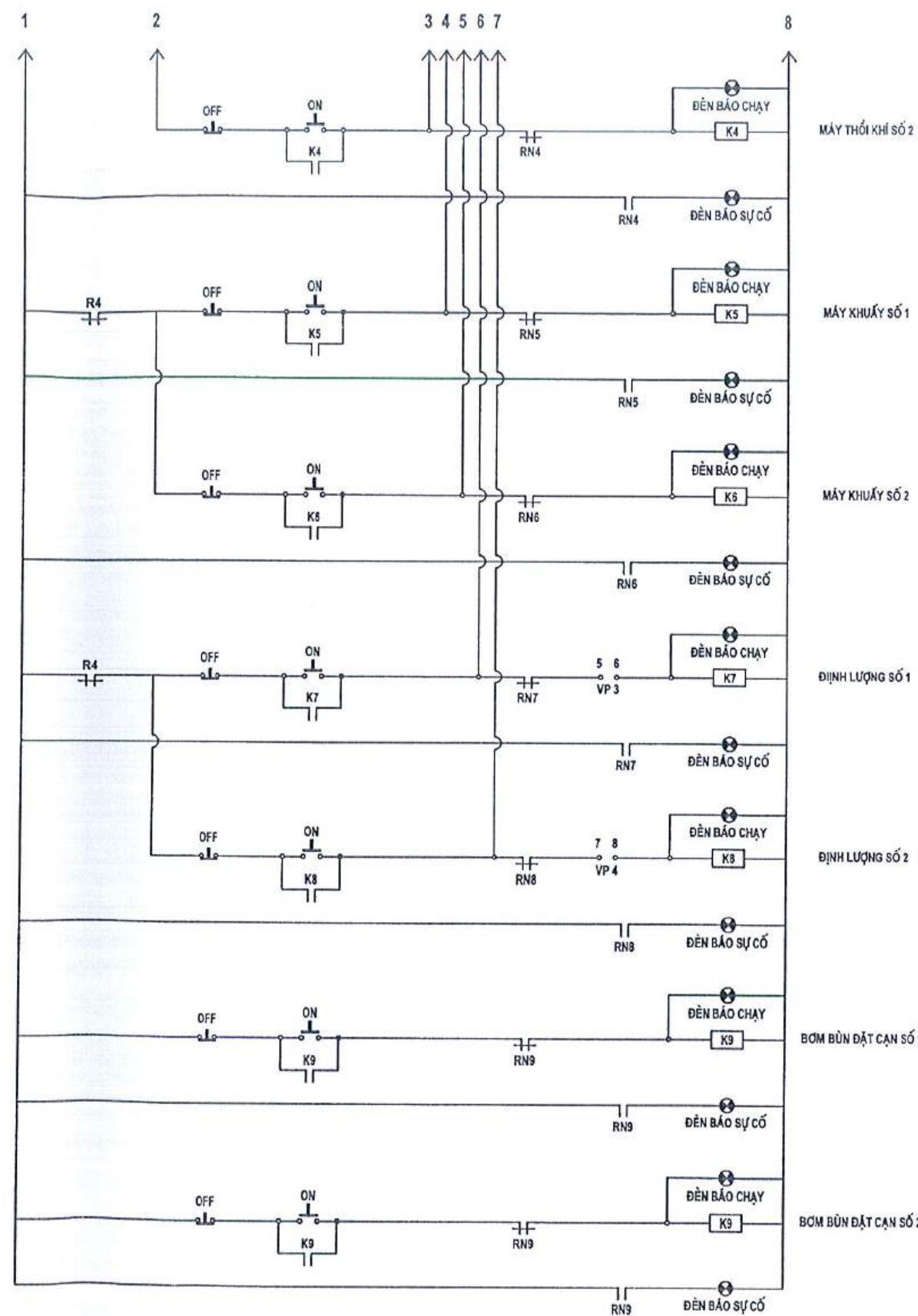
NGUYỄN SỸ HÒA
CHỦ TRƯỞNG/PRESIDENT BY:

KS: NGUYỄN THANH SÂM
THIẾT KẾ/DESIGN BY:

KS: NGUYỄN VĂN ĐOÀN
TÊN BẢN VẼ/DWG NAME:
BỂ LẤY MẪU

BỘ HỒ SƠ/STAGE:	BẢN VẼ K.T.T.C
TỶ LỆ/SCALE:	SỐ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY PHÁT HÀNH: THÁNG...../2021	KT: 01



SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỦ ĐIỀU KHIỂN BƠM (BỔ SUNG)



LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER

TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN HƯƠNG SƠN

CÔNG TRÌNH/PROJECT:

DUY TU BẢO DƯỠNG BẢO TRÌ, SỬA CHỮA, CUNG CẤP,
THAY THẾ VẬT TƯ, LẮP ĐẶT VẬT LIỆU LỌC HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI Y TẾ - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN

ĐỊA ĐIỂM/LOCATION:

HUYỆN HƯƠNG SƠN - TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG TỔNG HỢP HÒA PHÁT

ĐC: 207, Nguyễn Trung Thiên, P. Thạch Quý, tp Hà Tĩnh
Email: nhohaphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR:

NGUYỄN SỸ HOA

CHỦ TRƯỞNG/DESIGN BY:

KS: NGUYỄN THANH SÂM

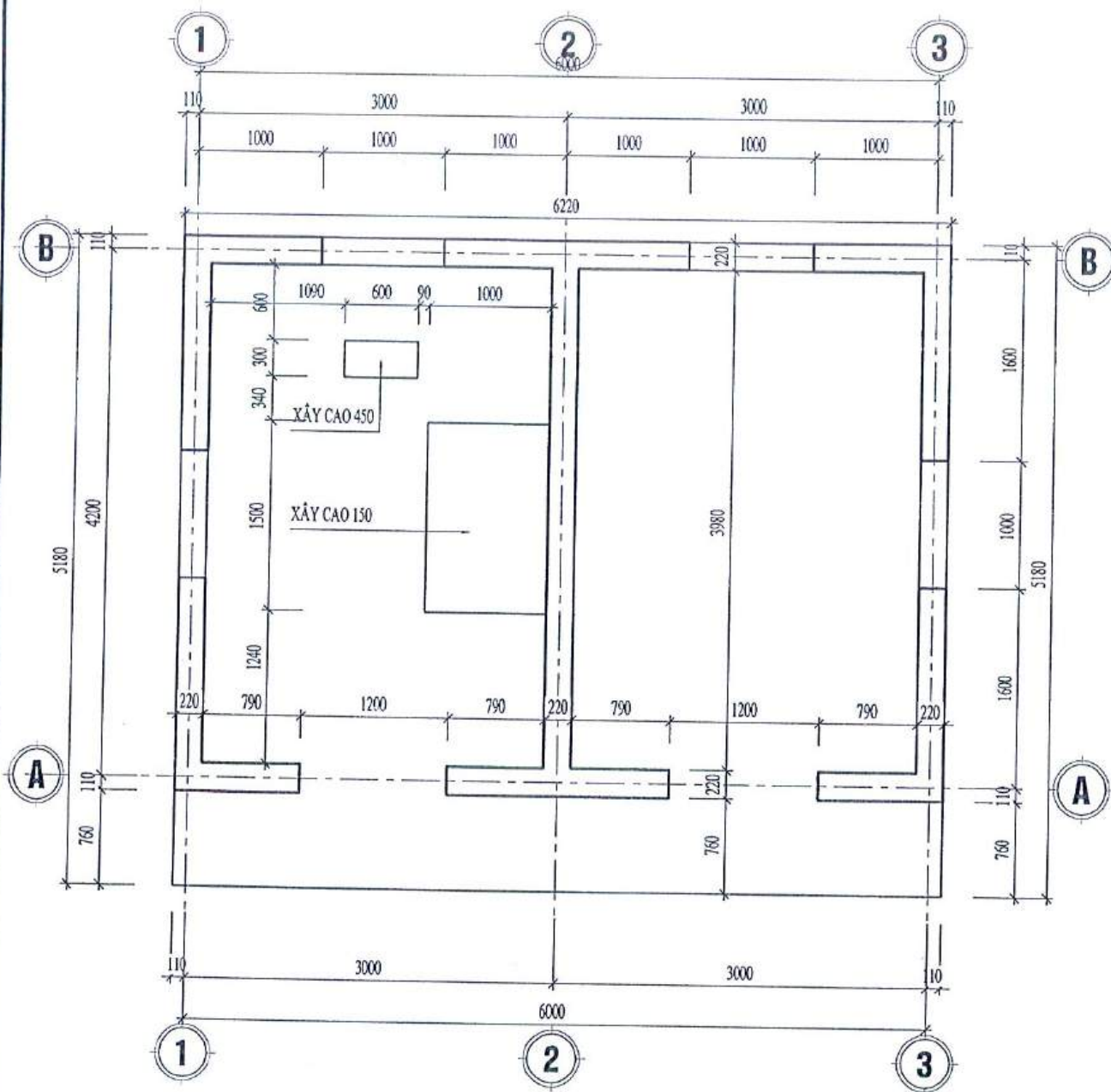
THIẾT KẾ/DESIGN BY:

KS: NGUYỄN VĂN ĐOAN

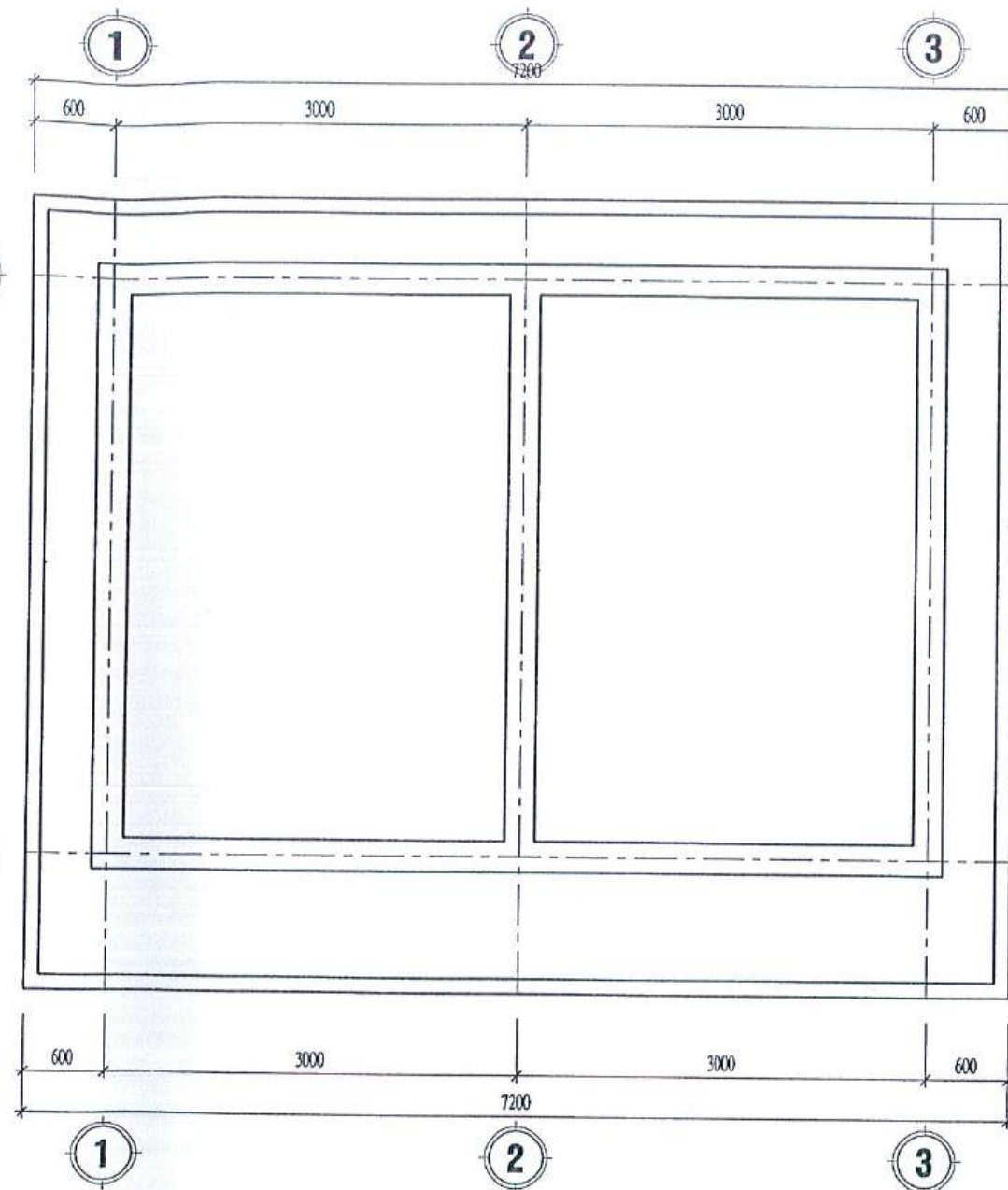
TÊN BẢN VẼ/DWG NAME

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỦ
ĐIỆN

BỘ HỒ SƠ/STAGE:	BẢN VẼ K.T.C
TỶ LỆ/SCALE:	SỐ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY PHÁT HÀNH:	KT: 01
THÁNG: /2011	



MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TẦNG 1



MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TẦNG MÁI

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER

TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN HƯƠNG SƠN

CÔNG TRÌNH/PROJECT:

DUY TU SÁO DƯỠNG BẢO TRÌ, SỬA CHỮA, CUNG CẤP
THAY THẾ VẬT TƯ, LẮP ĐẶT VẬT LIỆU LỌC HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI Y TẾ - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN

ĐỊA ĐIỂM/LOCATION:

HUYỆN HƯƠNG SƠN - TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG TỔNG HỢP HÒA PHÁT

ĐC: 207, Nguyễn Trung Thiên, P. Thạch Quý, tp Hà Tĩnh
Email: hhoaphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



CHỦ TRƯỞNG/RESIDED BY:

[Signature]

KS: NGUYỄN THANH SÂM

THIẾT KẾ/DESIGN BY:

[Signature]

KS: NGUYỄN VĂN ĐOÀN

TÊN BẢN VẼ/DWG NAME

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG
CÁC HẠNG MỤC TRẠM
XỬ LÝ

ĐỒ HỒ SƠ/STAGE:

BẢN VẼ K.T.T.C

TỶ LỆ/SCALE:

SỐ HIỆU BẢN VẼ

NGÀY PHÁT HÀNH:
THÁNG/2021

KT: 01

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER

TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN HƯƠNG SƠN

CÔNG TRÌNH/PROJECT:

DUY TU BẢO DƯỠNG BẢO TRÌ SỬA CHỮA, CUNG CẤP,
THAY THẾ VẬT TƯ, LẮP ĐẶT VẬT LIỆU LỌC HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI Y TẾ - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN.

ĐỊA ĐIỂM/LOCATION:

HUYỆN HƯƠNG SƠN - TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG TỔNG HỢP HÒA PHÁT

ĐC: 207, Nguyễn Trung Thiên, P. Thạch Quý, tp Hà Tĩnh
Email: tvhoaphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR:



NGUYỄN SY HÒA

CHỦ TRƯỞNG/DESIGNED BY:

[Signature]

KS: NGUYỄN THANH SÂM

THIẾT KẾ/DESIGN BY:

[Signature]

KS: NGUYỄN VĂN ĐOÀN

TÊN BẢN VẼ/DWG NAME

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG
CÁC HẠNG MỤC TRẠM
XỬ LÝ

ĐỘ THOÁI/STAGE:

BẢN VẼ K.T.T.C

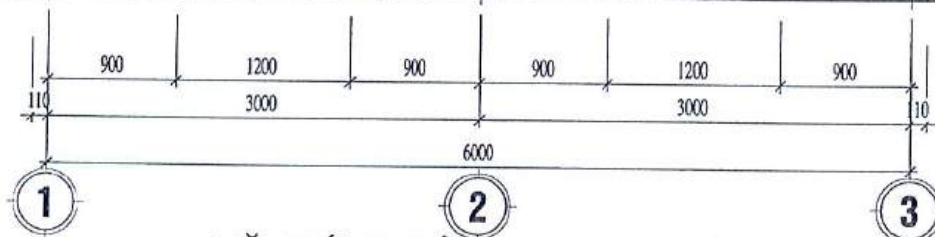
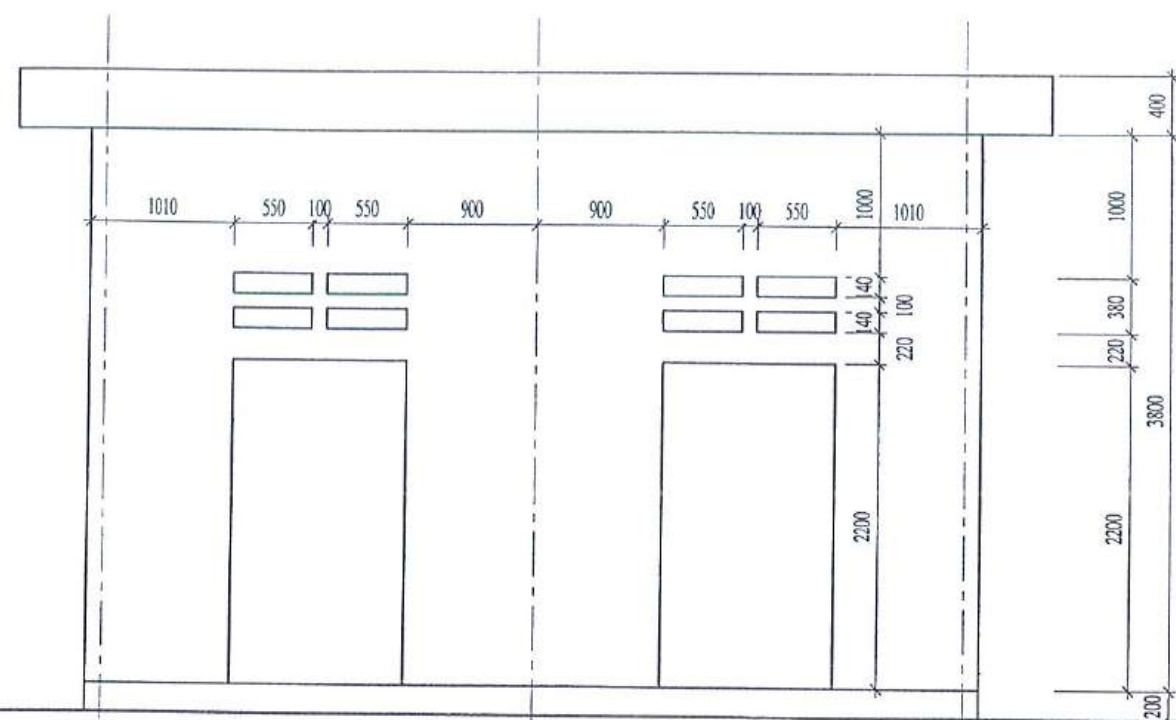
TỶ LỆ/SCALE:

SỐ HIỆU BẢN VẼ

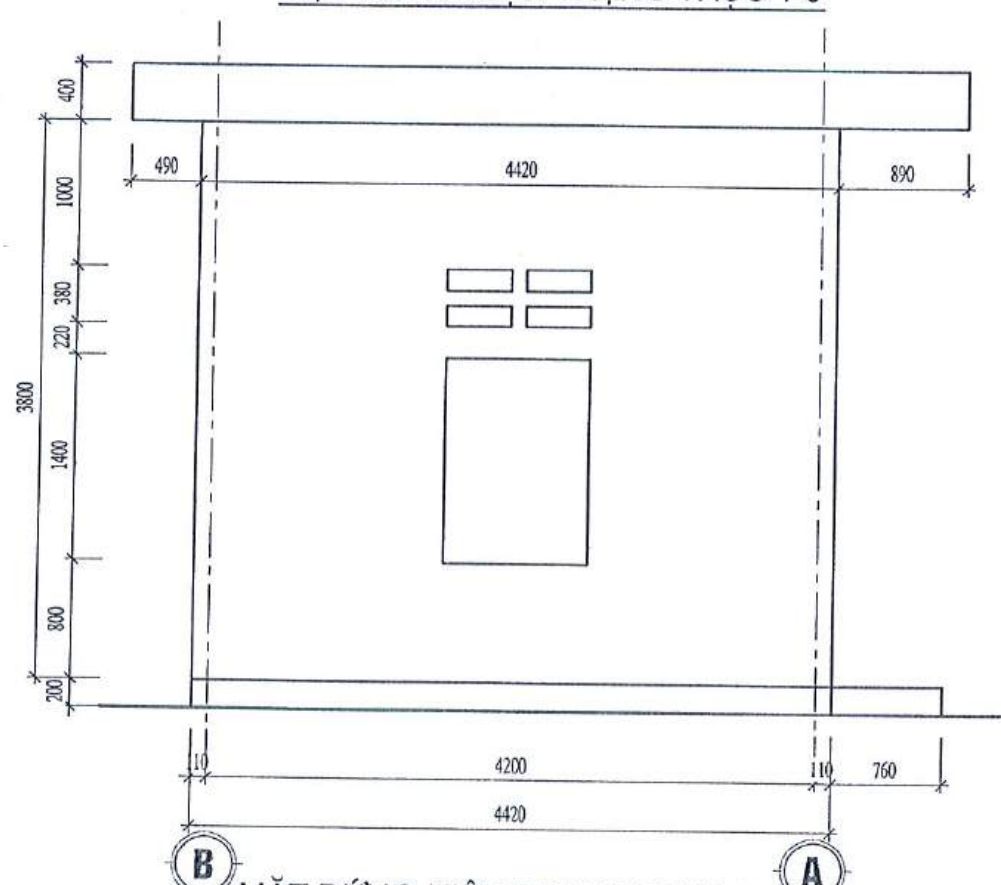
NGÀY PHÁT HÀNH:

THÁNG.../2021

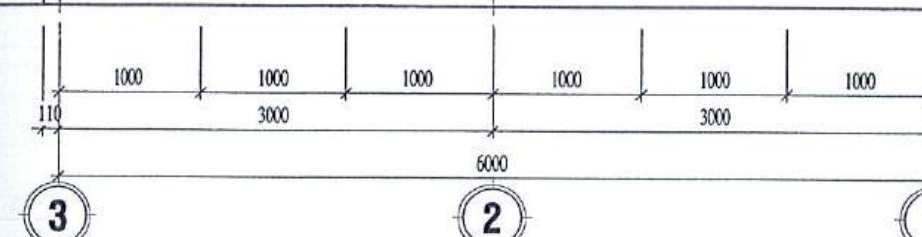
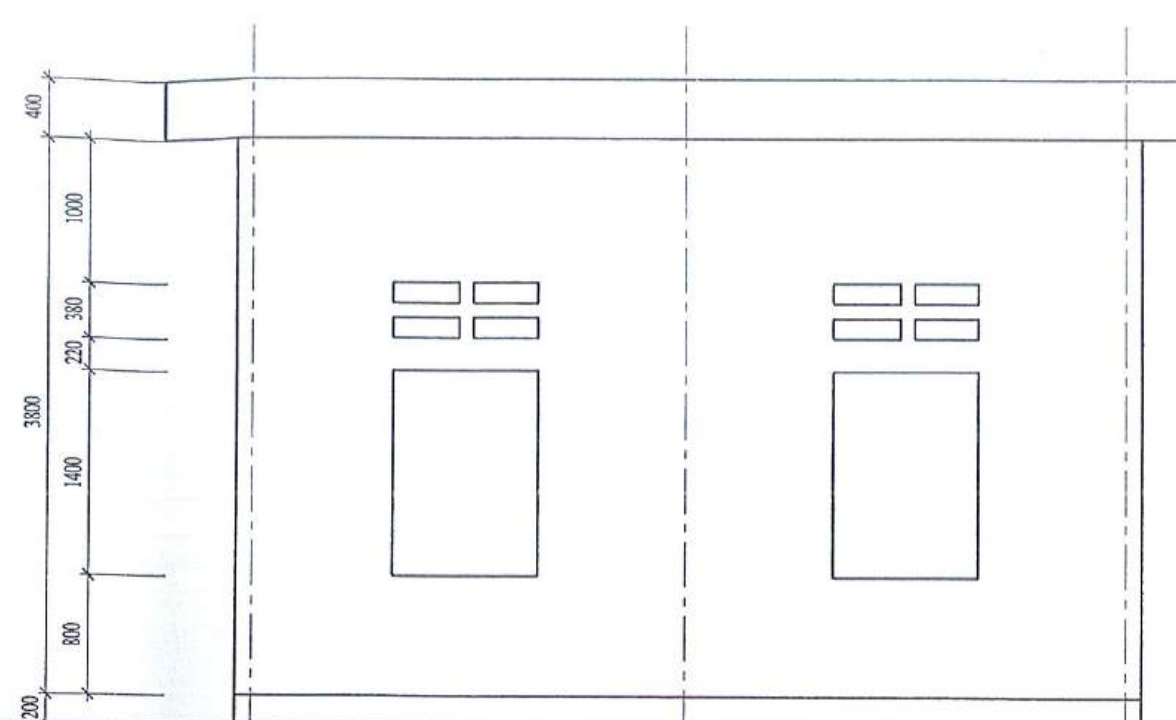
KT : 01



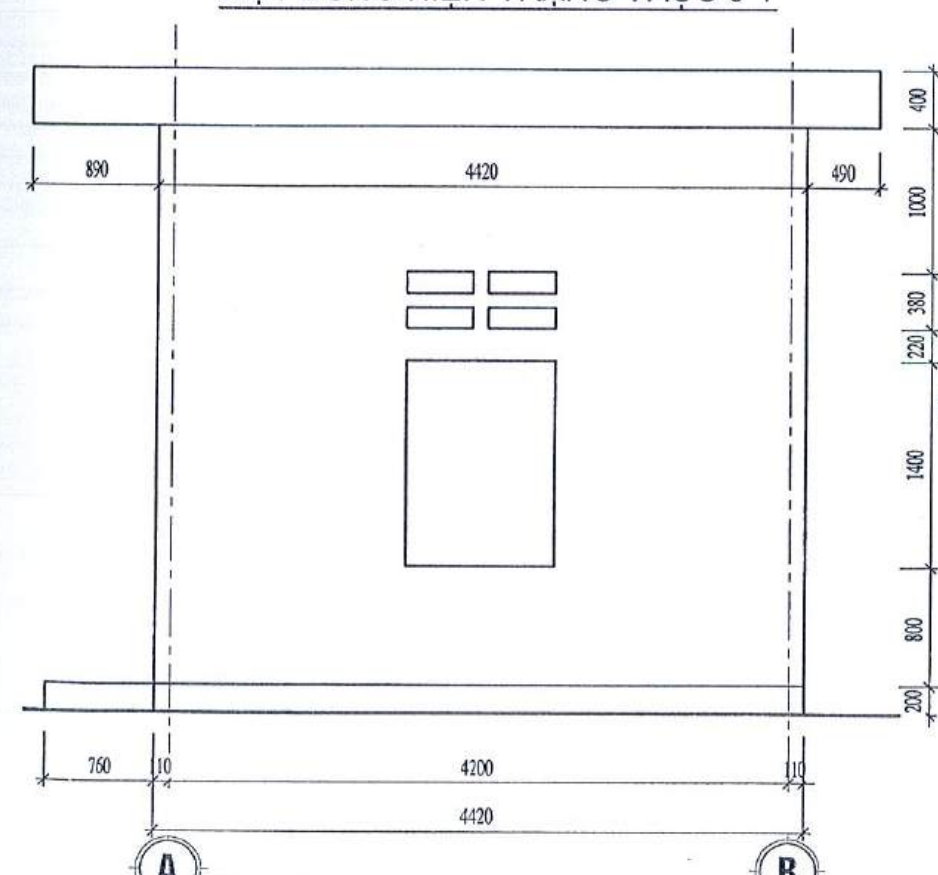
MẶT ĐỨNG HIỆN TRẠNG TRỤC 1-3



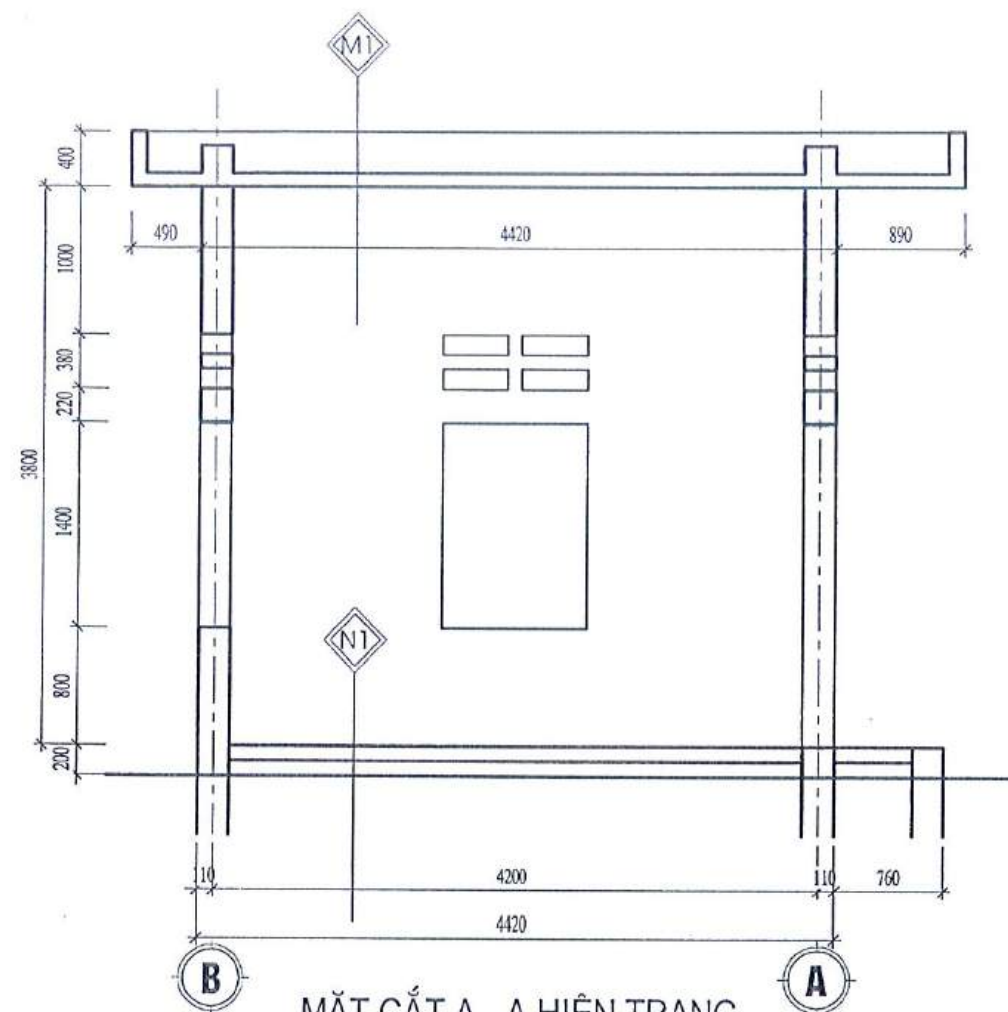
MẶT ĐỨNG HIỆN TRẠNG TRỤC B-A



MẶT ĐỨNG HIỆN TRẠNG TRỤC 3-1



MẶT ĐỨNG HIỆN TRẠNG TRỤC B-A



MẶT CẮT A - A HIỆN TRẠNG



CẤU TẠO NỀN

BÊ TÔNG NỀN DÀY 100

ĐẤT TỎN NỀN HIỆN TRẠNG

ĐẤT TỰ NHIÊN HIỆN TRẠNG

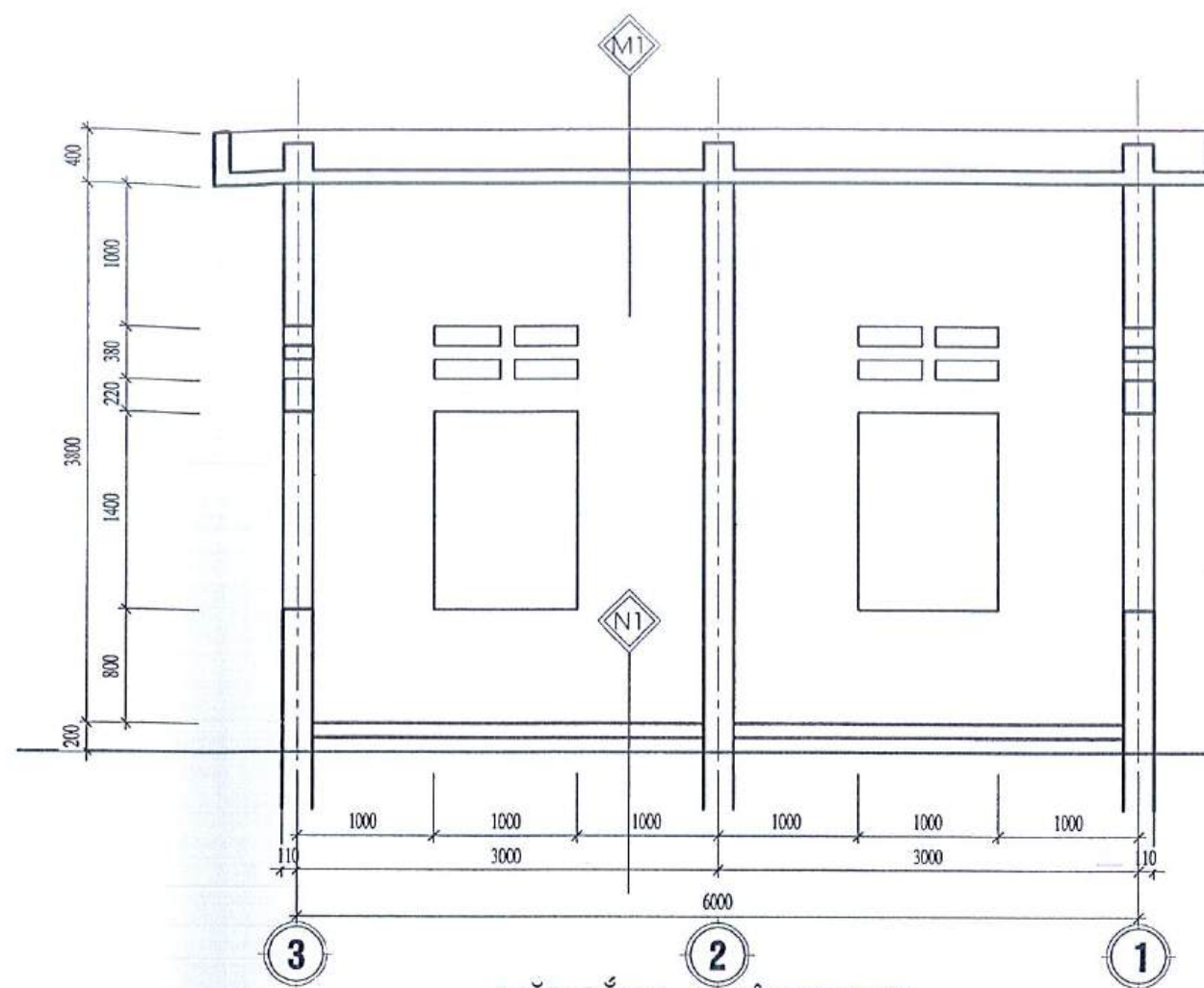


CẤU TẠO MÁI

LỚP CẤU TẠO CHỐNG THẤM

SÀN MÁI B.T.C.T DÀY 100

TRÁT TRẦN DÀY 1,5CM



MẶT CẮT 1- 1 HIỆN TRẠNG

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER

TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN HƯƠNG SƠN

CÔNG TRÌNH/PROJECT:

DUY TU BẢO DƯỠNG BẢO TRÌ, SỬA CHỮA, CUNG CẤP,
THAY THẾ VẬT TƯ, LẮP ĐẶT VẬT LIỆU LỌC HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI Y TẾ - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN

ĐỊA ĐIỂM/LOCATION:

HUYỆN HƯƠNG SƠN - TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG TỔNG HỢP HÒA PHÁT

ĐC: 207, Nguyễn Trung Thiên, P. Thạch Quý, tp Hà Tĩnh
Email: nhoaphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



CHỦ TRƯỞNG/RESIDED BY:

[Signature]

KS: NGUYỄN THANH SÂM

THIẾT KẾ/DESIGN BY:

[Signature]

KS: NGUYỄN VĂN ĐOAN

TÊN BẢN VẼ/DWG NAME

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG
CÁC HẠNG MỤC TRẠM
XỬ LÝ

ĐỘ BỐ SƠ/STAGE:

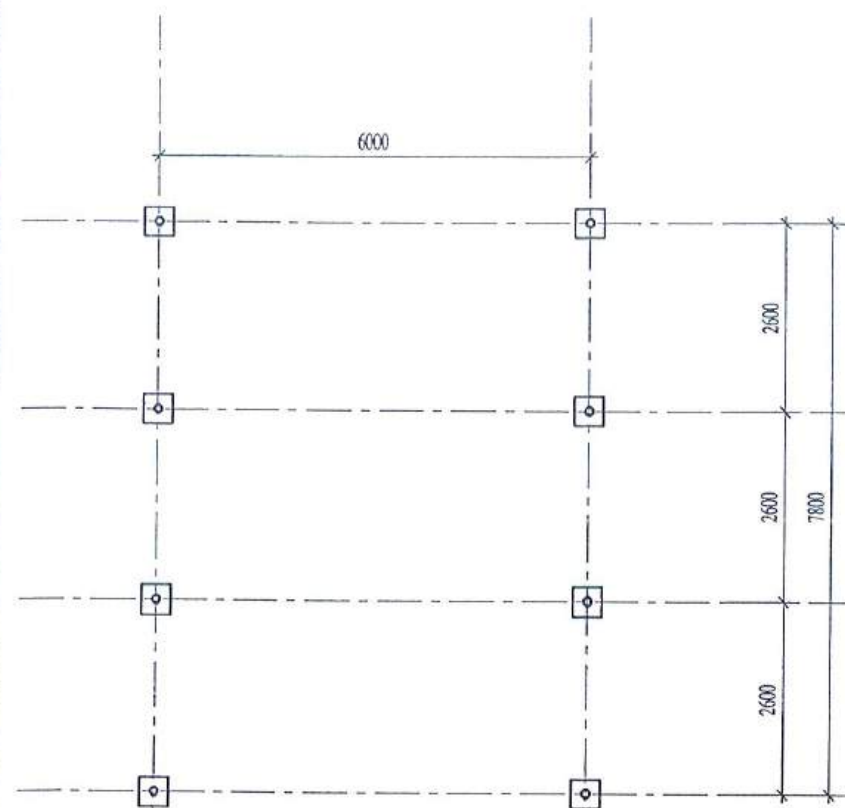
BẢN VẼ K.T.I.C

TỶ LỆ/SCALE:

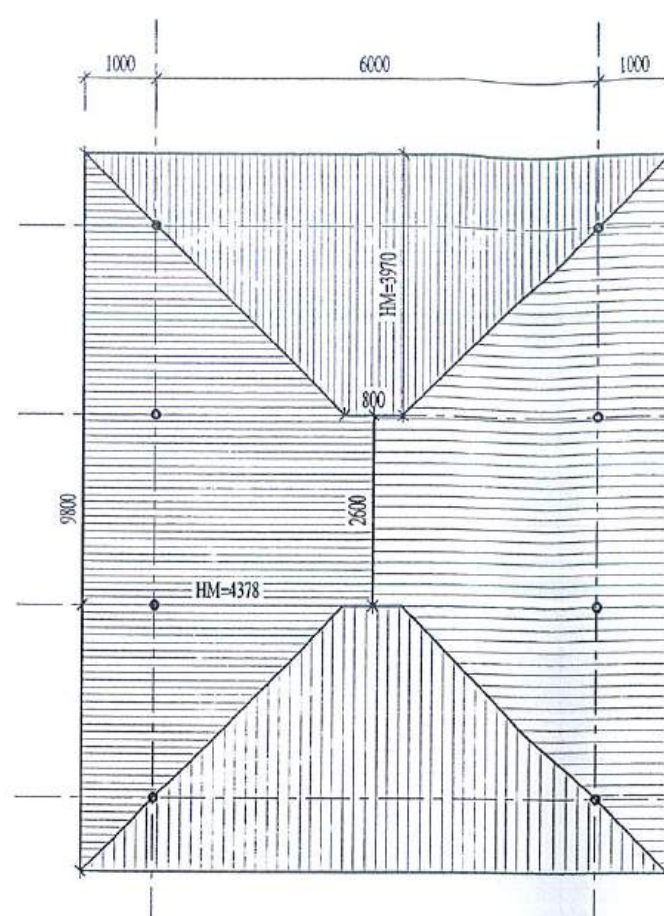
SỐ MẪU BẢN VẼ

NGÀY PHÁT HÀNH:
THÁNG...../2021

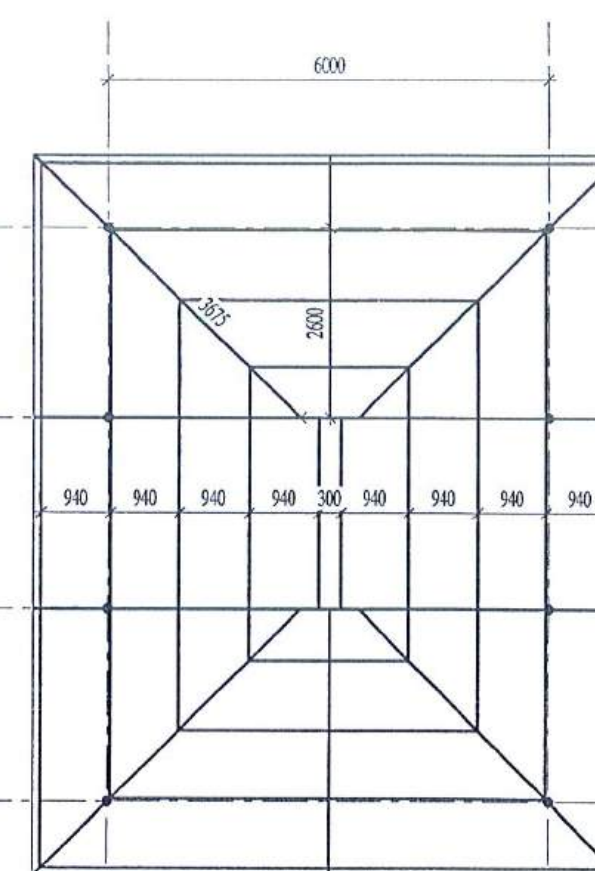
KT: 01



MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG MÁI CABIN XỬ LÝ

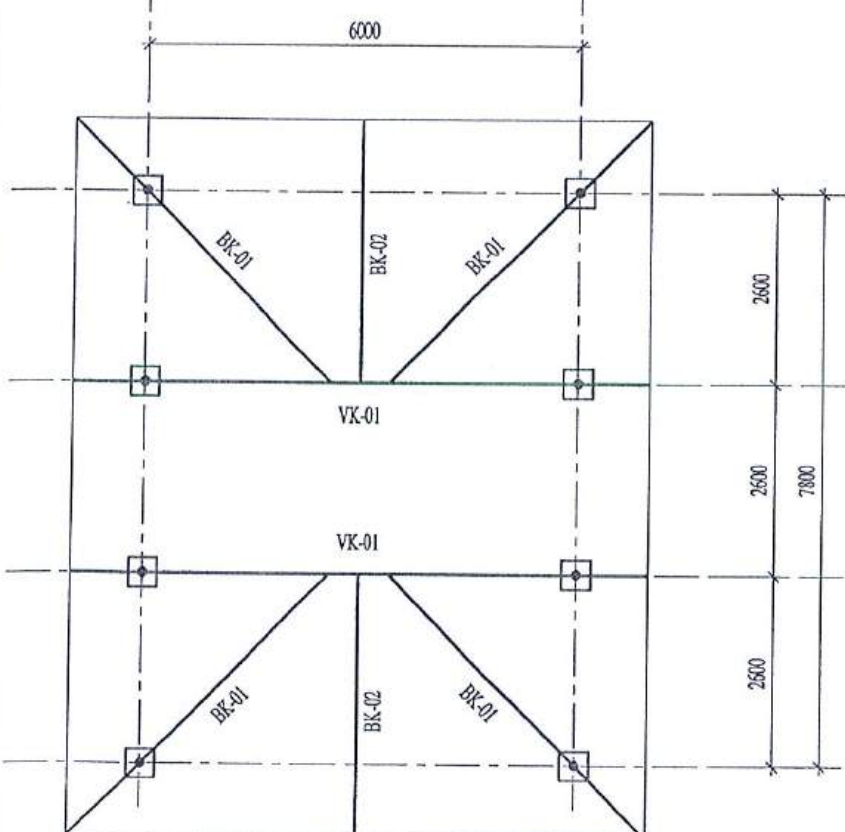


MẶT BẰNG MÁI

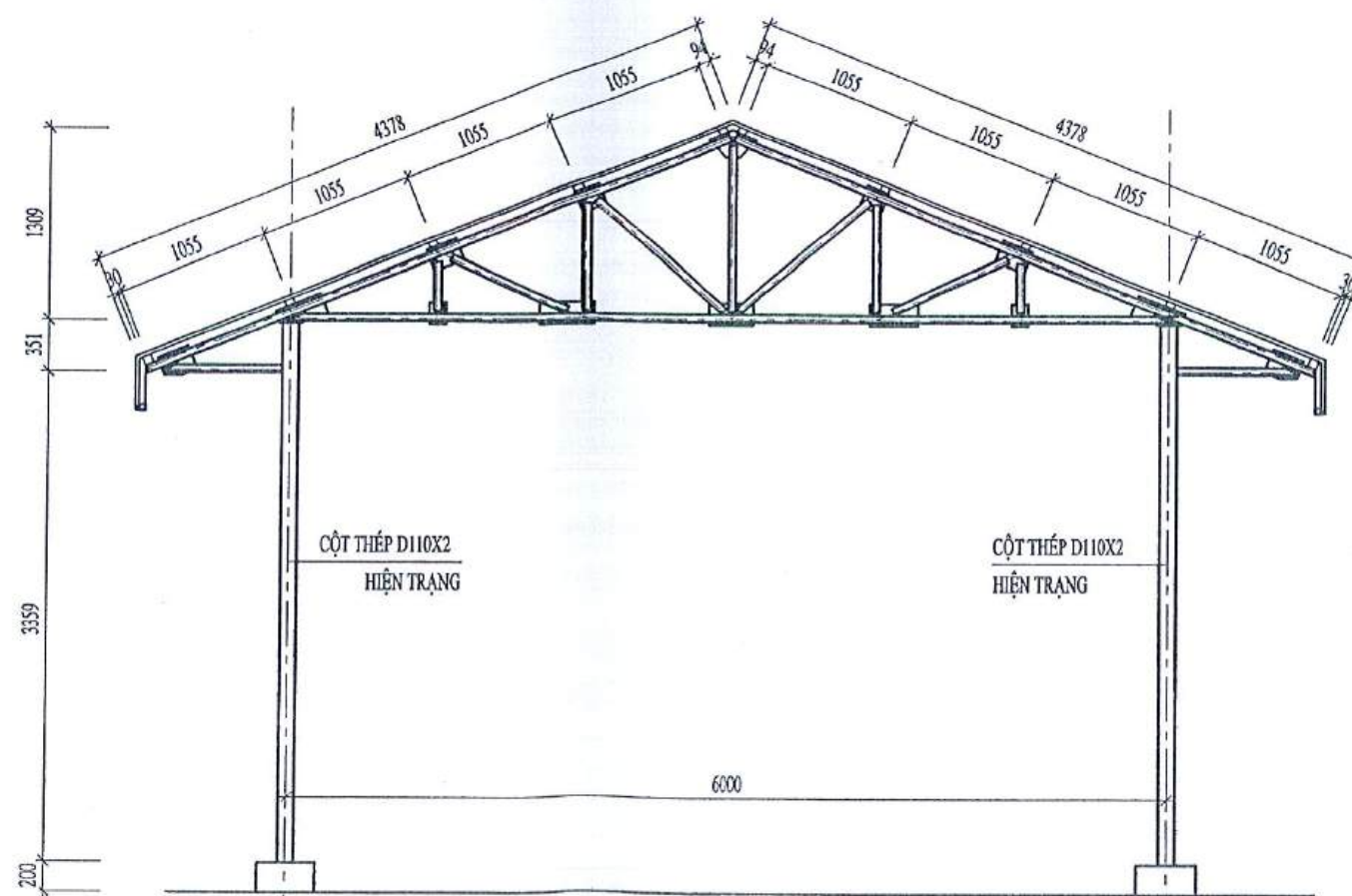


MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG XÀ GỖ MÁI

HỘP XÀ GỖ 40X40X1.4 MM; TỔNG CHIỀU DÀI L=99.4 M (168.98 KG)



MẶT BẰNG TẦNG MÁI HIỆN TRẠNG (CỐT ĐỈNH CỘT)



MẶT CẮT NGANG MÁI

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ/GIỮA

TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN HƯƠNG SƠN

CÔNG TRÌNH/PROJECT:

DUY TU BẢO DƯỠNG BẢO TRÌ, SỬA CHỮA, CUNG CẤP,
THAY THẾ VẬT TƯ, LẮP ĐẶT VẬT LIỆU LỌC HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI Y TẾ - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN

DIA ĐIỂM/LOCATION:

HUYỆN HUƠNG SƠN - TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:



ĐC: 207, Nguyễn Trung Thiên, P. Thạch Quý, tp Hà Tĩnh
Email: mhoaphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR: 203196

NGUYỄN SY HOA

KS: NGUYỄN THANH SÂM

THIẾT KẾ DESIGN BY:

KS: NGUYỄN VĂN ĐOAN

TÊN BẢN VẼ/ DWG NAME

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG
CÁC HẠNG MỤC TRẠM
XỬ LÝ

BỘ HỒ SƠ / STAGE:

TỶ LỆ SCALF:

NGÀY PHÁT HÀNH

THÁNG.../2021

BẢN VÊ KỊCH

SỐ HỒI BÀN VẾ

KT:01

TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỀN HƯƠNG SƠN

ĐUY TƯ BẢO DƯỠNG BẢO TRÌ, SỬA CHỮA, CUNG CẤP,
THAY THẾ VẬT TƯ, LẮP ĐẶT VẬT LIỆU LỌC HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI Y TẾ - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN.

ĐỊA ĐIỂM LOCATION :
HUYỆN HƯƠNG SƠN - TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG TỔNG HỢP HÒA PHÁT

ĐC: 207, Nguyễn Trung Thiên, P. Thạch Quý, tp Hà Tĩnh
Email: mhoaphat@gmail.com

3002

NGUYỄN SỸ HÒA

CHỦ TRÌ/PRESIDED BY:

KS: NGUYỄN THANH SÂM

THIẾT KẾ/DESIGN BY:

KS: NGUYỄN VĂN ĐOÀN

TÊN BẢN VẼ/DWG NAME

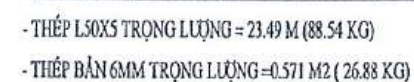
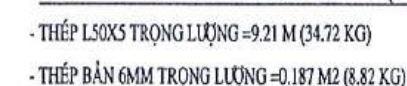
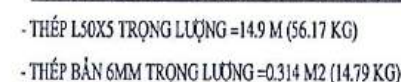
MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG
CÁC HẠNG MỤC TRẠM
XỬ LÝ

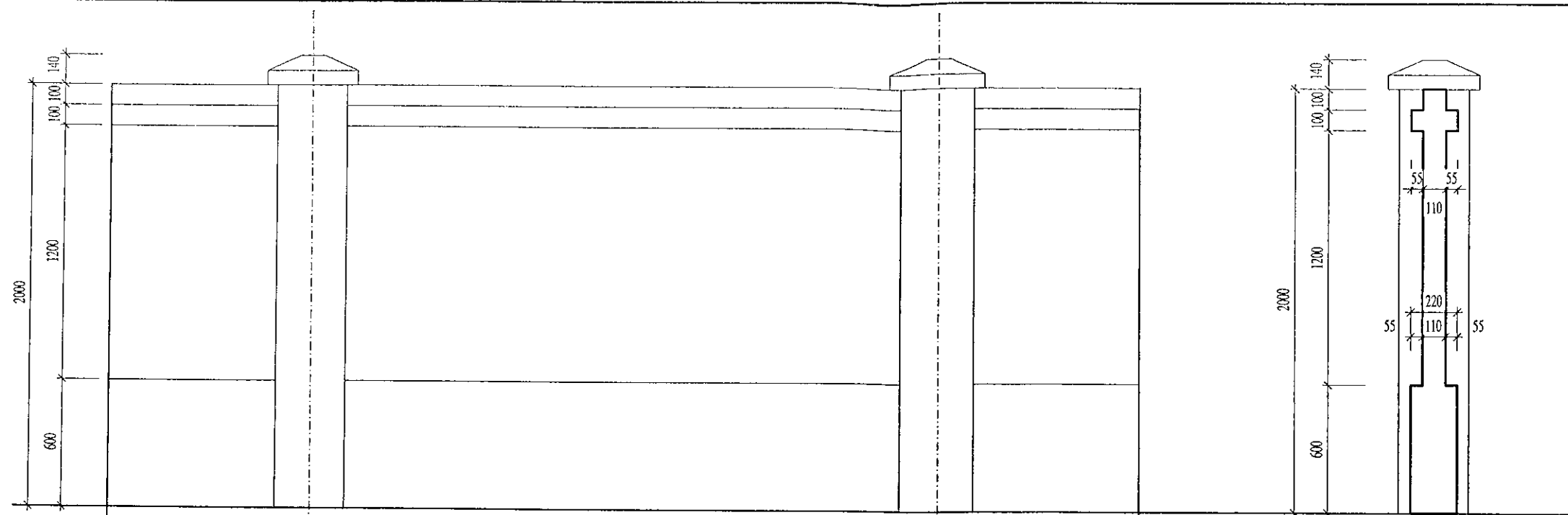
BẢN VÊ K.T.T.C

SỐ HIỆU BẢN VẼ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

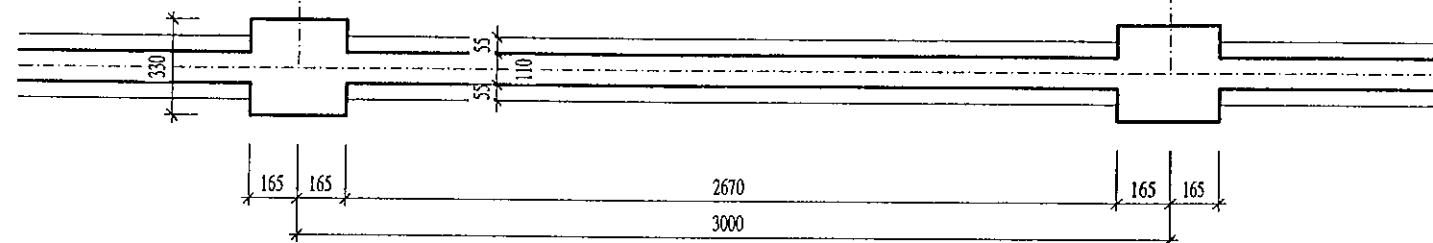
RT: 01





MẶT ĐỨNG TƯỜNG RÀO HIỆN TRẠNG ĐIỂN HÌNH

MẶT CẮT NGANG

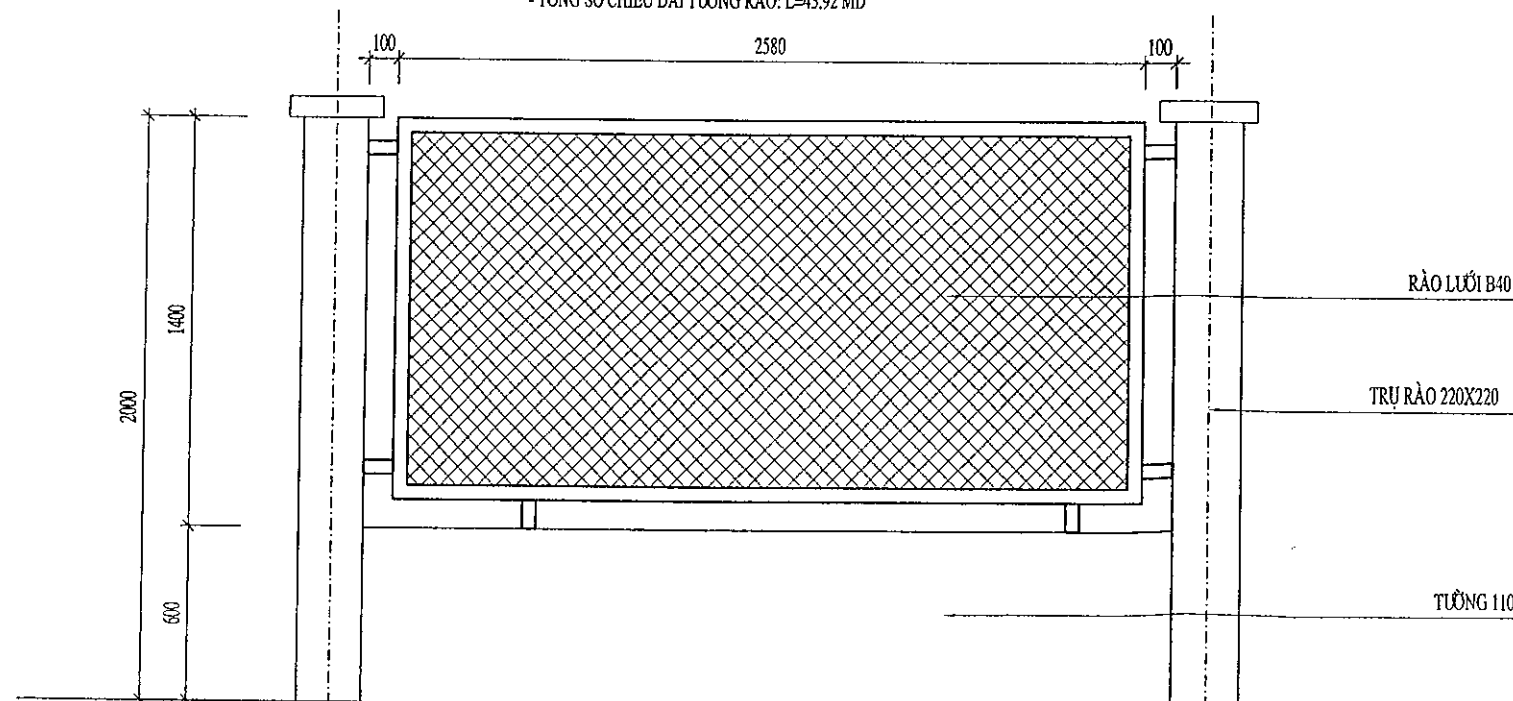


MẶT BẰNG TƯỜNG RÀO HIỆN TRẠNG ĐIỂN HÌNH

TỔNG CHIỀU DÀI TUYẾN TƯỜNG RÀO: L=50.0 M, TRONG ĐÓ:

- TỔNG SỐ TRỤ RÀO: 18 TRỤ

- TỔNG SỐ CHIỀU DÀI TƯỜNG RÀO: L=43.92 MD



MẶT ĐỨNG TƯỜNG RÀO LƯỚI B40 ĐIỂN HÌNH

TỔNG CHIỀU DÀI TUYẾN TƯỜNG RÀO LƯỚI B40: L=27.6 M, TRONG ĐÓ:

- TỔNG SỐ TRỤ RÀO: 09 TRỤ

- TỔNG SỐ CHIỀU DÀI TƯỜNG RÀO LƯỚI B40: L=25.62 MD

- CỐNG SẮT RỘNG X CAO: 2400X2000 MM

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER

TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN HƯƠNG SƠN

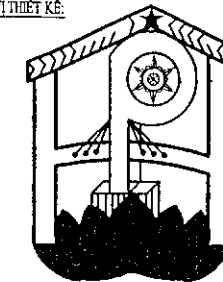
CÔNG TRÌNH/PROJECT:

DUY TU BẢO DƯỠNG BẢO TRÌ, SỬA CHỮA, CUNG CẤP,
THAY THẾ VẬT TƯ, LẮP ĐẶT VẬT LIỆU LỌC HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI Y TẾ - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HƯƠNG SƠN

ĐỊA ĐIỂM/LOCATION:

HUYỆN HƯƠNG SƠN - TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG TỔNG HỢP HÒA PHÁT

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR:

Shee

NGUYỄN SỸ HÒA

CHỦ TRƯỞNG/PRESIDED BY:

S

KS: NGUYỄN THANH SÂM

THIẾT KẾ/DESIGN BY:

Shee

KS: NGUYỄN VĂN ĐOÀN

TÊN BẢN VẼ/DWG NAME

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG
CÁC HẠNG MỤC TRẠM
XỬ LÝ

BỘ HỒ SƠ/STAGE:

BẢN VẼ K.T.T.C

TỶ LỆ/SCALE:

SỐ HIỆU BẢN VẼ

NGÀY PHÁT HÀNH:

THÁNG...../2021

KT : 01